

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

**TỔNG QUAN KHOA HỌC**

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP BỘ

**THÔNG TIN KHOA HỌC  
VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ  
Ở NƯỚC TA HIỆN NAY**

*Cơ quan chủ trì* : Viện Thông tin khoa học

*Chủ nhiệm đề tài* : TS. Đặng Lễ Nghi

*Thư ký đề tài* : ThS. Bùi Duy Thi

HÀ NỘI - 2007

6738

1013108

## **CÁC CỘNG TÁC VIÊN**

1. TS. Trần Xuân Châu
2. CN. Dương Xuân Dục
3. CN. Nguyễn Tuyết Hạnh
4. CN. Hoàng Văn Hoan
5. CN. Trần Ngọc Hội
6. PGS.TS Nguyễn Hữu Hùng
7. TS. Hoàng Ngọc Kim
8. CN. Nguyễn Thu Lan
9. Ths. Nguyễn Thị Hồng Lâm
10. CN. Vũ Ngọc Lâm
11. CN. Tô Thị Loan
12. CN. Nguyễn Thị Phương Loan
13. TS. Trần Văn Nhung
14. TS. Trần Thanh Phương
15. TS. Nguyễn Văn Tài
16. Ths. Nguyễn Thị Tâm
17. Ths. Bùi Duy Thi
18. Ths. Đoàn Thị Thanh Thủy
19. CN. Nguyễn Thị Thoa
20. CN. Nguyễn Thị Lệ Thủy
21. CN. Nguyễn Thanh Thủy
22. CN. Nguyễn Anh Tuấn
23. GS.TS. Hồ Văn Vĩnh

## NHỮNG CHỮ VIẾT TẮT

TTKH	=	Thông tin khoa học
CNXH	=	Chủ nghĩa xã hội
XHCN	=	Xã hội chủ nghĩa
CSDL	=	Cơ sở dữ liệu
KHCN	=	Khoa học công nghệ
NCPT	=	Nghiên cứu phát triển
CNH, HĐH	=	Công nghiệp hoá, hiện đại hoá
WTO	=	Tổ chức thương mại thế giới

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<b>LỜI MỞ ĐẦU</b>	<b>7</b>
<b>Chương 1: LÝ LUẬN KHÁI QUÁT VỀ THÔNG TIN KHOA HỌC</b>	
1.1 Khái niệm chung	12
1.1.1 Khái niệm thông tin	12
1.1.2 Khái niệm về thông tin khoa học	19
1.2 Ảnh hưởng, tác động của thông tin khoa học đối với sự phát triển kinh tế	26
1.2.1 Thông tin khoa học cung cấp các dữ liệu cần thiết xác lập các phương án, kế hoạch phát triển kinh tế	25
1.2.2 Thu thập và xử lý tin giúp cho hoạt động kinh tế	27
1.2.3 Thông tin khoa học đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành tư duy kinh tế	29
1.2.4 Thông tin khoa học có vai trò tác động khơi nguồn tư duy sáng tạo cái mới nói chung và cho sự phát triển kinh tế nói riêng	33
1.2.5 Thông tin khoa học giữ vai trò quyết định sử dụng có hiệu quả một loại vốn đặc biệt cho sự phát triển kinh tế - vốn thông tin	36
1.2.6 Tác dụng tiết kiệm nguồn lực	39
1.2.7 Phổ cập hóa kiến thức khoa học công nghệ nói chung và kiến thức khoa học kinh tế nói riêng cho những người tham gia hoạt động kinh tế	39
1.2.8 TTKH là cầu nối giữa khoa học với thực tiễn kinh tế	42
1.2.9 Thông tin khoa học góp phần tạo ra động lực tinh thần cho phát triển kinh tế	43
1.2.10 Thông tin khoa học góp phần tác động đến thay đổi phương thức sinh hoạt kinh tế	44
1.2.11 Hướng dẫn nhu cầu, góp phần kích thích nhu cầu mới cũng như tạo ra phương pháp để thỏa mãn nhu cầu của sự phát triển kinh tế	45

<b>Chương 2: THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN KHOA HỌC PHỤC VỤ SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ Ở NƯỚC TA</b>		
2.1	Về tổ chức hệ thống thông tin khoa học của nước ta hiện nay	49
2.1.1	Giai đoạn trước năm 2000	49
2.1.2	Giai đoạn từ năm 2000 đến nay	51
2.2	Thông tin khoa học đã có tác dụng tích cực phục vụ cho quá trình đổi mới tư duy kinh tế	55
2.3	Thông tin khoa học bám sát nhu cầu thực tiễn	60
2.4	Thông tin khoa học góp phần tạo ra cơ sở cho sự ổn định chính trị xã hội để đổi mới có trật tự, phát huy mọi nguồn lực trong phát triển kinh tế thời kỳ đổi mới	65
2.5	Thông tin khoa học phục vụ tích cực đường lối kiên định đổi mới, độc lập và sáng tạo của đảng	67
2.6	Thông tin khoa học phục vụ cho cuộc đấu tranh với tệ nạn kinh tế - xã hội và làm lành mạnh hoá xã hội để phát triển kinh tế	69
2.7	Những hạn chế chủ yếu của TTKH trong việc phục vụ sự phát triển kinh tế nước ta	74
<b>Chương 3: NHỮNG GIẢI PHÁP ĐỂ THÔNG TIN KHOA HỌC TÁC ĐỘNG CÓ HIỆU QUẢ ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ</b>		
3.1	Phải nhận thức rõ hơn vai trò TTKH nói chung và TTKH phục vụ phát triển kinh tế	78
3.1.1	Chức năng thu thập, lưu trữ và phục vụ tin trong điều kiện CNTT phát triển nhanh	78
3.1.2	Chức năng thẩm định tư liệu khoa học	79
3.1.3	Chức năng phổ cập tri thức	80
3.1.4	Chức năng thông tin nội dung mới	80
3.1.5	Chức năng dự báo	80
3.2	Đảm bảo các yếu tố chủ yếu quyết định chất lượng nội dung thông tin	81

3.2.1	Thông tin khoa học phải đáp ứng tốt hơn với việc tạo lập hệ thống thông tin chiến lược, phục vụ cho việc hoạch định đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước ta	82
3.2.2	Thông tin khoa học về hệ tư tưởng kinh tế	89
3.2.3	Thông tin đổi mới về chiều sâu	100
3.2.4	TTKH góp phần phát triển tư duy xã hội theo hướng tư duy khoa học, tư duy lành mạnh	105
3.2.5	Thông tin khoa học phải thích ứng nhanh, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế trong thời kỳ mới khi nước ta là thành thành viên Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO)	109
3.2.6	Tăng cường công tác thống kê, phân tích, xử lý, phổ biến tin và kiểm tra chất lượng thông tin khoa học	112
3.2.7	Thông tin các điều mới, sáng tạo mới	113
3.2.8	Thị trường hóa sản phẩm thông tin khoa học	115
3.3	Một số giải pháp bổ trợ	119
3.3.1	Đẩy mạnh việc phát triển nguồn nhân lực cho thông tin khoa học	119
3.3.2	Tăng cường đầu tư kinh phí và cơ sở vật chất - kỹ thuật	120
3.3.3	Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về TTKH	121
3.3.4	Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thông tin khoa học	122
3.3.5	Xây dựng và phát triển hệ thống quốc gia về thông tin kinh tế	122
3.3.6	Hoàn thiện cơ chế hoạt động thông tin kinh tế	123
3.3.7	Đào tạo đội ngũ cán bộ làm thông tin kinh tế đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế thị trường	124
	<b>KẾT LUẬN</b>	127
	<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	128

## LỜI MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong những năm gần đây đã xuất hiện thuật ngữ "ưu thế thông tin", tức là khả năng thu thập, xử lý, lưu giữ và truyền tải thông tin để phục vụ cho nhu cầu xã hội, ưu thế thông tin được đề cập không chỉ về mặt số lượng thông tin mà cả mặt chất lượng thông tin. Ở Tây Âu ngành công nghệ thông tin đang phát triển nhanh gấp 2 - 3 lần các ngành khác. Ngay từ cách đây khá lâu, từ năm 1993 khối lượng của khu vực thông tin trong nền kinh tế của EU đã chiếm 50% khối lượng sản xuất công nghiệp. Hiện nay, ở Mỹ phần khu vực thông tin chiếm từ 60 - 70% GDP. Nhìn tổng quát trên thế giới năm 2005 thì tốc độ tăng trưởng của thị trường công nghệ thông tin đạt 7,1%, cao gấp hơn 2 lần tăng trưởng bình quân GDP của thế giới (Hội tin học Thành phố Hồ Chí Minh, Báo cáo toàn cảnh công nghệ thông tin Việt Nam năm 2006, tr. 2).

Thông tin trở thành chủ đề nổi bật, thậm chí là chủ đề trung tâm lôi cuốn, thu hút sự nghiên cứu của nhiều nhà nghiên cứu nổi tiếng trên thế giới. Nó tập trung, thu hút trí tuệ nghiên cứu của rất nhiều trường phái khác nhau như: Al. Toffler, D. Bell, Fukuyama (Mỹ), Helmut Shelski (Đức), Jean Logkime và Francois du Castel và Piere Musso (Pháp), Y. Nayashi (Nhật). Các nhà triết học, kinh tế và xã hội học Nga ví như: L. D. Rezman, E. Belikhov, A. Eliacov, B. L. Inozemxev, I Iuzvisin và nhiều người khác, ở Trung Quốc cũng được các nhà nghiên cứu hàng đầu quan tâm, ví dụ như: Shu Yongqing, Jin Wulun và rất nhiều người khác.

Ngày nay, TTKH là một hoạt động quan trọng và thiết yếu không chỉ đối với nghiên cứu khoa học; vai trò, chức năng và tác dụng của nó ngày càng được thể hiện rõ trong tất cả các mặt của đời sống xã hội, trong đó có lĩnh vực

phát triển kinh tế, thông tin được coi là cơ sở nền tảng của xã hội.

Cùng với sự phát triển chung của nền kinh tế, của đời sống xã hội và đặc biệt là sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin, TTKH được chuyên môn hóa nhiều hơn, sâu hơn về các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội. Trong đó TTKH về lĩnh vực kinh tế đã đóng vai trò đáng kể. Mối quan hệ giữa TTKH với sự phát triển kinh tế ngày càng được nâng lên.

Ở nước ta, TTKH từng bước thể hiện được ảnh hưởng, tác động đến sự phát triển kinh tế và trở thành tiền đề của phát triển đó.

Mới đây Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2/9/2005/QĐ-TTg ngày 09 tháng 9 năm 2005, phê duyệt Chiến lược phát triển hệ thống đến năm 2010. Ngay lời mở đầu đã nêu rõ "Ngày nay, thông tin được coi là một nhu cầu thiết yếu trong đời sống xã hội"; "Thiếu thông tin sẽ gây khó khăn trong việc đưa ra các quyết định hoặc các quyết định sẽ bị sai lệch, thiếu cơ sở khoa học, không thực tiễn và trở nên kém hiệu quả", "Chiến lược phát triển hệ thống là một bộ phận quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia". (Thủ tướng Chính phủ: Chiến lược phát triển hệ thống thông tin đến năm 2010, tr. 4).

Trong văn bản nêu trên đề cập đến đánh giá hiện trạng hoạt động thông tin, thông tin kinh tế luôn được nêu lên hàng đầu. Đồng thời văn bản này cũng khẳng định: Thông tin về kinh tế, khoa học, công nghệ v.v... còn hạn chế.

Trong tình hình như vậy, TTKH đóng vai trò, tác dụng, ảnh hưởng như thế nào đối với sự phát triển kinh tế là một trong những vấn đề cần được nghiên cứu từ phía TTKH cũng như từ nhu cầu cần đáp ứng thông tin của sự phát triển kinh tế.

Việc nghiên cứu vấn đề này nếu có kết quả tốt sẽ góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế, góp phần giải quyết tối ưu hóa mối quan hệ giữa TTKH với sự phát triển kinh tế, làm tăng lên vai trò, tác dụng của thông tin khoa học nói riêng và hoạt động thông tin nói chung đối với đời sống xã hội.

Có nhiều cách tiếp cận về tìm giải pháp để thúc đẩy sự phát triển kinh tế, ở đây tiếp cận từ góc độ TTKH, xác định rõ hơn một yếu tố góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.



## 2. Tình hình nghiên cứu

Ở nước ngoài đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về triết học thông tin kinh tế và xã hội học, ví dụ một vài công bố như sau:

- Rezman L. Đ: xã hội thông tin và vai trò của viễn thông trong sự hình thành xã hội thông tin (Tạp chí Những vấn đề triết học, Nga, 3/2001, tr. 3 - 9.

- Pierre Musso: Xa lộ thông tin và xã hội thông tin (Pensee, 12/1996, No 306, tr. 5 - 16).

- Inozemcev B. L: Kinh tế hậu công nghiệp và xã hội hậu công nghiệp, Tạp chí Khoa học và xã hội, Nga, 3/2001, tr. 140 - 152).

- Paul A. David, Dominique Foray: Dấu hiệu về nền kinh tế và xã hội tri thức (Tin từ Báo quốc tế về Khoa học xã hội, số 171, 3/2002, tr. 13 - 27).

- Chen lihui: Internet và việc xây dựng lại mô hình tổ chức xã hội - một cuộc biến thiên xã hội sâu sắc đang diễn biến.

- A. Eliacov: Ưu thế thông tin của Mỹ và Nga, (Tạp chí Đối thoại, tiếng Nga, 11/2001).

- E. A. Tikhovovich: Thời đại thông tin và những vấn đề cấp thiết của nền kinh tế (Tạp chí Kinh tế thế giới và các quan hệ quốc tế (Nga), số 4/2005.

- V. Meitus: Doanh nghiệp ảo trong xã hội thông tin (Tạp chí các vấn đề lý luận và thực tiễn của quản lý (Nga), số 4/2006).

Ở trong nước cũng đã có các công trình đáng lưu ý:

- Đường Vinh Sùng: Thông kinh tế với việc khắc phục những khuyết tật của kinh tế thị trường - Đề tài cấp bộ năm 1998 - 1999, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

- Hoàng Ngọc Kim: Thông tin khoa học với công nghiệp hóa, hiện đại hóa - Đề tài cấp cơ sở năm 2001 - 2002.

- Vũ Đình Hòe, Tạ Ngọc Tấn, Vũ Hiên... Truyền thông đại chúng trong công tác lãnh đạo quản lý, Nxb Chính trị Quốc gia, 2000.

Ngoài ra còn có các giáo trình thông tin học và một số luận văn tiến sĩ, với các mức độ nhất định cũng đã đề cập đến TTKH với sự phát triển kinh tế. Tuy

nhiên, chưa có một công trình nào đi thẳng và bàn trực diện về vai trò tác động của TTKH với sự phát triển kinh tế và bàn các giải pháp để TTKH phát huy được vai trò của nó. Đề tài này được nghiên cứu là để giải quyết vấn đề đó.

### **3. Mục tiêu nghiên cứu**

*Mục tiêu:*

- Làm rõ vai trò, tác động của TTKH đối với sự phát triển kinh tế, những giới hạn tác động của TTKH.

- Đánh giá thực trạng tác động của TTKH đối với sự phát triển kinh tế ở nước ta trong những năm gần đây.

- Có những đề xuất để làm cho hoạt động TTKH tác động có hiệu quả đối với sự phát triển kinh tế trong giai đoạn tới.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

- Đối tượng nghiên cứu là thông tin và thông tin khoa học trong quan hệ với sự phát triển kinh tế. Đó là thông tin kinh tế

*- Phạm vi nghiên cứu:*

+ Phạm vi nghiên cứu: áp dụng vào nền kinh tế nước ta trong thời kỳ đổi mới và hiện nay.

+ Khi đề cập đến thông tin khoa học phục vụ cho sự phát triển kinh tế thì đề tài cũng chỉ đề cập ở khía cạnh khái quát chung, vai trò tác động chung của thông tin đối với kinh tế (trong các ví dụ không có sự tách biệt).

+ Đề tài nghiên cứu cũng chỉ dưới dạng lý luận, chưa có tham vọng giải quyết nhiều khía cạnh cụ thể chi tiết trong TTKH đối với sự phát triển kinh tế (Thí dụ: không thể đi sâu vào TTKH xã hội, TTKH công nghệ, TTKH an ninh và quốc phòng, TTKH giáo dục v.v..).

### **5. Phương pháp nghiên cứu**

- Phương pháp cơ bản: áp dụng chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, lý thuyết về thông tin học và vận dụng phương pháp luận kinh tế mácxít, tức là vận dụng hệ thống các phạm trù khái niệm của kinh tế học mácxít có liên quan đến đề tài để giải quyết các vấn đề lý luận, khái niệm.

- Phương pháp tổng hợp và phân tích: tức là qua tổng hợp các kết quả nghiên cứu, phân tích và rút ra những vấn đề có liên quan đến thông tin và kinh tế tri thức và thông tin, vận dụng kinh tế tri thức, vai trò hệ thống khoa học về kinh tế tri thức và thông tin.

- Các phương pháp nghiên cứu và phân tích kinh tế khác: thống kê, so sánh, phương pháp điều tra v.v..

## **6. Ý nghĩa của đề tài**

- Tác giả đã diễn đạt một cách độc lập khái niệm thông tin, triển khai mở rộng nội dung của khái niệm này với nội dung kinh tế, coi các quá trình kinh tế cũng là quá trình thông tin;

- Đưa vào khái niệm TTKH một số nét mới, chẳng hạn như khẳng định rằng TTKH là một yếu tố tiên phong của lực lượng sản xuất trực tiếp;

- Đưa ra được những khái quát về tác dụng của TTKH đối với sự phát triển kinh tế, nêu lên nhiều điểm quan trọng, trong đó có những nhấn mạnh như nó là một loại vốn đặc biệt, cần phải biết cách tiết kiệm nguồn vốn thông tin.

- Nêu lên được một số giải pháp có tính khả thi, đặc biệt là nhấn mạnh các nhóm vấn đề về đẩy mạnh TTKH, trong đó đặc biệt chú ý đến nhóm nâng cao chất lượng TTKH.

- Có thể là một tài liệu giúp ích nào đó cho lĩnh vực TTKH và nghiên cứu khoa học.

## *Chương 1*

# LÝ LUẬN KHÁI QUÁT VỀ THÔNG TIN KHOA HỌC

## 1.1. KHÁI NIỆM CHUNG

### 1.1.1. Khái niệm thông tin

Khái niệm thông tin dưới các góc độ sinh học, triết học, điều khiển học quản lý, thông tin học kinh tế học xã hội học v.v... được đề cập khác nhau.

Khái niệm thông tin liên quan đến các khái niệm tri thức. Tri thức là những hiểu biết có hệ thống về sự vật, hiện tượng tự nhiên hay xã hội (Từ điển Tiếng Việt, Nxb Hà Nội - Đà Nẵng, 1997, tr 998).

Thuật ngữ "Thông tin" theo tiếng Anh: information (có nguồn gốc từ tiếng Latin, là sự giải thích, sự trình bày). Theo quan niệm phổ thông là sự truyền tin. Thông tin chính là sự truyền tải tri thức trong xã hội. Có quan niệm cho rằng: thông tin là dữ liệu, tin tức được xem xét trong quá trình tồn tại và hoạt động trong không gian và thời gian.

Như vậy, ta có thể hiểu khái niệm thông tin có bản chất chung như sau:

- Thông tin là một phạm trù nhận thức, nó thông qua việc sử dụng các công cụ biểu hiện đặc trưng để nhận thức thế giới khách quan.

- Nội dung thông tin là tri thức bao gồm tri thức cũ và tri thức mới, tri thức mới là đối tượng đặc biệt quan trọng. Đó là sự phản ánh thế giới nhận thức hiện thực được con người thu nhận được bằng hình thức thông tin. Thông tin chính là sự chuyển tải (dịch chuyển) tri thức giữa con người với con người. Tri thức là chủ thể đích thực của thông tin, là sản phẩm của ý thức con người. Vì thế, thông tin phụ thuộc vào hoạt động ý thức của con người.

- Thông tin được truyền tải bằng những hình thức và công cụ đặc trưng của quy trình nhận thức, dưới dạng các dấu hiệu có tính lôgic về ngôn ngữ riêng, có vật mang tin cụ thể để chứa đựng thông tin như sách, báo, truyền hình, truyền thanh v.v... và biểu hiện dưới dạng ngôn ngữ, chữ số, bảng biểu, sơ đồ v.v... gọi là các dữ liệu.

- Thông tin luôn luôn bao hàm 3 thành tố:

+ Tri thức là nội dung thông tin, là dữ liệu để được xử lý, truyền tải, lưu thông.

+ Đối tượng dùng tin: gắn liền với nhu cầu cá nhân hay tổ chức cụ thể nào đó, phục vụ cho hiểu biết, cho đời sống kinh tế - xã hội hay cho cá nhân, cho học tập hoặc nghiên cứu, giảng dạy v.v...

+ Chủ thể xử lý là con người (cá nhân hay tập thể, tổ chức) và công cụ, phương tiện để làm tin, thu thập, xử lý, lưu trữ và truyền tải tin.

- Khác với nhiều sản phẩm vật chất khác, nó không bị tiêu dùng hết, không bị hao mòn, không bị mất đi do tiêu dùng, ngược lại nó dễ dàng được sao chụp lại và truyền tải;

- Tiết kiệm được nguồn lực rất lớn;

- Trong khi sản phẩm thông tin đưa cho người khác tiêu dùng thì người chủ sở hữu nó vẫn không mất quyền sở hữu;

- Sản phẩm vẫn được giữ nguyên nếu lưu thông, truyền tin không làm thay đổi nội dung.

- Nó tương đối độc lập về thời gian, lưu trữ bao lâu cũng được.

- Chi phí không lớn để bảo quản, xử lý, lưu chuyển nó, không phải tiêu hao nhiều về năng lượng.

- Là sản phẩm sạch đối với môi trường.

- Nó có ưu điểm liên kết, vì thế mà thu hẹp khoảng cách không gian và thời gian của những đối tác liên kết với nhau.

(Xem: A.Eliacov, Tạp chí "Đối thoại" (Nga) số 11/2001).

- *Bản chất tự nhiên của thông tin*

Dưới góc độ sinh học và triết học, nhiều người cho rằng mô hình thông tin là cơ sở tồn tại của toàn bộ thế giới tự nhiên (Xem: I.Freigenberg. R. Rovinxki: Mô hình thông tin của tương lai với tính cách là một chương trình phát triển, tạp chí "Những vấn đề kinh tế, số 5/2000, tiếng Nga).

Đi xa hơn nữa, nhiều nhà nghiên cứu cũng có chung một quan điểm

cho rằng thông tin là thực thể phát triển của tự nhiên và xã hội. Theo Giáo sư I.Iuzvisin: "Thông tin - đó là tất cả ngọn nguồn của những nguyên nhân đầu tiên của các hiện tượng và quá trình trong các cấu trúc vĩ mô và vi mô của toàn thế giới" (Dẫn theo: E.A.Tikhonovich, Tạp chí "Kinh tế thế giới và các quan hệ quốc tế, số 4/2005, tiếng Nga).

Bản chất đặc biệt của thông tin chính là quan hệ lợi ích. Đây là vấn đề tương như cách xa với nhau nhưng thực ra, đó mới là điểm nhấn trong nội dung thông tin.

Trong tự nhiên thông tin là hình thức phản ánh, phản xạ tự nhiên giữa các tế bào của mỗi thực thể sinh vật, là sự phản ứng của sinh thái, sự sống. Thí dụ, cảm giác nóng lạnh thì bộ não con người phải thông báo cho bộ phận cơ thể tìm cách xử lý việc nóng hay lạnh, cái bụng đói thì phải có sự thông báo cho bộ phận nạp nguồn năng lượng. Một người đàn ông nhờ con mắt của mình trông thấy một người phụ nữ đẹp thì lập tức con mắt có sự thông báo cho bộ phận trí não và xúc cảm cần phải tỏ thái độ ra sao cho phù hợp. Như vậy, thông tin tự nhiên là mối liên hệ tự nhiên giữa các tế bào các bộ phận nhỏ nhất của sinh vật với nhau. Thông tin xã hội là mối liên hệ xã hội giữa các đơn vị cá thể hay tập thể xã hội với cấp độ và quy mô khác nhau. Thông tin của xã hội loài người là một hình thức hoạt động mang tính tri giác, là thông tin xã hội ở các cấp độ và phạm vi khác nhau. Thông tin xã hội là một dạng khác của thông tin nói chung. Thông tin xã hội loài người bao gồm 2 cấu tử hợp thành: dạng thông tin tự nhiên (thông tin sinh vật) và thông tin riêng có của xã hội loài người (thông tin loài người).

Thông tin xã hội là thuộc vào dạng thông tin tự giác của con người. Đương nhiên nó vẫn mang những đặc điểm do phản ánh vật chất làm cơ sở cho phản ánh xã hội. Thông tin xã hội là mối liên hệ xã hội ở các cấp độ khác nhau do sinh hoạt xã hội mà có thể nảy sinh ra ở phạm vi nhỏ nhất là giữa 2 cá nhân với nhau và ở cấp độ lớn nhất là thông tin toàn cầu. Ngày nay khái niệm thông tin xã hội đã phát triển thành khái niệm xã hội thông tin. Ở đây xin lưu ý, rằng khái niệm xã hội thông tin được hiểu về phương diện mang ý nghĩa kỹ thuật - công nghệ và cả phương diện tác động to lớn của thông tin đối với xã hội.

Tốc độ tăng của sản xuất tri thức mang tính "bùng nổ". Theo A. Toffler (Mỹ), 13 thế kỷ đầu công nguyên loài người chỉ xuất bản được 1.000 loại sách, riêng thế kỷ XIV xuất bản được bằng tổng cộng của 13 thế kỷ trước, hiện nay cứ 1 giờ xuất bản hơn 1.000 loại. Theo James Martin, một nhà xã hội học nổi tiếng Anh, rằng để tăng tri thức lên 2 lần, ở thế kỷ XIX là mất 50 năm, đầu thế kỷ XX là 30 năm, đến những năm 1950 là 10 năm, hiện nay khoảng 3 năm. Có 90% tri thức được tạo ra trong 50 năm gần đây, gấp 19 lần tổng lượng tri thức của xã hội loài người có được trong gần 10 nghìn năm trước. (Dẫn theo Shu Yongqing: Xã hội loài người đi về đâu - Tài liệu phục vụ nghiên cứu của Viện Thông tin khoa học xã hội, số 2002 - 76 và 77, tr. 3).

Ở các nước kinh tế phát triển, lĩnh vực dịch vụ chiếm khoảng trên 50% tổng số việc làm, mà trong đó dựa vào sự phát triển của thông tin. Nhật Bản và Mỹ, đã đi tiên phong trong việc xây dựng xã hội thông tin, sau đó Châu Âu nhanh chóng nhập cuộc. Năm 1994 Ủy ban cộng đồng Châu Âu đã đưa ra kế hoạch hành động: "Con đường đi vào xã hội thông tin của Châu Âu", năm 1995 Phần Lan đưa ra chương trình: "Con đường đi vào xã hội thông tin của Phần Lan", năm 1996 Đức đưa ra chương trình: "Đường vào xã hội thông tin của Đức", các nước khác cùng đồng loạt khẳng định đi vào con đường này như: Anh, Đan Mạch, Nga và các nước khác nữa.

Trong báo cáo kinh tế của Tổng thống Mỹ B. Clinton tháng 1/2001 có nói rằng: "lĩnh vực công nghệ thông tin đang biến thành chủ đạo của nền kinh tế Mỹ, nên ở nền kinh tế mới việc sản xuất và phổ biến công nghệ thông tin có thể đặt dấu ngang bằng, nghĩa là về thực chất, hai cái đó là một" (Economic Report of the President, 2001. Wash. 2001 - P. 10 - Dẫn theo GS.TS A. Eliacov: Cuộc cách mạng thông tin đang tiếp tục, T/c Kinh tế thế giới và Quan hệ quốc tế, (tiếng Nga) số 5/2006).

*- Bản chất của quan hệ kinh tế cũng là thông tin.*

Thông tin là điều kiện và là máu thịt của đời sống kinh tế. Nền kinh tế là một tổng hòa toàn bộ các yếu tố, các bộ phận, tức là tổng hòa toàn bộ các quan hệ cung - cầu với hàng ti hành vi giao tiếp về cung - cầu; mua - bán, hàng hóa - tiền tệ. Sự phân công của nền kinh tế chính là nội dung vật chất của thông tin, đó là thông tin của trao đổi vật chất - xã hội. Nó có cội rễ từ

sinh hoạt vật chất, từ nhu cầu trao đổi chất trong tự nhiên của loài người. Ở đây khía cạnh thông tin là nằm ở chỗ: mọi hành vi trao đổi mua - bán chính là thông tin vật chất. Các mối liên hệ cơ bản như sản xuất - phân phối - trao đổi và tiêu dùng trong quá trình tái sản xuất xã hội là những khâu thông tin kinh tế cơ bản, những khâu đảm bảo cho sự vận hành liên tục, đổi mới và phát triển không ngừng.

Có nhận định rất mạnh dạn, rằng thông tin không chỉ là một trong những nguồn lực kinh tế quan trọng nhất mà còn là sản phẩm cuối cùng của toàn bộ nền kinh tế. Hơn thế nữa, một số nhà kinh tế còn khẳng định, cần phải nghiên cứu của cải vật chất trên phương diện bản chất thông tin của chúng. Điều đó có nghĩa là, ý nghĩa kinh tế của việc sở hữu các yếu tố vật chất bị quy định hoàn toàn bởi giá trị của thông tin được chứa đựng trong chúng (Xem: B. Meljansev: Cuộc cách mạng thông tin của nền kinh tế mới. Tạp chí kinh tế thế giới và các quan hệ quốc tế, tiếng Nga, số 2/2001; R.Svulev: Sự biến đổi của nền kinh tế công nghiệp, vấn đề đo lường kinh tế. T/c kinh tế thế giới và các quan hệ quốc tế, tiếng Nga, 2/2001).

#### *Khái niệm thông tin và thị trường.*

Nội dung khái niệm thông tin trong thời đại kinh tế thị trường là thông tin thị trường.

"Thị trường là một hệ thống thông tin phức tạp mà trong tiến trình phát triển, tiến hóa có thể hình thành cơ chế độc đáo về sự đơn giản và tính hiệu quả và công cụ truyền thông tin đến mọi người tham gia thị trường thông qua giá cả. Để đưa ra những quyết định đúng đắn và thực hiện những dự tính, con người phải nắm được thông tin đầy đủ về hệ thống kinh tế nói chung. Họ cần phải biết giá sản phẩm mà họ sản xuất, hết các nguồn lực cần thiết để sản xuất" (A. Movsesian - Dẫn theo I. Shiscov: Chủ nghĩa tự do quá khứ, hiện tại và tương lai, Tạp chí "Kinh tế thế giới quan hệ quốc tế" (Nga), số 11/2004). Và "Như vậy, thị trường đã tìm được một công cụ có hiệu quả để tập trung và truyền tải thông tin về tình trạng của nền kinh tế để mỗi người tham gia hệ thống đó khi đưa ra các quyết định. Sự độc đáo của cơ chế đó là ở chỗ khi ra các quyết định cá nhân vì lợi ích riêng của mỗi người tham gia vào đời sống kinh tế, cơ chế đó cho phép đảm bảo phân bổ có hiệu quả các nguồn lực ở quy



mô toàn cầu kinh tế. Đó cũng chính là "bàn tay vô hình" của thị trường" (I.Shiscov: Chủ nghĩa tự do quá khứ, hiện tại và tương lai, Tạp chí: "Kinh tế thế giới và quan hệ quốc tế" (Nga), số 11/2004).

Nền kinh tế được vận hành, hoạt động chính là nhờ có hệ thống thông tin chặt chẽ giữa cung và cầu, giữa các hành vi kinh tế. Các tiếp xúc, liên hệ kinh tế từ các cấp độ thấp nhất, nhỏ hẹp nhất đến cấp độ cao nhất đều mang bản chất thông tin. Nội hàm thông tin ở đây được hiểu là sự trao đổi qua lại giữa hai hoặc nhiều đơn vị, bộ phận kinh tế với nhau. Thí dụ, trong một gia đình nông dân, mọi quan hệ nội bộ trong gia đình là quan hệ kinh tế có tính khép kín, là những hành vi hợp tác với nhau giữa các thành viên trong gia đình. Trong đó, có vai trò điều khiển của người chủ đơn vị kinh tế gia đình, đồng thời có quan hệ hưởng ứng (chịu sự chỉ huy, phân công) của các thành viên hoặc một thành viên tự sắp xếp công việc của mình từ đầu đến cuối. Đó là quan hệ thông tin kinh tế cục bộ nhỏ nhất. Theo cách gọi của một số nhà nghiên cứu hiện nay, gọi hành vi kinh tế của cá nhân như vậy là kinh tế nanô. Về thực chất đó là những quan hệ trao đổi hoạt động giữa các thành viên trong đơn vị kinh tế cấp nhỏ nhất. Quan hệ kinh tế vi mô là toàn bộ những vấn đề liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp như giá cả, khối lượng nguồn lực mà doanh nghiệp thu được và phân bổ, tức là các quan hệ kinh tế chi phối mang tính tuyến tính. Như vậy, quan hệ thông tin kinh tế ở đây là thông tin theo tuyến tính, ví như sự biến động giá cả thị trường làm cho các cấp, các ngành, các khu vực và toàn bộ nền kinh tế cũng như kinh tế thế giới phải điều chỉnh giá cả thay đổi - Còn như quan hệ giữa các chủ thể với nhau trong khu vực, chẳng hạn như trong một địa phương cấp tỉnh, đây là quan hệ thông tin hỗn hợp. Đó là mối liên hệ (thông tin) giữa các ngành, các doanh nghiệp trong vùng tạo thành một liên kết kinh tế khu vực, đó là quan hệ thông tin kinh tế tổng hòa khu vực, liên hệ ngang (phi tuyến tính). Trên thực tế quan hệ kinh tế đồng thời diễn ra trên phạm vi chiều ngang và chiều dọc ở cấp vĩ mô, tức là nền kinh tế mỗi nước. Xét trên bình diện thế giới là nền kinh tế siêu vĩ mô, kinh tế toàn cầu. Mối liên hệ kinh tế luôn luôn là liên hệ kinh tế toàn cầu, quan hệ thông tin toàn cầu, có thể ảnh hưởng nhiều ít, trực tiếp hay gián tiếp với kinh tế vĩ mô, kinh tế vi mô, kinh tế vùng, kinh tế mini (kinh tế doanh nghiệp), kinh tế nanô.

Tóm lại, bản chất của các quan hệ kinh tế cũng là một quan hệ thông tin đặc biệt, đó là sự trao đổi, phối hợp, phân phối lợi ích giữa các cá nhân hay tập thể trên những bình diện và các cấp độ khác nhau.

Một số nhà khoa học đưa ra khái niệm nền kinh tế thông tin như: Manschik (1898 - 1977), các nhà kinh tế được giải thưởng Nôben như: G.Stigler, J.Stiglitz, G.Akerlof, A.Spens và nhiều người khác nữa. Họ có những luận chứng và quan điểm lấy đối tượng nghiên cứu trong mối liên hệ với hành vi kinh tế, với mua - bán, với doanh nghiệp, với thị trường.

Nhiều nhà khoa học thì sử dụng khái niệm thời đại thông tin với ý nghĩa là thông tin có vai trò quan trọng mang tính tự nhiên và máu thịt trong đời sống xã hội, với sự lan toả của thông tin dưới nhiều hình thức. Nhiều nhà xã hội học thì lại nâng nó lên thành phạm trù xã hội thông tin, coi như một giai đoạn phát triển của thời kỳ hậu công nghiệp (A.Toffler).

Trong khi một số ít dự báo cuộc cách mạng thông tin đã chấm dứt thì nói chung nhiều nhà nghiên cứu lại chứng minh tiềm năng to lớn của cuộc cách mạng thông tin và nó đang phát huy mạnh mẽ (A.Eliacov).

*Tư duy thông tin và tư duy kinh tế: tính tương đồng.*

Ngày nay, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng chính cuộc cách mạng thông tin đòi hỏi phải có tư duy khoa học mới rằng, tư duy khoa học không theo kịp với thông tin khoa học. Thí dụ, cách đây gần 50 năm nhà khoa học S. Lem đã dự báo sẽ có nguy cơ khoa học - kỹ thuật bị tụt hậu. Những dự báo về cải tiến mạnh mẽ chế tạo động cơ và năng lượng nhưng thực tế thì không có sự tiến triển đáng kể. Từ đầu những năm 1960 đã có các dự báo: cuối những năm 1960 nhân loại sẽ chế tạo ra động cơ tên lửa i-ôn và nguyên tử, đến đầu những năm 1990 sẽ có những thí nghiệm động cơ quang tử. Nhưng hiện nay, tốc độ máy bay và sự an toàn cũng không cao, nhiên liệu dầu mỏ vẫn là chủ yếu. Nguyên nhân là do không chấp nhận sự cảnh báo của thông tin khoa học, không kết hợp được với tư duy kinh tế. Có ý kiến khá xác đáng cho rằng phải lập một môn khoa học mới nghiên cứu về thông tin theo nghĩa rộng nhất, nó chỉ rõ bản chất của thông tin, các quy luật ảnh hưởng và tác động của nó đối với xã hội và áp dụng vào kinh tế - xã hội. Do đó, cần có mô hình tư duy thông tin có tính toàn

cầu, trao đổi giữa tất cả mọi nhà khoa học các ngành, các lĩnh vực. Vì vậy, tư duy kinh tế phải dựa trên mô hình tư duy thông tin. Có như vậy, mới có cơ sở khoa học chung để đưa ra các hướng phát triển có hiệu quả.

Có ý kiến đánh giá rằng một lý do khiến cho Liên Xô bị tụt hậu kinh tế là do không phát triển đáng kể hệ thống thông tin dân chủ, các bộ phận cấu thành của nó là điều khiển học kỹ thuật, điều khiển học sinh học, điều khiển học kinh tế v.v... không theo kịp sự phát triển chung của thế giới.

Ở đây, cần lưu ý thông tin khoa học phải thật sự khách quan, như P.Sorokin đã từng nói rằng, khoa học phải không được quy lụy và luôn cúi bất kỳ ai (Xem: P. Sorokin: "Lịch sử không chờ đợi, nó đưa ra tối hậu thư, Tạp chí "Khoa học và đời sống" (Nga), số 10/1989). Thông tin khoa học phải tác động vào việc nhân đạo hóa khoa học kinh tế. Ở đây cần phải lưu ý rằng khoa học kinh tế có phương pháp lựa chọn tối đa lợi ích cho việc giải quyết những vấn đề đặt ra trước mắt nó, song chúng ta không thể không chú ý đến một đặc điểm là khoa học kinh tế cũng như thông tin khoa học thuộc lĩnh vực tri thức nhân văn, do đó chúng phải xuất phát từ bản chất của con người, lối suy nghĩ và học vấn của con người.

### **1.1.2. Khái niệm về thông tin khoa học**

#### *- Phân biệt thông tin khoa học với thông tin học*

Từ khái niệm thông tin lại sinh ra những khái niệm mang tính phái sinh khác như thông tin học, thông tin khoa học, thông tin khoa học - công nghệ, thông tin khoa học - xã hội, thông tin khoa học - kinh tế v.v.... Tức là tách ra thành các thông tin chuyên ngành và thậm chí chuyên biệt hơn nữa.

Thông tin học là một khoa học nghiên cứu về thông tin (từ điển Tiếng việt: Trong tâm từ điển học, Nxb Hà Nội - Đà Nẵng, 1996, Hoàng Phê chủ biên, tr 920). Ngay từ những năm 1960 ở Mỹ cũng đã đưa ra quan điểm như vậy. Thông tin học là khoa học nghiên cứu về lý luận, về công cụ, cách thức xử lý thông tin, lưu trữ và khai thác thông tin.

*Thông tin khoa học là một khái niệm rộng lớn hơn. Góc độ đề cập của nó là tin khoa học, tức là lưu chuyển các giá trị khoa học. Trí tuệ chất xám con người đã được vật chất hóa, được tách ra khỏi con người và nằm cả ở*

trong con người với các hình thức nhất định để phục vụ xã hội. Nhưng để trí tuệ con người có thể phục vụ có hiệu quả cho xã hội, phải có hình thức chuyển tải nhất định tri thức của con người, mang tính chuyên nghiệp, đó là thông tin khoa học.

Thông tin khoa học bao gồm hai bộ phận hợp thành:

+ Bộ phận nội dung: tin, tri thức và khai thác tri thức, khi nói đến thông tin khoa học là người ta hay nhấn mạnh đến thu thập, khai thác, xử lý, lưu chuyển tri thức, sự truyền bá tri thức. Đối tượng của thông tin là khoa học (tri thức), tri thức được chuyển giao, tri thức được lan tỏa.

+ Bộ phận thứ hai: bộ phận hình thức của thông tin khoa học, tức là công cụ, phương tiện, phương pháp, cách khai thác thông tin, cách tổ chức tìm tin. Đó là thông tin học và các hoạt động cùng với các công cụ truyền tin gắn liền với lưu trữ và lưu chuyển tri thức.

- *Thông tin khoa học và hoạt động thông tin khoa học*

Liên quan đến thông tin khoa học là khái niệm hoạt động thông tin khoa học. Trong mối liên hệ và so sánh, khu biệt với nhau giữa hai khái niệm này thì có thể xác định như sau:

Thông tin khoa học, xét theo nghĩa rộng tức là đồng nhất với hoạt động khoa học. Bởi vì, trong quá trình tiến hành thông tin khoa học là phải có sự tổ chức thông tin, tổ chức tìm tin và sử dụng tin, lưu trữ tin, phục vụ đối tượng dùng tin. Đi kèm với điều đó là phải có con người, có bộ máy, đòi hỏi phương tiện tổ chức và phương tiện tài chính, vật chất để thực hiện thông tin. Còn theo nghĩa hẹp thì thông tin khoa học là phạm trù hẹp hơn phạm trù hoạt động thông tin khoa học. Nói cách khác hoạt động thông tin khoa học là bao gồm thông tin khoa học và các điều kiện đảm bảo cho nó vận hành, thực hiện. Thông tin khoa học thường được hiểu chỉ là các loại hoạt động thông tin phục vụ cho khoa học. *Thông tin khoa học là bộ phận cơ bản của hoạt động thông tin khoa học.*

- Thông tin khoa học và hoạt động khoa học;

Nếu xét theo quan hệ nội dung và hình thức thì: hoạt động khoa học là nội dung và thông tin khoa học là hình thức thể hiện. Cái nội dung, cái chất tri

thức, sáng tạo tri thức, đó là tin và thông tin tri thức, còn cái biểu hiện ra bên ngoài là phải thông qua hoạt động, vận hành, tức là thông tin khoa học, là truyền bá tri thức.

Hoạt động khoa học dưới góc độ sáng tạo có thể được hiểu là bao gồm ba khâu hoạt động cơ bản: *khâu thứ nhất*, hoạt động chuẩn bị tin, tìm tư liệu, dữ liệu, tài liệu, phân tích sơ bộ về tài liệu phục vụ cho nghiên cứu; *khâu thứ hai*, nghiên cứu khoa học, tức là lĩnh vực trực tiếp sáng tạo ra tri thức mới, đây là lĩnh vực chủ yếu của hoạt động khoa học. Nó bao gồm từ sáng chế, thử nghiệm, ứng dụng và sản xuất thử (áp dụng vào mô hình kinh tế xã hội cụ thể); *khâu thứ ba*, phổ biến kết quả của khâu thứ hai, đưa vào đời sống xã hội, dưới các hình thức và các điều kiện cụ thể, đưa các kết quả nghiên cứu khoa học vào đời sống hoạt động khoa học như công bố trên báo chí, xuất bản phẩm và tuyên truyền ứng dụng v.v... Hai khâu: khâu thứ nhất và thứ ba của quy trình nêu ở trên là hoạt động thông tin khoa học, còn khâu thứ hai là nghiên cứu khoa học.

Phân biệt như vậy, cũng chỉ có ý nghĩa tương đối, giống như trong kinh tế, trong chu trình tái sản xuất xã hội thì bao gồm sản xuất và lưu thông sản phẩm (hàng hóa). Tương tự như vậy, trong hoạt động khoa học cũng bao gồm 2 loại chức năng: sản xuất khoa học, tức là sáng tạo, phát minh, tạo ra sản phẩm khoa học và lưu hành sản phẩm khoa học. Thông tin khoa học chính là lưu hành sản phẩm khoa học. Thực ra, trong quá trình hoạt động thông tin khoa học cũng có một chừng mực nhất định có tính nghiên cứu khoa học. Bởi vì, để phân loại tính chất của một tư liệu là phải nghiên cứu so sánh, phải có kiến thức phù hợp nào đó để mới có thể thẩm định tri thức của một công trình hay giá trị tri thức của tư liệu, sáng chế, phát minh. Ngược lại chính trong quá trình sáng tạo là phải đồng thời làm thông tin. Không chỉ thông tin mở đầu, đi trước cho việc nghiên cứu mà trong quá trình nghiên cứu cũng phải có những thông tin mới. Bản thân việc nghiên cứu giỏi tức cũng là đã có thông tin tốt. Những người nghiên cứu giỏi chính là những người làm thông tin giỏi nhất. Họ biết rằng cái gì thì cần và cái gì không cần, cần nghiên cứu như thế nào, đó chính là nhà nghiên cứu nhờ giỏi xử lý thông tin, đồng thời biết cách khai thác sử dụng thông tin. Người ta có thể cho mượn hay biếu bạn bè tiền nhưng

biểu hay mượn tài liệu thì rất khó hoặc không thể . Bởi vì bảo quản tư liệu để cho nghiên cứu là bảo vệ điều kiện chính nghiên cứu.

*Cũng nên lưu ý không chỉ có thông tin phục vụ cho nghiên cứu khoa học mới là thông tin khoa học, mà cả những thông tin ứng dụng khoa học phục vụ cho đời sống kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, an ninh, quốc phòng, sức khỏe, môi trường v.v... đều là thông tin khoa học. Như vậy, thông tin khoa học vừa là thông tin cho khâu sáng tạo, vừa thông tin kết quả sáng tạo và áp dụng vào cuộc sống.*

*Thông tin khoa học là thông tin mang tính xã hội nhưng không phải là thông tin phổ thông. Sự phân biệt thông tin khoa học với thông tin đại chúng nhiều khi rất khó. Chúng ta lấy ví dụ, trên các tờ báo đại chúng, đó là thông tin nhưng có phải là thông tin khoa học không? thông tin thời sự chính trị xã hội có nằm trong phạm trù thông tin khoa học không? Câu nghĩa vấn đề này rất phức tạp và khó khăn. Ở đây cần phải có một nguyên tắc phân định như sau: Thông tin khoa học là thông tin mang một hàm lượng tri thức có ý nghĩa khoa học. Các thông tin chỉ trở thành thông tin khoa học nếu nó hàm chứa tri thức khoa học để phục vụ cho nghiên cứu khoa học và ứng dụng vào cuộc sống.*

*Theo nghĩa rộng, thông tin khoa học là nói đến chất xám, giá trị khoa học trong thông tin nói chung, nó phải được phân biệt với thông tin khoa học theo nghĩa hẹp, có tính tổ chức chuyên nghiệp, chỉ là hoạt động thông tin gắn với nghiên cứu và truyền bá khoa học.*

*- Thông tin khoa học và thông tin đại chúng.*

*Thông tin khoa học là cốt lõi, là nội dung cơ bản của thông tin đại chúng.*

*Thông tin khoa học và thông tin là đồng nhất có sự khác biệt. Bản chất cơ bản của thông tin là mang ý nghĩa khoa học, mang nội dung khoa học. Nó phản ánh, một sự khái quát hiện thức đời sống xã hội và tự nhiên nhất định nào đó. Tuy nhiên, tin hay thông tin nhiều khi chỉ phản ánh mang tính cảm tính, mang tính hình thức bên ngoài của sự vật hiện tượng khách quan, đó chưa phải là bản chất. Thí dụ, tin thời sự, đưa tin về việc vụ cháy Chợ Lớn, thành phố Quy Nhơn, Bình Định ngày 15/12/2006, gây thiệt hại khoảng 100 tỷ đồng. Như vậy, nó chỉ mới dừng lại ở thông tin hiện tượng. Nếu tiếp tục đi*

sâu thông tin phân tích về các khía cạnh: nguyên nhân, hậu quả, các bài học và những giải pháp phòng tránh cháy thì đó là thông tin khoa học. *Thông tin khoa học là thông tin về bản chất bên trong, bản chất của các hiện tượng, nó khái quát mang tính quy luật của các hiện tượng, nó chú trọng đi sâu vào thông tin mang tính giải thích bản chất của hiện tượng. Thông tin khoa học gắn với thông tin nhận thức bản chất và do đó nó mang tính lựa chọn.*

Thông tin khoa học là một phương diện của thông tin nói chung, nó là trình độ chọn lọc của thông tin, tức là những tin tức được xử lý, phân tích để đi đến kết luận bản chất sự vật, hiện tượng. *Đồng thời, thông tin khoa học là một loại hình thông tin mang tính chuyên nghiệp, mang tính nghiên cứu được phân biệt với các loại hình thông tin mang tính thời sự, rao vặt, giải trí. Thông tin khoa học vì thế, nó có chức năng- nhiệm vụ như là một phần của chức năng -nhiệm vụ hoạt động khoa học.*

Cần phải phân biệt thông tin khoa học nói chung với thông tin khoa học mang tính chuyên nghiệp, hoạt động khoa học nói chung với hoạt động khoa học chuyên nghiệp.

Thực ra thông tin khoa học là những thông tin đã được lựa chọn, đã được đúc kết thành tri thức như các khái niệm, phạm trù, quy luật tức là những kết luận phản ánh bản chất các sự vật hiện tượng tự nhiên và xã hội. Trong xã hội hiện đại nhiệm vụ thông tin đó chủ yếu được đảm nhiệm bởi các cơ quan tổ chức, cá nhân hoạt động chuyên nghiệp về thông tin. Các tổ chức và cá nhân chuyên nghiệp làm chức năng thông tin khoa học chỉ là đại diện, là tiêu biểu và chủ yếu của thông tin khoa học. *Bản thân nội hàm của khái niệm thông tin khoa học là rất rộng, nó bao hàm cả những hoạt động thông tin mang ý nghĩa khoa học nhưng không phải là thông tin chuyên nghiệp hoặc thông tin khoa học có tính chuyên nghiệp.* Chẳng hạn, các đài phát thanh và truyền hình không phải là những cơ quan chuyên nghiệp về thông tin khoa học nhưng trong nội dung hoạt động của họ, trong các nội dung thông tin của họ đều có nội dung thông tin khoa học. Vì vậy, khi nói đến các thông tin khoa học chúng ta không cần thiết phân biệt theo hình thức tổ chức thông tin khoa học mà chủ yếu là nói về thông tin khoa học theo bản chất của nó.

Ngoài thông tin đặc thù phục vụ trực tiếp cho hoạt động khoa học, trên

thực tế còn có các thông tin báo chí, sách, truyền thanh và truyền hình, băng từ, đĩa CD ROM v.v..và thậm chí cả trong dân gian, tức là có các loại hình thông tin phổ thông, đại chúng. Các hình thức thông tin như vậy vẫn hàm chứa những kiến thức khoa học, có dung lượng giá trị khoa học nhất định (với nhiều cấp độ rất khác nhau). Nó thể hiện ở hai khía cạnh:

+ Điều là sản phẩm trí tuệ, phản ánh những đúc kết từ thực tiễn cuộc sống đa dạng, mọi mặt hàng ngày. Nhưng chỉ ở dạng đưa tin, chưa có đi sâu phân tích chuyên ngành.

+ Có một số chương trình mang tính khoa học phổ thông, những thông tin đó chủ yếu là phổ biến kiến thức khoa học.

Như vậy, những hình thức này đều có nội dung khoa học, có thể không nằm trong tổ chức chuyên nghiệp về phạm trù hoạt động thông tin khoa học nhưng thực ra đó là thông tin khoa học. Ở đây khái niệm thông tin khoa học lại rộng hơn khái niệm hoạt động khoa học trong thực tiễn.

Thông tin khoa học là tất cả mọi thông tin có "chất", có "hạt nhân" khoa học. Vì thế hàm lượng nội dung khoa học của các tin quyết định thông tin đó là thông tin khoa học hay thông tin đại chúng.

Thông tin khoa học được định hình ở nguồn tin và người tổ chức xử lý cung cấp, phục vụ tin. Vì thế cũng có quan niệm thông tin khoa học là dịch vụ khoa học, chứ không nằm trong khái niệm hoạt động khoa học. Quan niệm như vậy là sai lầm vì thứ nhất, không thấy được rằng thông tin khoa học là một nội dung, một khâu của quá trình hoạt động khoa học; thứ hai, là chia tách máy móc thông tin với nghiên cứu - Bản thân sự nghiên cứu sáng tạo cái mới thì luôn luôn có thông tin song hành với sáng tạo. Bản thân nghiên cứu luôn luôn bên cạnh nó đồng thời có sự giúp đỡ, mạch bảo của thông tin. Bản thân người nghiên cứu đồng thời cũng là người làm tin, làm thông tin cho chính mình.

Thông tin khoa học là một hình thái ý thức xã hội, hoạt động mang tính xã hội, song không có nghĩa là nó chỉ phản ánh lĩnh vực xã hội theo nghĩa hẹp, mà nó bao quát toàn bộ từ lĩnh vực tự nhiên đến lĩnh vực xã hội; từ sản xuất vật chất đến sản xuất tinh thần; từ hạ tầng cơ sở đến thượng tầng kiến



trúc; từ con người sinh học đến con người xã hội; từ con người cá nhân và cá thể đến con người tập thể và cộng đồng, xã hội nói chung; từ con người kinh tế man dại đến con người kinh tế tri thức; từ xã hội cổ sơ đến xã hội công nghiệp, đến xã hội hậu công nghiệp, hay xã hội thông tin, từ xã hội kinh tế sang xã hội hậu kinh tế ( hoặc phi kinh tế).

Khái niệm thông tin khoa học gắn liền với truyền bá khoa học. Theo nghĩa đó giáo dục và đào tạo cũng nằm trong phạm trù của khái niệm thông tin khoa học. Giáo dục và đào tạo các ngành mang tính chính trị cũng nằm trong phạm trù thông tin khoa học chính trị. Do vậy, ở Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh các hoạt động giáo dục - đào tạo theo các trình độ khác nhau đều nằm trong hoạt động thông tin khoa học nói chung của Học viện.

*- Thông tin khoa học thuộc về phạm trù nhận thức.*

Khái niệm thông tin khoa học gắn liền với khái niệm nhận thức, mà nhận thức lại chính là nội dung chủ yếu của hoạt động tri thức. Thông tin khoa học (nhận thức) chính là thu thập thông tin, so sánh thông tin, đưa thông tin (tri thức) vào hệ thống tri giác và hệ thống tri thức. Vì thế khái niệm xã hội thông tin cũng tương đồng với khái niệm xã hội tri thức. Có một đặc điểm rất quan trọng là xã hội thông tin, xã hội tri thức là đặc trưng chủ yếu của xã hội đã đạt được trình độ khoa học - công nghệ, giáo dục, văn hóa, kinh tế ở trình độ cao, trình độ mà Phương Tây gọi là xã hội hậu công nghiệp. Thậm chí có một số nhà nghiên cứu còn gọi là xã hội hậu kinh tế, hay xã hội phi kinh tế, tức là xã hội không phải coi kinh tế là trọng tâm, mà coi các giá trị tinh thần, nhân văn, nhận thức được đưa lên hàng đầu. Thông tin khoa học như là một thành tố ngày càng tăng lên vai trò chức năng của nó trong xã hội ngày nay và đặc biệt quan trọng trong xã hội thông tin hay xã hội tri thức, xã hội hậu kinh tế - Vì thế khái niệm thông tin và khái niệm nhận thức, xã hội thông tin và xã hội tri thức là song hành với nhau, thêm vào đó, khái niệm thông tin khoa học đi liền với khái niệm truyền bá tri thức.

TTKH luôn luôn có mặt cùng với việc sáng tạo và sử dụng tri thức khoa học. Tuy nhiên TTKH chỉ trở thành một lĩnh vực hay một ngành chuyên biệt khi xuất hiện in ấn và lưu giữ thông tin bởi các kho sách, tủ sách hệ thống các thư viện và được phát triển mạnh mẽ gấp bội bởi CNTT. TTKH trở thành

một bộ phận quan trọng, có tính độc lập nhất định khi mà lĩnh vực thu thập, xử lý, lưu trữ và lưu hành tri thức được thực hiện thông qua hệ thống các cơ quan chuyên môn như thư viện, lưu trữ khoa học, phổ biến thông tin. Cũng có thể nói TTKH định hình rõ nét và hoàn chỉnh khi ra đời ngành Thông tin học - Tức là khoa học xử lý lưu trữ, nghiên cứu và truyền bá tri thức. Hệ thống các cơ quan thư viện, thông tin (bao gồm lưu trữ) là "trái tim, mạch máu" của TTKH.

*Kết luận: Thông tin khoa học gắn liền với những yếu tố hạt nhân cốt lõi như sau:*

- Thuộc về phạm trù nhận thức;
- Là lĩnh vực thông tin;
- Phổ quát của nó: toàn bộ đời sống xã hội;
- Đối tượng đề cập: khoa học;
- Nội dung làm cơ sở cho hoạt động: tri thức, chất xám;
- Hình thức, công cụ: thông tin học và các phương tiện truyền thông;
- Đặc thù chuyên môn có tính chuyên nghiệp: thông tin khoa học được định hình bằng một lĩnh vực được xã hội phân công, hoạt động có tổ chức nhất định;
- Vị trí: trung gian, môi giới và lưu thông tri thức khoa học;
- Có tính đặc thù về sản phẩm: lưu trữ tin, tri thức, lưu trữ bằng hiện vật như sách báo, tài liệu, hiện vật các phần mềm máy tính, băng từ, phim ảnh, đĩa từ v.v... và bằng chính những bộ óc, bộ nhớ của con người, bộ nhớ của xã hội nói chung.

## **1.2. ẢNH HƯỞNG, TÁC ĐỘNG CỦA THÔNG TIN KHOA HỌC ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ**

### **1.2.1. Thông tin khoa học cung cấp các dữ liệu cần thiết xác lập các phương án, kế hoạch phát triển kinh tế**

Cung cấp dữ liệu cho dự báo kinh tế dài hạn cũng như các kế hoạch phát triển là một tác dụng rất quan trọng của TTKH.

Cùng với sự phát triển khoa học - kỹ thuật và công nghệ, sự phát triển kinh tế, phát triển chính trị củng cố an ninh - và quốc phòng, phát triển đối nội và đối ngoại, phát triển văn hóa - xã hội v.v..., nhiều thông tin với rất nhiều lĩnh vực đa dạng và các ngành khác nhau, ở cơ sở cho đến trung ương, trong nước và quốc tế. Các thông tin khoa học, với ý nghĩa là tin tức, dữ liệu được xử lý, thẩm định ở mức độ nhất định và có độ tin cậy sẽ là các số liệu hay dữ liệu để cho các cán bộ lập kế hoạch phát triển tham khảo. Do sự bùng nổ của thông tin nên việc xử lý thông tin là có ý nghĩa quyết định đối với TTKH. Chỉ có thể xử lý tốt các dữ liệu mới tạo lập được các dữ liệu khoa học nghiêm túc.

Trong quá trình phát triển kinh tế, TTKH ngày càng đóng vai trò tích cực hơn. *Nó như là một yếu tố tiên phong để làm rõ vai trò khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.* TTKH không phải là khâu gián tiếp, tách rời với các quá trình sản xuất, các quá trình kinh tế mà TTKH gắn liền với các hoạt động kinh tế. *Nó như là một yếu tố bên trong mà thiếu nó thì các quá trình kinh tế không thể hoạt động.* Bởi vì tiền đề đầu tiên của bất cứ hành vi kinh tế nào đều phải có các số liệu, tư liệu các căn cứ khoa học do TTKH cung cấp. Chẳng hạn sản xuất một sản phẩm máy tính thì phải xét xem nhu cầu, ai đang hoặc sẽ tham gia cung cấp, loại thiết bị nào sẽ xuất hiện v.v... Việc đó phải nhờ đến TTKH, nhờ các thông tin tình hình nhu cầu nhà sản xuất sẽ có phương án dự báo, lập kế hoạch dài hạn, kế hoạch ngắn hạn cũng như các kế hoạch triển khai tác nghiệp.

### **1.2.2. Thu thập và xử lý tin giúp cho hoạt động kinh tế**

Mọi hoạt động kinh tế dù là cấp siêu vĩ mô, vĩ mô, trung mô, vi mô, mini, hay nanô đều cần phải có cập nhật thông tin. Các dữ liệu khoa học phản ánh về nhu cầu, bao gồm nhu cầu dài hạn, nhu cầu tạm thời v.v... đều cần được nghiên cứu đầy đủ. Ở nhiều nước kinh tế phát triển đều có các cơ quan nghiên cứu như Viện nghiên cứu hay Trung tâm nghiên cứu để nắm nhu cầu. Trong điều kiện kinh tế thị trường hay kinh tế kế hoạch việc nắm nhu cầu đều là điều kiện tiên đề để xây dựng các kế hoạch, đảm bảo cân đối tổng hợp. Thí dụ, đầu năm 2007, giá cà phê cao gấp 2 lần so với 3 năm trước đây nhưng khoảng 7 - 8 năm trước, nhiều nhà trồng cà phê ở Tây Nguyên đã đôn chặt cây cà phê để trồng thứ khác vì giá cà phê xuống quá thấp, giới lắm chỉ đủ chi phí chăm bón.

Vậy nhà nước có nên khuyến khích nông dân mở rộng diện tích cây cà phê nữa không? Hiện tượng đầu tư phong trào đã từng diễn ra với cà phê, mía đường, nuôi tôm, cá basa v.v... Đó là do thông tin không khoa học, thông tin chưa thực sự là thông tin khoa học. Nếu thông tin khoa học kinh tế cung cấp được các yếu tố về tính xu hướng của nhu cầu, dự đoán được xu hướng và tính quy luật của chu kỳ tăng giảm giá từng mặt hàng, phân tích được khả năng cung ứng, nếu thu thập và xử lý tốt các dữ liệu khoa học thì sẽ giúp cho mọi hoạt động kinh tế ngay từ khâu đề ra chủ trương, chính sách kinh tế như các kế hoạch sản xuất, kinh doanh cụ thể, sẽ đảm bảo tính hiệu quả.

Việc thu thập và xử lý thông tin phục vụ cho sự phát triển kinh tế bao gồm nhiều bước.

- Tập hợp tin ("quét tin") tức là việc thu thập một cách bao quát mang tính điểm tin, tìm đầu tin, lên danh mục các bài và hệ thống sơ bộ về tin có liên quan đến lĩnh vực kinh tế. Công việc tương như đơn giản nhưng phải có tư duy kinh tế và biết cách phong tỏa nguồn tin, gọi tin.

- Phân loại các tin gồm những bài báo, công trình khoa học đã công bố các tài liệu có nội dung khoa học gắn với kinh tế. Nhiệm vụ được đặt ra ở đây là tìm ra các tiêu chí nhất định để phân loại tư liệu, tài liệu, xếp đặt các tin. Công tác thông tin khoa học sẽ giúp các nhà nghiên cứu, những người sử dụng tin có được những kỹ thuật cần thiết để nắm những thông tin cần thiết.

- Phân tích tin: Đây là một yêu cầu cao của thông tin nói chung và thông tin kinh tế nói riêng. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có chức năng làm thông tin, dù trực tiếp hay gián tiếp phục vụ cho sự phát triển kinh tế thì cuối cùng đều phải phân tích thẩm định nội dung thông tin. Thí dụ, cuối năm 2006 trên thị trường chứng khoán Việt Nam chỉ trong vòng 1 năm chỉ số Index tăng lên 500 điểm (104%), từ 305,28 điểm (31/12/2005) lên 809,86 điểm (18/12/2006) (Theo TS Lê Văn Châu: Những vấn đề cần quan tâm đối với thị trường chứng khoán nước ta, Báo Nhân dân 15/1/2007, tr 8). Người làm thông tin phải thẩm định con số đó có chính xác không? phải có cách nhờ các chuyên gia thẩm định lại, sử dụng các tài liệu khác để so sánh, có thể trước hết là dựa vào tài liệu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Chỉ một con số đó cũng đã nói lên nhiều khía cạnh kinh tế: một thị trường vốn rất to lớn đã mở

ra, các nhà đầu tư rất đa dạng và linh hoạt, có thể thu hút vốn đầu tư lớn; nền kinh tế đã năng động hẳn lên; cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước đang có vấn đề (định giá thấp tài sản doanh nghiệp khi cổ phần hóa) nên mới làm cho tăng vọt giá cả cổ phiếu trên thị trường chứng khoán.

- Việc thẩm định nội dung tin để đưa vào hệ thống cơ sở dữ liệu cũng như để phục vụ cho các nhu cầu cụ thể trong nghiên cứu nói chung và phát triển kinh tế nói riêng là rất quan trọng. Đó cũng là một nội dung, đồng thời và song song với quá trình phân loại tin. Các tin tức kinh tế mang tính thời sự về hiệu quả không chỉ các thông tin mang tính thị trường mà những kiến thức, giá trị khoa học (chỉ có thể đưa lại hiệu quả lâu dài) đều có ý nghĩa kinh tế. Vì thế, khi thẩm định giá trị của chúng cũng gặp những khó khăn. Không phải các giá trị khoa học nào cũng có thể nhận thức được ngay bởi nó phụ thuộc vào trình độ của người xử lý, thẩm định thông tin và lưu thông tin.

- Thông tin khoa học có vai trò lưu trữ tư liệu khoa học, chức năng thu thập lưu trữ kiến thức, tư liệu cho hoạt động kinh tế là chức năng trung tâm của xử lý thông tin phục vụ cho khoa học kinh tế và phát triển.

Biểu hiện của chức năng này là hệ thống các thư viện, kho lưu trữ tư liệu, cơ sở dữ liệu cùng với bộ máy tổ chức cán bộ để thực hiện việc lưu trữ. Trước đây để thực hiện lưu trữ chỉ có thể bằng tư liệu in ấn, sách báo và băng từ, phim ảnh và cả hiện vật nhưng ngày nay nhờ cách mạng thông tin, việc lưu trữ cũng được cách mạng hóa. Đó là lưu trữ nhờ công nghệ kỹ thuật số, không chỉ lưu trữ bằng các kho sách khổng lồ mà lưu trữ chỉ bằng các thư viện số, thư viện ảo.

Nhờ lưu trữ này giúp cho công tác nghiên cứu lý luận, xử lý thống kê mà quan trọng hơn có cơ sở khoa học để đề xuất các đường lối, kế hoạch phát triển.

### **1.2.3. Thông tin khoa học đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành tư duy kinh tế**

Tư duy kinh tế là hình thức phát triển cao của hoạt động sáng tạo, hoạt động kinh tế của con người. Đó là hình thức của nhận thức nhưng được áp dụng vào lĩnh vực kinh tế. Tư duy kinh tế bao gồm từ khâu giản đơn là nhận thức một số khái niệm đơn giản về lợi ích của những hoạt động trực tiếp cho

đến hình thức cao là nắm được tính quy luật, quy luật của sự vận động kinh tế, hiểu biết được hiện tượng và bản chất của các quá trình kinh tế, dự báo xu hướng vận động, đề ra các chương trình kế hoạch cho hoạt động kinh tế.

Từ tư duy kinh tế được hình thành từ thấp đến cao, từ những khái niệm đơn giản đến hệ thống phạm trù, quy luật phức tạp của kinh tế. Đứng về phương diện nhận thức ta có thể chia ra làm hai con đường: Nhận thức tự phát, qua kinh nghiệm rồi đến nhận thức khoa học; loại thứ hai là nhận thức tự giác: thông qua con đường được đào tạo, được cập nhật kiến thức một cách chủ động để đi đến nắm tri thức. Thông tin khoa học có vai trò hình thành tư duy kinh tế cho con người là bằng con đường nhận thức tự giác. Có thể một người nào đó, trẻ tuổi, chẳng hạn như sinh viên, nhờ qua nhà trường và các phương tiện thông tin khoa học, người sinh viên đó có thể có được kiến thức nhất định mà nhân loại đã tích lũy được, nhiều hơn rất nhiều so với một người tự học, mò mẫm qua kinh nghiệm.

Các bước, các trình độ của việc hình thành tư duy kinh tế đó là: tư duy triết học, tư duy xã hội, tư duy kinh tế chính trị, tư duy kinh tế ứng dụng, tư duy nhân văn. Tư duy nhân văn kinh tế là làm kinh tế cho ai, vì ai. Một số nhà tài phiệt kinh tế, giàu có mặc dù trong kinh doanh thì rất nghiệt ngã, nhưng về mặt xã hội thì họ lại là những nhà từ thiện lớn. Họ làm giàu rồi giành phần lớn tài sản cá nhân để phục vụ cho mục đích từ thiện. Chẳng hạn như Bill Gates ở Mỹ, một số doanh nhân nước ta hiện nay cũng đã và đang có ý thức đó. Cao hơn nữa của tư duy nhân văn kinh tế là mục đích hoạt động kinh tế của cá nhân không mâu thuẫn với lợi ích của tập thể, của cộng đồng, của xã hội cả trước mắt và lâu dài, hoạt động kinh tế của cá nhân còn nhằm thúc đẩy phát triển của xã hội. Vì thế vấn đề nhân đạo hóa kinh tế là một nội dung của tư duy kinh tế hiện đại.

*Tư duy kinh tế được hình thành thông qua các thứ bậc khác nhau:*

- Tư duy triết học: tức là cách nhìn nhận thế giới, đó là phương pháp biện chứng của sự phát triển và phương pháp duy vật lịch sử trong xem xét xã hội loài người. Khi vận dụng vào phát triển kinh tế, nó tạo ra nền tảng tư duy ban đầu, từ cách nhìn nhận tổng quát cho đến triết lý hành động trong hoạt động kinh tế. Bất cứ một hoạt động kinh tế nào cũng là hiện tượng xã hội, là

chọn lựa giải pháp lợi ích về kết hợp các yếu tố tự nhiên và xã hội sao cho có hiệu quả. Tư duy triết học chỉ mới tạo ra định hướng lợi ích, cách nhìn nhân sinh cho hành vi của mình.

- Tư duy triết học xã hội là tư duy về sử dụng lực lượng xã hội để mưu lợi ích kinh tế. Bất cứ cá thể hay tập thể nào cũng đều có một tư duy triết học xã hội là hình thức cụ thể hơn của tư duy triết học biện chứng và lịch sử đối với phát triển kinh tế.

- Tư duy kinh tế chính trị: hình thành sự nhận thức tổng quát về phát triển kinh tế, tương tác giữa chế độ kinh tế với chế độ sở hữu, mối quan hệ giữa các yêu cầu hạ tầng kinh tế với thượng tầng kiến trúc, nghiên cứu chế độ phân phối lợi ích, tính quy luật chung của sự vận động của nền kinh tế v.v....

- Tư duy kinh tế ứng dụng: tư duy có được từ các hình thức và trình độ tư duy ở trên tích tụ lại. Có thể thông qua con đường tự phát, tự nhận thức. Trường hợp như "thần đèn" Nguyễn Cẩm Lũy, một người vốn xuất thân từ nông dân chuyển qua làm xây dựng, tự sáng tạo ra phương pháp di dời công trình kiến trúc nhỏ từ vị trí này sang vị trí khác mà vẫn nguyên dạng. Đó là do quan sát, đúc kết dân gian. Dân gian đã từng gánh nhà (gỗ, tre), di đẩy đồ vật nặng bằng thủ công (kéo pháo ở mặt trận Điện Biên Phủ cũng là một ví dụ). Qua tích lũy dần dần tư duy của ông được biến thành một tư duy hệ thống. Ngược lại, nói chung là ở các nền kinh tế và khoa học phát triển thì tư duy kinh tế được hình thành theo trình tự từ tư duy cơ bản đến tư duy ứng dụng, từ nhận thức nền tảng đến nhận thức cụ thể. Và đương nhiên là có quá trình ngược lại, giống như trường hợp ông Nguyễn Cẩm Lũy, cuối cùng ông cũng phải dựa vào tính toán kỹ thuật: lực kéo, bàn trượt v.v..., phải viện nhờ đến hoa học hay tư duy khoa học.

Tư duy kinh tế phải đạt đến trình độ nhận thức lý luận và áp dụng vào trong hoạt động thực tiễn. Một đất nước, một nền kinh tế phát triển thì tất yếu phải dựa vào một tư duy kinh tế mạnh. Tư duy đó thường do một cá nhân hay một nhóm nhỏ hình thành, sáng tạo nên và được phổ cập nhân rộng trong xã hội. Đây chính là do vai trò của thông tin khoa học. Cuối những năm 1980, chúng ta đã hình thành hệ quan điểm tư duy kinh tế mới, trong đó có vấn đề về quan hệ kinh tế thế giới, toàn cầu hóa kinh tế và hội nhập kinh tế thế giới.

Nhờ những thông tin về cải cách kinh tế của Trung Quốc, của các nước công nghiệp mới (NIC) như: Hàn Quốc, Singapo, Thái Lan, Malayxia hay khu vực như: Đài Loan, Hồng Kông của Trung Quốc, chúng ta đây lùi được tư tưởng lo ngại, bảo thủ. Từ đó chúng ta mạnh dạn mở cửa, thu hút đầu tư nước ngoài và phát triển mạnh các quan hệ kinh tế đa nguyên.

Thông tin kinh tế là một nhân tố trực tiếp của lực lượng sản xuất hiện đại. *Thông tin khoa học không còn là kết quả thụ động của nghiên cứu khoa học mà đã trở thành yếu tố tiên phong của khoa học với vai trò là lực lượng sản xuất trực tiếp.*

Chúng ta thường dễ thừa nhận vai trò của khoa học tự nhiên và công nghệ, vì kết quả áp dụng được định lượng ngay sau nghiên cứu, được luận chứng hiệu quả kinh tế. Còn trong khoa học xã hội và nhân văn thì nhiều khi không luận chứng được về mặt định lượng các hiệu quả kinh tế mà các giải pháp nghiên cứu đã đưa ra. Bởi vì, đó là do đặc điểm một số điều kiện áp dụng đụng chạm đến tính tổng hợp, đến tính vĩ mô, đến nền tảng chế độ kinh tế xã hội. Chẳng hạn, kết quả nghiên cứu của C. Mác ở tập một bộ "Tư bản" đã khẳng định: bóc lột giá trị thặng dư là mục đích sản xuất tư bản chủ nghĩa, là phải làm một cách mạng xã hội, kết luận đó lập tức được giai cấp công nhân và những trí thức tiến bộ ủng hộ, song không dễ gì thực hiện ngay được việc xóa bỏ chế độ nô lệ làm thuê tư bản chủ nghĩa, phải nhiều trăm năm. Giá trị công phá của nó là rất lớn, vô cùng lớn nhưng khi tập 1 "Tư bản" đã được xuất bản mà không có dư luận. Điều đó phải có thông tin tuyên truyền, bình luận, lúc bấy giờ các nhà lý luận tư sản không chịu lên tiếng, vậy là Ph. Ăng Ghen đã phải viết bài giới thiệu, bình luận. Sau đó "Tư bản" mới được hưởng ứng, mới có tiếng vang và làm đảo lộn tư duy xã hội.

Tuy khoa học xã hội, thông tin khoa học xã hội nói chung là có ảnh hưởng chậm chạp, vòng vo nhưng cũng không ít trường hợp tác động tức thì và nhanh chóng. Khi một chủ trương đổi mới của Đảng và Nhà nước phù hợp với nhu cầu khách quan, được thông báo kịp thời thì nó nhanh chóng phát huy tác dụng, có sức công phá mạnh mẽ, gây nên sự phát triển nhảy vọt như là cách mạng, chẳng hạn như các chủ trương đổi mới kinh tế và xã hội của Đại hội VI Đảng Cộng sản Việt Nam (12/1986).



#### **1.2.4. Thông tin khoa học có vai trò tác động khởi nguồn tư duy sáng tạo cái mới nói chung và cho sự phát triển kinh tế nói riêng**

Nói đến sáng tạo tức là nói đến tác động làm xuất hiện cái mới. Trong kinh tế cũng vậy, thông tin khoa học có ý nghĩa to lớn đối với đề xuất, gợi ý cho những ý tưởng để đưa ra các giải pháp phát triển mới. Thí dụ, thông tin về những nhân tố mới, mang tính "phá rào" bảo thủ và trì trệ của cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp trong thời kỳ kinh tế cũ ở nước ta, những năm đầu năm 1980: khi có thông tin Xí nghiệp Liên hiệp đánh cá Vũng Tàu - Côn Đảo vào đầu năm 1981 đã áp dụng chế độ khoán đánh bắt hải sản cho các đội tàu (Báo Nhân dân 26/1/1981), đã gợi ra một hướng mới trong tư duy kinh tế. Cùng với những thông tin khác từ thực tiễn mang tính khởi nguồn đổi mới khác, đã làm nảy nở một hướng quản lý kinh tế kiểu mới là khoán cục bộ. Đó là chế độ khoán nội bộ doanh nghiệp. Sau đó dần dần hình thành nên quan điểm mới, mang tính tổng thể trong sản xuất công nghiệp, chế độ 3 kế hoạch ra đời (kế hoạch pháp lệnh, kế hoạch thỏa thuận và kế hoạch phụ của doanh nghiệp), rồi khoán hộ trong nông nghiệp theo Chỉ thị 100 của Ban bí thư Trung ương Đảng khóa IV (1981).

Thông tin khoa học đóng vai trò dẫn dắt tư duy sáng tạo mới, đó là một đặc điểm quan trọng. Mọi sáng kiến phát minh đều phải dựa trên các thông tin đã có. Do vậy, nguồn thông tin phong phú sẽ là xúc tác và là ngọn nguồn của sáng tạo.

Ở nước ta thông tin khoa học xã hội nói chung và thông tin khoa học kinh tế nói riêng đã có tác động tích cực tương đối độc lập đối với tư duy xã hội, trong đó ảnh hưởng rộng đối với sự phát triển kinh tế. Tính sáng tạo của tư duy khoa học lại ảnh hưởng rất lớn bởi các yếu tố ban đầu, các xuất phát điểm của tư duy, thí dụ như các ý tưởng lạ, các nhu cầu, các mâu thuẫn của xã hội. Vì thế thông tin khoa học tạo nên khởi đầu cho sự sáng tạo.

Trong lĩnh vực kinh tế, thông tin khoa học cũng là nhân tố tiền đề để phân tích, tổng kết thực tiễn kinh tế. Ở đây, thông tin khoa học bao giờ cũng đóng vai trò tiền đề, vai trò mở đường cho tư duy kinh tế. Không có thông tin thì không có tư duy. Vì vậy, quy mô và trình độ phát triển của thông tin khoa học tác động trực tiếp đến tư duy kinh tế. Trong xã hội tiền tư bản, ngay cả

trong chủ nghĩa tư bản thời kỳ trước khi có cuộc cách mạng thông tin, diễn ra từ cuối thế kỷ XX thì tính chất manh mún của tư duy kinh tế rất rõ. Song, khi xuất hiện sự trợ giúp của công nghệ thông tin, tốc độ tư duy, mà tư duy kinh tế là trung tâm thì cũng diễn ra sự đột phá. Ở nước ta tư duy kinh tế bao cấp, đơn nguyên trong những năm xây dựng chủ nghĩa xã hội cho đến khoảng 1985 - 1986 đã phải nhường chỗ cho tư duy kinh tế đa nguyên thị trường. Nguyên nhân thì có nhiều, nhưng có lẽ: *thứ nhất*, là từ thực trạng khó khăn của nền kinh tế nước ta đầu những năm 1980 đã ép buộc tư duy phải mở ra để giải quyết vấn đề thực tiễn khó khăn đang đè nặng lên đời sống xã hội; *thứ hai*, là do thông tin từ sự cải cách và mở cửa thành công của các nước và khu vực như Đài Loan, Hồng Kông, Singapo, Thái Lan và một số đặc khu kinh tế của Trung Quốc lục địa v.v... Nhờ có thông tin đó mà đã phát quang chủ nghĩa giáo điều, duy ý chí, nhận thức rõ ràng hơn con đường phát triển của đất nước, của tiến trình hiện thực đi lên chủ nghĩa xã hội; *thứ ba*, là nhờ thông tin từ những mô hình khai phá lúc đầu tự phát, nhưng được Trung ương nắm bắt và ủng hộ, biến thành tự giác, phản ánh đúng nhu cầu khách quan của cuộc sống kinh tế đất nước. Không có thông tin về đi đầu trong xóa bao cấp ở An Giang, ở thành phố Hồ Chí Minh, ở Đồ Sơn (Hải Phòng) v.v... thì khó có thể tác động làm lung lay cơ chế bảo thủ, trì trệ; *thứ tư*, nhờ thông tin về thay đổi ở các nước xã hội chủ nghĩa. Lúc bấy giờ, tức giữa những năm 1980 các nước xã hội chủ nghĩa đều thể hiện tư tưởng đổi mới. Đó là những thông báo báo hiệu tích cực, mặc dù là chúng ta lúc bấy giờ chưa thật sự hiểu rõ, nhưng chúng ta đi đúng hướng.

*Thông tin khoa học tạo ra sự khởi nguồn cho tư duy mới, sáng tạo mới.* Đó là sự bổ sung thường xuyên kiến thức mới. Mọi kiến thức đều quan trọng, đặc biệt là kiến thức cơ bản. Đó là nền tảng để ta xây dựng nên một lâu đài tri thức. Tuy nhiên, để phát triển, để làm phong phú vốn tri thức thì chỉ có thể nhờ những thông tin mới, nhờ những bổ sung mới. Đó là nhờ thông tin khoa học, chính các thông tin khoa học giúp ta suy nghĩ về điều mới để giải quyết những vấn đề mà thực tiễn, trước hết là sự đòi hỏi thực tiễn kinh tế. Chẳng hạn, tại sao vào đầu những năm 1980, trong khi chúng ta vẫn còn loay hoay với việc hoàn thiện chế độ công hữu, không biết xử lý nạn khủng hoảng thâm hụt của nền kinh tế như thế nào, thì những thông tin về cải cách mở cửa ở

Trung Quốc được tiến hành từ năm 1978 hay sự phát triển của các con rồng Châu Á như Hàn Quốc, Singapo, Đài Loan, Hồng Kông từ những năm 1960 đã gợi ý cho dư luận bằng các tài liệu thông tin khoa học. Tất nhiên không phải thông tin khoa học về cái mới luôn đi thẳng vào tư duy và phát triển theo đường thẳng. Có những lý luận mới lúc đầu chỉ là những gợi ý cho trao đổi, cho tranh luận. Thí dụ, thông tin về các con đường phát triển khác nhau trên thế giới: ở các nước Đông Nam Á chẳng hạn, lúc đầu không ít chúng ta e ngại. Nhưng thông tin thì vẫn tự tìm còn đường đi cho mình. Vì khoa học không thể nói dối. Cái quan trọng là những thông tin mới nó giúp chúng ta xem xét vấn đề ở những tư thế vận động. Một ví dụ khác về lý luận nhà nước hiện nay, một câu hỏi được đặt ra là vị trí của nhà nước trong kết cấu của hình thái kinh tế - xã hội, nhà nước thuộc thượng tầng kiến trúc hay hạ tầng cơ sở, thực tế nhà nước đang làm chức năng kinh tế và như là một chủ thể kinh tế trong xã hội hiện đại ở nhiều nơi, nhà nước đóng vai trò phân phối lại trên 50% GDP của mỗi nước. Ngay cả nước Mỹ, Quốc hội Mỹ năm 2002 đã phê chuẩn một đạo luật cho phép Tổng thống trực tiếp đàm phán và ký kết các hiệp định thương mại mà không cần phải thông qua Quốc hội thảo luận. Từ đó gợi ra vấn đề phải thảo luận thêm vai trò vị trí chức năng của nhà nước, không thể coi giản đơn nhà nước là lĩnh vực chính trị, là thuộc thượng tầng kiến trúc xã hội.

*Thông tin khoa học tạo ra phương pháp tư duy khoa học cho người lao động trong hoạt động kinh tế.*

Bản thân người lao động trong quá trình hoạt động kinh tế của mình, dần dần hình thành nên phương pháp, cách thức, kỹ năng về tổ chức, kế hoạch và vận hành trong hoạt động kinh tế. Thông qua các hoạt động thực tế và trong nhiều trường hợp, nhất là trong điều kiện hệ thống giáo dục tương đối phát triển, các nhà trường đã trực tiếp trang bị cho người lao động phương pháp tư duy khoa học về hoạt động kinh tế. Khoa học kinh tế được ra đời cùng với sự hình thành phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, các tác giả kinh điển của tư duy khoa học là A. Smít, Đ. Ricacđô và một số khác đã có vai trò rất lớn trong việc đặt nền móng cho tư duy khoa học về hoạt động kinh tế. C. Mác là nhà khoa học vĩ đại với tư cách là triết học,

nhà kinh tế chính trị học có ảnh hưởng nhất đến việc hình thành nên tư duy kinh tế cho tất cả những người lao động với một tư duy mới. Lao động không chỉ là phương pháp để tồn tại mà còn là phương thức hoàn thiện con người, không chỉ là gánh nặng kinh tế mà còn là niềm vui để thỏa mãn nhu cầu của mình.

*Thông tin khoa học đóng vai trò tích cực, vai trò truyền dẫn để hình thành phương pháp tư duy khoa học đó:*

*Thứ nhất*, thông tin khoa học truyền dẫn một cách có hệ thống qua con đường nhà trường, giáo dục cho một bộ phận quan trọng dân cư những kiến thức có hệ thống. Qua đó những khái niệm nền tảng tư duy kinh tế được hình thành.

*Thứ hai*, thông qua các kênh thông tin đại chúng, các tầng lớp người lao động tiếp thu được một cách chấp vá, thiếu hệ thống nhưng nó cũng được tích lũy và giúp cho người lao động những kiến thức, những phương pháp tư duy khoa học.

*Thứ ba*, nhờ thông tin khoa học chuyên nghiệp, là thông qua các cơ quan chuyên về hoạt động thông tin khoa học: các đơn vị nghiên cứu khoa học, các tổ chức thông tin khoa học, các trung tâm thông tin khoa học, kể cả các cơ quan chuyên quản lý nhà nước về hoạt động thông tin, đã tạo ra những điều cần thiết cho việc hình thành và phát triển của tư duy khoa học nói chung và tư duy kinh tế nói riêng. Các cơ quan thông tin khoa học chuyên nghiệp đóng vai trò quan trọng: bồi dưỡng thường xuyên cách thức tiếp cận các vấn đề kinh tế cũng như những nội dung khoa học cụ thể cho việc hình thành tư duy khoa học kinh tế.

#### **1.2.5. Thông tin khoa học giữ vai trò quyết định sử dụng có hiệu quả một loại vốn đặc biệt cho sự phát triển kinh tế - vốn thông tin**

Nó là nguồn lực vật chất đặc biệt, một nguồn vốn đặc biệt, nguồn vốn thông tin. Khái niệm nguồn vốn thông tin này mang những đặc điểm khác với các loại vốn đã được sử dụng như: nguồn vốn tài chính, nguồn vốn vật chất, nguồn vốn nhân lực, nguồn vốn khoa học - công nghệ.

Nguồn vốn thông tin là giá trị do lợi thế thông tin, do tận dụng năng lực

thông tin để thu nhận tri thức, giúp ích cho sự phát triển kinh tế, xã hội và đời sống.

Nguồn vốn thông tin khác với các nguồn vốn tài chính thông thường ở chỗ, việc sử dụng tách rời hoàn toàn khỏi sự sở hữu và nói chung sử dụng không phải chi trả khi được thông tin rộng rãi hoặc chi trả với giá rất thấp.

Nói chung nó là nguồn vốn tự do sử dụng, phụ thuộc vào khả năng sử dụng kiến thức và khả năng làm chủ thông tin.

Nguồn vốn thông tin vì thế là nguồn vốn tự do. Nó như là sức mạnh kinh tế nằm ngoài độc quyền sở hữu, khác với sở hữu tài chính hay vật chất thông thường. Có thể nói khái niệm sở hữu được mở rộng và hiện đại hóa trong thời đại kinh tế thông tin. Sở hữu cổ điển là gắn với đồ vật, gắn với vật chất cụ thể, là quan hệ giữa người với người trong chiếm hữu, chi phối, quản lý và sử dụng của cải vật chất. Còn sở hữu trong nền kinh tế thông tin còn là sở hữu nguồn lực (tri thức) thông tin. Mặc dù quyền sở hữu vẫn thuộc người chủ của thông tin (tri thức) nhưng việc sử dụng thuộc xã hội, khi đã đưa vào thông tin.

Loại vốn thông tin gắn với tri thức, mặc dù được vật chất hóa và nhờ vào các loại hình vật chất cụ thể để mang thông tin như máy tính, tức là các thiết bị của công nghệ thông tin và các phương tiện khác, song các giá trị thông tin phụ thuộc ngày càng lớn vào phần mềm của công nghệ thông tin, tức là hệ thống cơ sở dữ liệu, nghĩa là nó phụ thuộc vào khả năng xử lý thông tin, phụ thuộc vào nội dung thông tin, sử dụng loại vốn thông tin này không phải vay trả mà nó lại sinh lãi cao nếu biết sử dụng nó. Vì vậy, đây là cơ hội lớn để cho các nước không có lợi thế về kinh tế truyền thống có thể bứt phá, đuổi kịp và đi tắt đón đầu, vươn lên phía trước. Hàn Quốc là một vị trí điển hình về khả năng thích ứng, nhanh chóng nắm bắt công nghệ thông tin và làm chủ loại vốn thông tin để đẩy nhanh sự phát triển đất nước.

*Bản thân TTKH cũng là một loại vốn đặc biệt.*

Giá trị TTKH như là thứ vốn nhàn rỗi tự do không lệ thuộc vào chủ sở hữu sau khi đã đi vào mạng tin. TTKH là một khái niệm khá trừu tượng, tương đối khó định hình, vì vậy giá trị của TTKH lại càng khó đo lường, song giá trị của nó vẫn có thể đo đếm được một cách gián tiếp và mang tính ước

lượng, thông qua sự phục vụ của nó đối với đời sống xã hội, đối với sự phát triển kinh tế v.v.. Nghĩa là giá trị TTKH được đánh giá bằng mức độ tác động, thông qua sự đáp ứng nhu cầu về TTKH.

Nói rằng giá trị TTKH như là một thứ vốn đặc biệt là vì các loại vốn về tài chính, về vật chất - công nghệ, về nhân lực là có thể định hình được rất rõ ràng bằng các tiêu chí giá trị hay tiêu chí hiện vật, hoặc số lao động. Còn vốn giá trị TTKH không được vật chất hóa ở một hình thái cụ thể, không thể nhìn thấy bằng mắt thường, cũng không thể xác định được bằng cách cụ thể, chỉ biết rằng TTKH có giá trị và rất trừu tượng, tùy thuộc vào năng lực khai thác, và phải thông qua các công cụ trung gian để đo lường giá trị của TTKH.

Điều này cho thấy nếu chúng ta biết cách sử dụng TTKH một cách có hiệu quả thì TTKH là một tài sản đặc biệt của sự phát triển kinh tế. Đây là một loại tài sản, tư liệu sản xuất đặc biệt. Nó rất cơ giã, nói chung là không mất tiền mua hoặc có thể chi phí không nhiều mà đem lại hiệu quả rất lớn. Lý do rất đơn giản, nguồn lực thông tin này nằm chủ yếu ở các thư viện, trên các phương tiện truyền thông, ở các trang web trên mạng Internet. Năng lực khai thác thông tin là yếu tố quyết định. Đương nhiên ở đây cần con người có trình độ khai thác thông tin và cần cả những chi phí phương tiện cần thiết. Hiệu quả của sử dụng các mạng thông tin thì rất khác nhau vì phụ thuộc vào yếu tố tổ chức thông tin, quản lý thông tin và cán bộ khai thác thông tin - cùng một nguồn tin nhưng người có chuyên môn và khả năng sử dụng Internet thì sẽ tận dụng được kho tin rất phong phú, khai thác được các tin kinh tế để phục vụ cho hoạt động sản xuất - kinh doanh.

Đối với các nhà vạch kế hoạch, nhất là kế hoạch dài hạn, phải có được các thông tin cần thiết có liên quan. Chưa có một nghiên cứu đánh giá chính xác tiết kiệm nguồn lực do thông tin đem lại nhưng phải khẳng định là rất lớn, có thể tương đương với chi phí cho các hoạt động khoa học. Do thiếu thông tin, do "hàng rào ngăn cản thông tin" mà tạo ra "bom một triệu bít" (ngôn ngữ của S.Lem), đã làm cho khoa học lỗi thời 40 năm (theo Evtukh Alecsandr Tikhonovich (Ukraine), Tạp chí kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế (Nga) số 4/2005). Vì thế mà thế giới hiện nay coi việc bùng bít thông tin là tội lỗi ngăn cản tiến bộ nhân loại.

### **1.2.6. Tác dụng tiết kiệm nguồn lực**

Đây là chức năng, vai trò, tác dụng cực kỳ quan trọng của TTKH.

Lâu đài tri thức và khoa học chính là một tam giác cân lật ngược, đáy là hình nhọn ở dưới cùng. Thông tin khoa học cũng vậy. Lâu đài tri thức và khoa học này được hợp lực bởi tất cả những người trực tiếp hoặc gián tiếp hoạt động khoa học qua nhiều thế hệ và trên khắp hành tinh. Nhờ có thông tin khoa học nên tránh được việc nghiên cứu trùng lặp, giúp cho người đi sau tận dụng được thành quả của người đi trước. Ví dụ, khi đã có: 1 cộng 1 bằng 2, thì không ai đi nghiên cứu lại vấn đề đó. Nó tránh được sự lãng phí nguồn lực vật chất và trí tuệ, nhờ tránh được sự trùng lặp nghiên cứu. Đồng thời các kết quả khoa học, sáng chế, phát minh được nhiều người, nhiều đơn vị xã hội sử dụng.

Hơn thế nữa, nhờ TTKH mà những nguồn vốn tài chính, vốn vật chất được sử dụng có hiệu quả.

### **1.2.7. Phổ cập hóa kiến thức khoa học công nghệ nói chung và kiến thức khoa học kinh tế nói riêng cho những người tham gia hoạt động kinh tế**

TTKH có chức năng tự nhiên là đào tạo thường xuyên trí lực cho xã hội. Bản chất của thông tin là cập nhật kiến thức cho các đối tượng khác nhau, tùy theo từng đối tượng mà họ cảm nhận, thu nhận phù hợp với nhu cầu của mình.

TTKH phục vụ đại chúng ngày càng trở nên quan trọng, một mặt là do trình độ nhận thức của dân chúng ngày càng cao hơn, khả năng và nhu cầu tiếp thu khoa học, kỹ thuật và công nghệ ngày một tăng lên; mặt khác, bản thân những phát triển khách quan của thời đại công nghệ thông tin cũng tạo ra nhu cầu đối với các tầng lớp dân chúng, họ cũng phải quan tâm đến TTKH. Thí dụ, nông dân trồng trọt hay chăn nuôi không thể chỉ dựa vào kinh nghiệm, vào thói quen mà họ phải tuân thủ những cách hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt hay chăn nuôi của các cán bộ làm công tác khuyến nông. Trên các sách, báo, thường đưa tin về khoa học công nghệ phục vụ nông dân. Qua Đài phát thanh tiếng nói Việt Nam và đặc biệt là Đài truyền hình Việt Nam, với chuyên mục "nông dân làm giàu", "chuyện nhà nông" v.v.. đã hướng dẫn những kinh

nghiệm trồng trọt, chăn nuôi cho bà con nông dân, có chuyên mục phổ cập những kiến thức khoa học thông qua các chương trình truyền thông có nội dung khoa học, việc phổ biến tri thức không chỉ trong các lĩnh vực chuyên ngành mà trong toàn bộ các mặt khác nhau của tri thức xã hội. TTKH không còn là lĩnh vực chuyên biệt, được cô lập khi mà trình độ dân trí ngày càng được nâng cao, khi mà sự phát triển của lực lượng sản xuất, sự phát triển kinh tế đạt ở trình độ công nghệ thông tin, xã hội thông tin, kinh tế tri thức. TTKH là phương tiện mang tính kỹ thuật - xã hội để xã hội hóa tri thức cho tất cả các đối tượng khác nhau.

Thông tin không phải từ phía lý luận, từ nghiên cứu cho đời sống kinh tế - xã hội, mà thông tin còn có một vai trò quan trọng rất đặc biệt là từ thực tiễn, góp phần thẩm định giá trị lý luận từ thực tiễn. Vì thế, có thể gọi thông tin khoa học từ hướng phản ánh ngược: tức là thông tin tổng kết thực tiễn nói chung và tổng kết thực tiễn phát triển kinh tế nói riêng là một yêu cầu, là nhu cầu của những người hoạt động kinh tế.

Thực tiễn sự phát triển theo kinh tế thế giới và ở nước ta đã nói lên rằng thông tin từ sự phát triển của thực tiễn là chân thực và là nguồn tư liệu rất cần thiết, rất quyết định đối với nghiên cứu khoa học kinh tế và chính trị - xã hội. Từ tư duy khoa học không phải chỉ từ các lý thuyết, từ hệ thống các phạm trù, quy luật đã được ghi nhận, từ trong sách vở tài liệu, mà tư duy khoa học từ đời sống kinh tế hiện thực. Gần đây nhất, cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ châu Á những năm 1997 - 1998 đã cho thấy, hễ là kinh tế thị trường thì phải hoàn toàn áp dụng chủ nghĩa tự do, hễ là kinh tế thị trường phải là sự thả nổi cho sự vận động tự do của hàng hóa, tiền tệ và tài chính, không cần hoặc giảm thiểu tối đa vai trò chi phối vĩ mô của Nhà nước. Việt Nam đã bị ảnh hưởng nhưng với mức độ thấp của cuộc khủng hoảng đó. Bởi vì, Nhà nước ta có sự chủ động về hệ thống chính sách tài chính quốc gia cũng như phát triển kinh tế nói chung, đặc biệt là chủ động trong việc kiểm soát tỷ giá hối đoái; cân bằng dự trữ quốc gia. Vào thời kỳ đó, Chính phủ Malaixia đã rất chủ động để thoát khỏi cuộc khủng hoảng tiền tệ bằng cách không phá giá đồng "riên" Mã Lai, không nghe theo lý thuyết của các chuyên gia IMF và WB là thả nổi đồng tiền nội địa. Bởi vì thực tiễn của Thái Lan và Indônexia đã cho thấy các



nước này áp dụng lời khuyên của các chuyên gia IMF và WB nên đã thất bại nặng nề, nền kinh tế bị khủng hoảng trầm trọng. Từ thực tiễn đó, Việt Nam, Malaixia, Trung Quốc đã chủ trương ổn định đồng tiền của mình và do đó dễ thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ Châu Á 1997 - 1998.

Từ thực tiễn kinh tế nước ta. Đảng và Nhà nước ta đã có những chính sách đổi mới phù hợp, từ thực tiễn hơn 20 năm ở nước ta đã nói lên rằng thông tin từ thực tiễn là vô cùng quan trọng, đó là thông báo tiếng nói, hơi thở của cuộc sống nói chung và kinh tế nói riêng. Bản thân những hiện tượng đơn lẻ nhiều khi không nói lên hoặc chưa đủ để kết luận nhưng những thông tin từ thực tiễn để phân tích, đối chiếu và đi đến kết luận thì lúc đó sẽ có ý nghĩa khoa học.

Những điển hình "phá rào" trong sản xuất nông nghiệp ở Đồ Sơn - Hải Phòng năm 1980, cùng với thực tế sản xuất ở các hợp tác xã cuối những năm 1970 và đầu những năm 1980 đã giúp cho Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa IV có Chỉ thị 100 năm 1981 về khoán các khâu trong sản xuất nông nghiệp. Sau đó, qua thực tiễn phát triển nông nghiệp, những đổi mới cục bộ mang tính hạn hẹp chủ yếu chỉ trong phạm vi tổ chức - phân công lao động, chưa có tác dụng nhiều trong phân phối lợi ích và kết quả lao động, chưa có thay đổi mang "tính chế độ", tức là đột phá về việc sử dụng tư liệu sản xuất (ruộng đất) nên Bộ Chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng khóa VI đã ra Nghị quyết số 10/1998 là khoán sản xuất nông nghiệp cho từng hộ, mỗi hộ gia đình được chủ động về ruộng đất và các tư liệu sản xuất khác. Chính vì thế, cùng với các chính sách khác về môi lưu thông hàng hóa - tiền tệ - tài chính, sản xuất nông nghiệp đã bung ra và tăng trưởng nhanh vọt, chỉ trong vòng 2 - 3 năm đầu những năm 1990, nước ta từ chỗ thiếu lương thực triền miên mỗi năm nhập hàng chục vạn tấn lương thực, đã trở thành nước xuất khẩu lương thực. Và từ 1990 năm trở đi nước ta xuất khẩu lương thực ổn định đứng hàng thứ 2 - 3 trên thế giới về sản xuất gạo.

Tổng kết thực tiễn trước hết là nhờ thông tin và nắm bắt, lựa chọn thông tin. Mới đây trên truyền hình Việt Nam ngày 15/5/2007 trong chương trình thời sự có tin: ông Ma Nghĩa, người dân tộc ở xã Phú Mỹ, Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên là trưởng bản đã chia đất canh tác lúa nước của bản thân ông (do

ông biết cách khai phá đất thung lũng và tạo thành ruộng lúa nước có hiệu quả) cho những người không có ruộng. Sau đó, có nhiều người làm theo, cuối cùng cả làng ai cũng có ruộng lúa nước để trồng trọt.

Từ chuyện này ta thấy xây dựng kinh tế ở miền núi, vùng đồng bào dân tộc phải tận dụng được mặt tích cực của chủ nghĩa cộng đồng, vốn là một mặt tích cực của chế độ công xã nông thôn miền núi còn lưu lại. Gom góp những điển hình thực tiễn và thông tin chính xác, kịp thời là rất hữu ích cho xã hội.

### **1.2.8. TTKH là cầu nối giữa khoa học với thực tiễn kinh tế**

Có thể nói mối quan hệ biện chứng giữa các khoa học với thực tiễn kinh tế là thông qua các hoạt động thông tin khoa học. Nghiên cứu khoa học là lĩnh vực sáng tạo, là lĩnh vực nghiên cứu và phát minh, dù đó là khoa học kinh tế hay là khoa học công nghệ, là khoa học cơ bản hay là khoa học triển khai, ứng dụng, dù là khoa học xã hội hay là khoa học tự nhiên v.v... Thực tiễn kinh tế là sự vận động của nền kinh tế, là các quan hệ kinh tế giữa các cá nhân với cá nhân, giữa tập thể với tập thể, giữa bộ phận này với bộ phận khác, giữa tập thể với xã hội, giữa thành phần này với thành phần kia. Thực tiễn kinh tế là các quan hệ kinh tế trong hiện thực.

Đời sống kinh tế là toàn bộ hoạt động vật chất của con người, bao gồm các quá trình sản xuất và tái sản xuất xã hội: sản xuất, phân phối, trao đổi và tiêu dùng của cải vật chất. Đó là thực tiễn kinh tế. Do vậy giữa khoa học và thực tiễn kinh tế có một sự khác biệt nhau nhưng lại quan hệ mật thiết với nhau do nhu cầu khách quan của thực tiễn kinh tế và do cả mục đích tự thân của khoa học. Bản thân các hoạt động kinh tế ngày càng cần có sự dẫn dắt bởi lý thuyết, bởi khoa học. Sự hoạt động sản xuất của con người lúc đầu còn ở trạng thái tự nhiên, mang tính bản năng, song cùng với sự tiến hóa của kinh tế, của bản thân người lao động, con người lao động bản năng dần dần trở thành nguồn lao động tự giác, nhận thức được những phát triển, vận động kinh tế khách quan. Sự phát triển kinh tế và chủ thể của sự phát triển kinh tế là người lao động thông qua mối liên hệ đặc biệt là thông tin khoa học. Chính thông tin là cầu nối giữa khoa học với thực tiễn. Đó là mối quan hệ hai chiều tác động xuôi ngược với nhau. Khi ngành chuyên môn là TTKH chưa ra đời và hoạt động độc lập thì cũng đã có mối liên hệ giữa khoa học với thực tiễn

kinh tế. Đó là mối liên hệ bên trong, mối liên hệ khách quan của các quá trình kinh tế, mối liên hệ tự thân vốn có của nó. Nhưng với sự trợ giúp của TTKH thì thực tiễn kinh tế càng trở nên tự giác hơn, khoa học dẫn đường cho thực tiễn. Ngược lại có từ thực tiễn, thông qua TTKH để tổng kết và làm cho khoa học kinh tế phát triển hơn, bổ sung thêm những kết luận mới.

### **1.2.9. Thông tin khoa học góp phần tạo ra động lực tinh thần cho phát triển kinh tế**

Sự phát triển kinh tế là quá trình kết hợp hài hòa, tự giác sáng tạo giữa yếu tố chủ quan là con người, người lao động với các yếu tố khách quan là TLSX và đối tượng lao động. Bản thân sức lao động với tư cách là lao động sống phụ thuộc vào năng lực thể chất (tức là năng lực tự nhiên được bồi dưỡng cho phù hợp với điều kiện lao động cụ thể) và tinh thần: tri thức và tư tưởng. TTKH không chỉ thông tin về kiến thức, tức là khoa học, kỹ thuật - công nghệ, kinh nghiệm lao động, mà TTKH còn góp phần tạo ra động lực tư tưởng để thúc đẩy phát triển kinh tế. Bản thân các hoạt động thông tin nhiều khi không quan tâm đến mục đích, động lực tư tưởng, tinh thần của người lao động, nhưng chính các nội dung của TTKH lại dẫn đến sự hình thành tính tư tưởng, một động lực tinh thần của người lao động.

Động lực tinh thần của sự phát triển kinh tế được thể hiện ở hai phương diện: phương diện quốc gia và phương diện cá nhân những người tham gia hoạt động kinh tế. Ở phương diện quốc gia, việc tạo ra một động lực tinh thần, tư tưởng chung là rất quan trọng, ý thức "quyết tâm vươn lên để thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu và thậm chí vươn lên trở thành quốc gia giàu có và thịnh vượng, đã từng thành công ở một số nước, mà tiêu biểu là Singapo, Hàn Quốc, Malaixia, Thái Lan v.v... Cùng một trình độ kinh tế như nhiều nước nghèo khó khác sau chiến tranh thế giới thứ II, vào những năm 1950 Hàn Quốc còn nghèo hơn cả Mianma và Bangladet, nhưng chỉ sau khoảng 5 thập kỷ, Hàn Quốc đã trở nên một nước có trình độ kinh tế phát triển, đã được liệt vào nhóm 24 nước của khối OECD và được đứng vào nhóm đầu của tiêu chí xã hội thông tin. Một trong những lý do thành công là sau chiến tranh thế giới II người Hàn Quốc, có ý thức quốc gia rất cao, cả nước quyết tâm với nhiều phương diện, biết tận dụng cơ hội để phát triển. Tất nhiên cũng có cái phải trả

giá, nhưng chung cuộc là họ đã cách tân một cách kỳ diệu Nam Triều Tiên.

TTKH góp phần hình thành và kích thích tinh thần lao động sáng tạo, bền bỉ. Người Hàn Quốc sang làm việc ở Việt Nam cho biết, ở Hàn Quốc họ không uống bia rượu trong giờ làm việc, không có tình trạng buổi trưa mà các quán ăn, người ta uống bia rượu ồn ào như ở Việt Nam. Mỗi đất nước đều có phong tục tập quán riêng, song văn hóa lao động: ăn uống để phù hợp với sức khỏe và để lao động có hiệu quả cho cá nhân và cho cả xã hội là một vấn đề chung.

Sáng tạo cá nhân, mục tiêu các cá nhân nếu phù hợp chung với quốc gia thì sẽ tạo ra động lực tổng hợp của sự phát triển kinh tế. TTKH đóng vai trò quan trọng tạo ra động lực tinh thần về sáng tạo của dân tộc, quốc gia.

#### **1.2.10. Thông tin khoa học góp phần tác động đến thay đổi phương thức sinh hoạt kinh tế**

Phương thức sinh hoạt kinh tế được đề cập ở đây là cách làm ăn, cách tổ chức kết hợp các yếu tố sản xuất, cách kinh doanh, cách tiêu dùng cụ thể. Phương thức tổ chức đời sống kinh tế - xã hội của các dân tộc thiểu số, ở miền núi nước ta hiện nay vẫn còn rất lạc hậu. Từ trong tư duy kinh tế, từ trong tập quán kinh tế, trong tiêu dùng và sinh hoạt vật chất còn mang nặng tính tự nhiên, hoang sơ, còn dựa vào sức lao động tự nhiên và kỹ thuật thủ công sơ khai là chủ yếu. Như vậy, TTKH có chức năng hướng dẫn trực tiếp và gián tiếp những kiến thức từ giản đơn nhất cho đến trình độ chuyên sâu, trình độ cao, tác động thường xuyên vào các đối tượng này, thay đổi phương thức kinh tế của họ từ sản xuất cho đến tiêu dùng. Nó đòi hỏi nhiều giải pháp căn bản: đầu tư để tạo ra cơ sở hạ tầng vật chất - kỹ thuật, đầu tư tài chính, cung cấp vốn, đào tạo cán bộ v.v... nhưng thông tin khoa học là một cách cập nhật thường xuyên kiến thức cho người dân. Đối với nhân dân miền đồng bằng có trình độ nhận thức cao hơn, hay ở thành phố, đô thị, thì thông tin khoa học là cập nhật kiến thức để hình thành tư duy kinh tế lành mạnh, đạt hiệu quả cao về kinh tế và xã hội.

Thông tin xã hội chỉ là một yếu tố chủ chốt nhưng nó có vai trò trung gian, truyền dẫn, khơi nguồn cho những tư duy kinh tế mới. Đôi khi đưa những tin nhỏ

nhưng lại gọi cho người lao động một ý tưởng tốt, lớn lao. Chẳng hạn, có nhiều người hoạt động kinh tế hay gặp khó khăn rồi cho là không có cơ hội. Thực tế cơ hội luôn luôn có ở trước mặt mọi người, chỉ có điều là ai đó biết nắm lấy và tự tạo ra cơ hội thành công cho mình mà thôi. Một phụ nữ người Trung Quốc tên là Zhang Yin, là phụ nữ giàu nhất Trung Quốc vào năm 2006, chủ Công ty giấy Cửu Long, tài sản khoảng 3,4 tỷ USD. Bà ta giàu lên bắt đầu từ năm 1985, lúc 28 tuổi, cũng chỉ có 4.000 USD đi mua giấy vụn, sau đó tiến lên sản xuất bao bì cát tông, Hiện nay là nhà sản xuất bì cát tông lớn nhất Trung Quốc. Từ một công việc đơn giản, chịu khó và biết tính toán kinh doanh rồi trở nên giàu có nhanh chóng. Như vậy, phương thức hay cách làm giàu ở đây ngoài yếu tố may mắn, trước hết là nghị lực kinh tế khơi dậy bản năng con người kinh tế như Adam Smith đã chỉ ra.

Hiện nay ở nhiều vùng miền núi nước ta còn rất lạc hậu. Các phương thức canh tác vẫn mang tính chất gần như nguyên thủy. Chỉ có thể thông qua công tác khuyến nông tức là thông tin và áp dụng các phương thức sản xuất mới, cụ thể thì mới có thể thay đổi được cách sinh hoạt kinh tế của họ. Trường hợp thông tin điển hình thực tiễn về ông Ma Nghĩa như đã nói ở trên là một ví dụ hay về thông tin thực tiễn, góp phần thay đổi những phương thức sinh sống của người dân. Đó cũng là địa bàn rộng lớn của TTKH

### **1.2.11. Hướng dẫn nhu cầu, góp phần kích thích nhu cầu mới cũng như tạo ra phương pháp để thỏa mãn nhu cầu của sự phát triển kinh tế**

Nhu cầu kinh tế là động lực của sự phát triển kinh tế. Mọi sự phát triển nhằm thỏa mãn các nhu cầu, bao gồm: nhu cầu tiêu dùng, đời sống, các sinh hoạt xã hội, nhu cầu sản xuất, nhu cầu sản xuất trực tiếp và nhu cầu sản xuất gián tiếp.

Nhu cầu kinh tế là vấn đề rất lớn từ kinh tế siêu vĩ mô cho đến kinh tế vi mô, doanh nghiệp và kinh tế nanô, là một phạm trù kinh tế trung tâm, xuất phát của các quan hệ kinh tế. Trong nền kinh tế thị trường tự do cũng như kinh tế thị trường xã hội hay kinh tế kế hoạch, thậm chí kinh tế hoạt động tập trung đều lấy nhu cầu làm cơ sở xuất phát. Đương nhiên phương pháp của các loại mô hình kinh tế là có sự khác nhau. Trong các mô hình kinh tế thị trường đều coi trọng tính toán bằng giá trị, giá trị là phương thức, công cụ xác định về lượng các nội dung kinh tế, mức độ thỏa mãn nhu cầu được đo lường bằng các chỉ tiêu giá trị và hiệu quả là lợi nhuận. Trong loại kinh tế kế hoạch lấy

nhu cầu làm căn cứ xuất phát nhưng các nước xã hội chủ nghĩa theo mô hình cũ trước đây lại nặng về chỉ tiêu nhu cầu hiện vật, tức là xác định nhu cầu bằng số lượng hiện vật rồi mới tính giá trị mang tính quy ước là chính. Phương pháp quy ước này trong một chừng mực nhất định có tính hợp lý của nó nhưng không thể là phương pháp phổ biến, bởi đó là phương pháp trực tiếp xác định nhu cầu nên xa rời thực tế. Phương pháp xác định nhu cầu bằng đại lượng giá trị của cầu là phương pháp kinh tế thị trường và hợp lý hơn.

Thông tin khoa học đóng vai trò tích cực xác định các tham số của nhu cầu kinh tế. Chúng ta lấy một ví dụ: để xác định đầu tư và sản xuất cà phê, một thế mạnh kinh tế của nước ta, mà tập trung là những vùng đất bazan. Như vậy, cần phải có những thông tin cần thiết về lịch sử nhu cầu tiêu dùng cà phê, khả năng sản xuất của thế giới, tính chu kỳ lên xuống của giá cà phê, xác định khả năng đỉnh giá cao và điểm giá thấp nhất vào thời điểm nào v.v.... Có như vậy mới tránh được tình trạng lúc cà phê được giá thì người ta đổ xô trồng cà phê nhưng lúc cà phê xuống giá thì người trồng cà phê lại chặt bỏ đi để chuyển sang trồng thứ khác, hiện tượng đã từng diễn ra ở nước ta.

Định hướng sự phát triển kinh tế là do nghiên cứu được tổng thể của sự phát triển, là việc nắm vững được đầy đủ các yếu tố có liên quan và cuối cùng là xác định được nhu cầu kinh tế. Song cũng cần phải thấy rằng do nắm được các tham số của sự phát triển, có các thông tin đầy đủ làm căn cứ định hướng mới cho tiêu dùng, tạo ra nhu cầu mới. Đó là hướng chủ động nhất của hoạt động kinh tế. Các hãng, các công ty làm ăn thành công, ví như hãng máy tính Microsoft của Bill Gates phát triển rất nhanh, với tài sản cá nhân của ông ta khoảng 50 - 60 tỷ USD, được coi là người giàu nhất thế giới. Sở dĩ Bill Gates và cộng sự thành công là bởi vì nắm được xu hướng phát triển của kinh tế thế giới với đặc trưng quan trọng là thông tin. Và do đó việc sản xuất ra các loại máy tính định hướng được tiêu dùng, dẫn dắt người tiêu dùng, tức là tạo ra nhu cầu nội sinh, nhu cầu do chính sản xuất sinh ra. Hàn Quốc là quốc gia nêu lên một mẫu hình nắm bắt nhu cầu thông tin và tìm ra được chiến lược phát triển công nghệ thông tin. Mặc dù đi sau hàng chục năm so với nước Mỹ và Tây Âu về phát triển công nghệ thông tin, nhưng từ năm 60 - 70 của thế kỷ XX, quốc gia này đã mạnh dạn đầu tư phát triển công nghệ thông tin. Cho đến nay, Hàn

Quốc đề trở thành một quốc gia hùng mạnh về công nghệ thông tin. Năm 2004, GDP của Hàn Quốc đạt 680 tỷ USD, đứng thứ 10 thế giới, trong đó công nghệ thông tin chiếm 14,5% GDP, xuất khẩu chiếm 29,2% tức 78 tỷ USD trong tổng số 2.500 USD, chiếm vị trí cao trong số các nước OECD ( xem: Hội tin học TP Hồ Chí Minh, Báo cáo toàn cảnh công nghệ thông tin Việt Nam năm 2006). Trong khi đó GDP của nước ta năm 2006 chưa đạt được 1000 nghìn tỷ đồng, tức là mới khoảng 60 tỷ USD.

*TTKH kích thích tiêu dùng là một hướng tạo ra sức mạnh kinh tế.*

Thông tin khoa học định hướng nhu cầu không phải chỉ là tạo ra sản phẩm mới để thỏa mãn nhu cầu mà còn chủ động hơn ở việc hình thành tư duy tiêu dùng, triết lý tiêu dùng. Triết lý tiêu dùng của thời đại ngày nay khác với thời đại công nghiệp trước kia. Trong tương lai tiêu dùng sẽ phải khác nhiều, vì nó phải vừa là kết quả, vừa là điều kiện của kinh tế tri thức, kinh tế thông tin. Phương thức tiêu dùng sản phẩm theo khuynh hướng giảm giá trị vật chất và tăng giá trị tinh thần, giảm tiêu hao khối lượng vật chất và những tác động tiêu cực đến môi trường, sinh thái. Thí dụ, nên tăng các phương tiện vận tải công cộng với tính năng tối ưu hạn chế chất thải độc hại, giảm bớt các phương tiện cá nhân. Việc tạo ra các đồ dùng, phương tiện cá nhân lớn cũng cần phải hạn chế, tiêu dùng năng lượng điện cũng vậy, tức là phải giảm tiêu hao vật chất trong tiêu dùng. Thông qua tác động của thông tin khoa học cả về các phương diện: khoa học - công nghệ, kinh tế, nhận thức về xã hội và nhân văn để có một tập quán tiêu dùng tích cực. Chẳng hạn như lối sống giản dị, ít dùng bia rượu sẽ có lợi cho sức khỏe. Như vậy, sản xuất loại hàng hóa này sẽ giảm và tăng lên sản xuất các sản phẩm có lợi cho sức khỏe cho mỗi con người và cho cả nhân loại. Tiêu dùng của thời đại tri thức là tiêu dùng hợp lý và không làm cạn kiệt tài nguyên, tiêu dùng sạch, tiêu dùng để tái sản xuất mở rộng môi trường.

## KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

- Thông tin là một hình thái ý thức xã hội, phản ánh hoạt động tri thức của loài người. Cơ sở của thông tin là tri thức và quy luật phát triển hoạt động của nó nằm trong đặc điểm của hoạt động nhận thức của con người.

Thông tin chứa đựng tri thức nhưng không đồng nhất với nhận thức. Thông tin là sự truyền bá, lan tỏa tri thức trong xã hội.

- Thông tin khoa học là một hình thức cơ bản của thể hiện thông tin, nó gắn với đối tượng, môi trường khoa học và được xem xét trong phạm trù lớn: Khoa học.

- Thông tin khoa học là có vai trò đặc biệt trong nền kinh tế hiện nay. Thông tin khoa học có tác dụng nhiều mặt, trực tiếp thúc đẩy sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đặc biệt: nguồn vốn thông tin, một đặc trưng cơ bản của nền kinh tế các nước phát triển.

- TTKH có tác động nhiều mặt đối với sự phát triển kinh tế, từ nhận thức lý luận, tư duy kinh tế đến các hoạt động kinh tế cụ thể, là một yếu tố trực tiếp tiên phong của khoa học - công nghệ phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội.



## *Chương 2*

# THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN KHOA HỌC PHỤC VỤ SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ Ở NƯỚC TA

### 2.1. VỀ TỔ CHỨC HỆ THỐNG THÔNG TIN KHOA HỌC CỦA NƯỚC TA HIỆN NAY

Thông tin nói chung và thông tin khoa học nói riêng đang ngày càng tỏ rõ là một trong những nguồn lực và nhân tố rất hùng mạnh của lực lượng sản xuất và có vị trí cực kỳ quan trọng trong quá trình phát triển xã hội. Đến nay, gần như mọi người đều đã thừa nhận một sự thật hiển nhiên là: "*trong thời đại kinh tế tri thức, ai nắm được thông tin, người đó sẽ chiến thắng*". Tuy nhiên, cũng cần thấy rằng, không phải cứ sở hữu thông tin là đã có sức mạnh. Nói như trên, mới chỉ là một cách khái quát (cho dù hoàn toàn đúng). Để có sức mạnh chiến thắng thì cùng với việc nắm được thông tin, người chủ sở hữu thông tin phải biết tổ chức, xử lý, khai thác, phải biết từ các thông tin để rút ra nhận xét, kết luận bổ ích, những biện pháp và những công cụ để "chiến thắng". Điều đó không chỉ đúng với cá nhân, tập thể mà còn cả đối với toàn xã hội.

Để phát triển, xã hội phải tổ chức hợp lý hoạt động thông tin. Tổ chức ở đây được hiểu theo hai nghĩa:

- Tổ chức, với tư cách là một cấu trúc bao gồm con người (một số cá nhân hoặc các tập thể) và các công cụ, thiết bị kỹ thuật. Đây là công cụ để điều hành, quản lý và tổng hợp hoạt động thông tin.

- Tổ chức hoạt động thông tin: bao gồm các khâu của hoạt động theo quy trình hoạt động, là sự kết nối và tổng hợp các công đoạn của quá trình thông tin, từ thu thập, xử lý, khai thác, sản xuất đến phục vụ thông tin.

#### 2.1.1. Giai đoạn trước năm 2000

Các nhà nghiên cứu về thông tin khoa học của nước ta đều thống nhất cho rằng, so với các ngành khoa học - kỹ thuật khác (cơ khí, hóa chất v.v...) Việt Nam không bắt đầu quá chậm so với thế giới về thông tin khoa học.

Ngay từ năm 1972, Nghị quyết 89/CP ngày 4 tháng 5 năm 1972 đã đặt nền móng về pháp lý cho hoạt động thông tin khoa học và công nghệ (KH&CN). Cùng với một số văn bản pháp quy khác, Nghị quyết 89/CP đã trở thành cơ sở pháp lý cho việc lần lượt hình thành một số các tổ chức thông tin KH&CN đầu ngành quan trọng như: Viện Thông tin Khoa học và Kỹ thuật Trung ương, Viện Thông tin Khoa xã hội, Viện Thông tin và Thư viện Y học Trung ương, Viện Thông tin Khoa học thuộc Viện Khoa học Việt Nam, Viện Thông tin cơ khí và Luyện kim v.v... và nhiều cơ quan thông tin khác sau này. Cả nước đã dần hình thành một mạng lưới các cơ quan thông tin KH&CN.

Chỉ thị số 95/CT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng "*Về công tác thông tin KH&CN*" là một văn bản quan trọng được ban hành 19 năm sau Nghị quyết 89/CP. Chỉ thị đã phân tích rất rõ những điểm mạnh, yếu của hệ thống thông tin KH&CN hình thành và phát triển trong thời kỳ bao cấp. Trên cơ sở đó đã quy định một cách thiết thực nhận xét nhiệm vụ của Hệ thống Thông tin KH&CN trong giai đoạn mới.

Chỉ thị khẳng định, hoạt động của hệ thống thông tin KH&CN phải bám sát phục vụ công tác xây dựng và thực hiện các Nghị quyết của Đảng, chính sách, chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của nhà nước; phải gắn kết chặt chẽ hoạt động thông tin KH&CN với thông tin kinh tế - xã hội; đẩy mạnh công tác phổ biến tri thức KH&CN, kinh nghiệm sản xuất tiên tiến.

Nghị quyết số 49/CP ngày 4/8/1993 của Chính phủ về phát triển công nghệ thông tin ở nước ta trong thập niên 90 thế kỷ XX đã khẳng định phải tạo ra một môi trường thuận lợi cho việc chuẩn bị hướng tới một "xã hội thông tin" - một mục tiêu quan trọng trong quá trình phát triển của Việt Nam.

Đặc biệt, Nghị quyết của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ hai khóa VIII, năm 1996 về "*Định hướng chiến lược phát triển KH&CN trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000*" cũng đã xác định rõ định hướng chiến lược mới cho hoạt động thông tin KH&CN. Nghị quyết đã khẳng định phải đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền, phổ cập kiến thức KH&CN ở cơ sở.

- *Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ cập tri thức khoa học Mác - Lênin, tư*

tưởng Hồ Chí Minh, khoa học xã hội và nhân văn nói chung, những hiểu biết thường thức về khoa học tự nhiên và công nghệ, bảo vệ môi trường trong nhân dân, đặc biệt là ở vùng nông thôn, vùng núi, vùng dân tộc ít người, hình thành lối sống văn minh và sự lành mạnh của môi trường xã hội.

- *Đẩy mạnh các hoạt động và dịch vụ thông tin KH&CN cho lãnh đạo và quản lý, nghiên cứu khoa học và đổi mới công nghệ ở doanh nghiệp, đặc biệt là thông tin công nghệ.*

- *Phát triển và quản lý tốt mạng lưới thu thập, xử lý thông tin KH&CN nước ngoài.*

### **2.1.2. Giai đoạn từ năm 2000 đến nay**

Giai đoạn này đánh dấu một sự kiện hết sức quan trọng đối với sự phát triển khoa học và công nghệ Việt Nam nói chung và công tác khoa học và công nghệ nói riêng, đó là: **Luật Khoa học và Công nghệ** của nước Cộng hòa công Việt Nam đã được Quốc hội thông qua và được Chủ tịch nước ký ban hành ngày 22/6/2000, có hiệu lực từ ngày 1/1/2001. **Luật Khoa học và Công nghệ** đã mở ra một giai đoạn mới về chất của khung khổ pháp lý của hoạt động thông tin khoa học. Với Luật này, lần đầu tiên hoạt động thông tin khoa học ở nước ta được điều hành bằng luật pháp.

Trong tổng số 59 điều của Luật Khoa học và Công nghệ, có nhiều điều quy định và điều tiết trực tiếp, của gián tiếp hoạt động thông tin ở Việt Nam. Chúng tôi xin trích Điều 45 của Luật để thấy những điều cơ bản nhất về vấn đề này.

*"Điều 45 Thông tin KH&CN", quy định:*

*"Chính phủ đầu tư xây dựng Hệ thống thông tin KH&CN Quốc gia hiện đại, đảm bảo thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời về các thành tựu quan trọng trong các lĩnh vực KH&CN ở trong nước và trên thế giới; ban hành quy chế quản lý thông tin KH&CN; hàng năm công bố danh mục và kết quả tổng hợp các nhiệm vụ KH&CN trong nước" (Trích toàn văn nội dung Điều 45 Luật Khoa học và Công nghệ).*

Đây là một bước tiến mới cực kỳ quan trọng trong việc hoàn thiện và phát triển về mặt pháp lý của hoạt động thông tin KH&CN ở nước ta. Nhà

nước chính thức giao cho Chính phủ trách nhiệm đầu tư "*Xây dựng Hệ thống Thông tin KH&CN Quốc gia hiện đại*". Tổ chức và hoạt động của Hệ thống thông tin KH&CN Quốc gia cũng như quy chế quản lý hoạt động thông tin KH&CN sẽ được quy định cụ thể trong văn bản dưới luật sắp tới (Nghị định Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Khoa học và Công nghệ; Nghị định Chính phủ về hoạt động thông tin KH&CN...).

Với chủ trương, chiến lược phát triển của Đảng và Nhà nước ta trong lĩnh vực thông tin KH&CN, trên cơ sở pháp lý mà văn bản cao nhất là *Luật Khoa học và Công nghệ*, hệ thống các cơ quan, tổ chức hoạt động thông tin KH&CN đã phát triển nhanh chóng về cơ cấu tổ chức và hoạt động.

Nếu như ở thập niên 70, ngành thông tin KH&CN mới chỉ ở giai đoạn phát triển sơ khai. Toàn ngành chỉ có 4 Trung tâm thông tin ngành, với biên chế mỗi Trung tâm khoảng 20 cán bộ, phần còn lại là một số các phòng và tổ thông tin tại các Viện Nghiên cứu và thiết kế, thì hiện nay, có thể nói một hệ thống khá đa dạng các tổ chức thông tin KH&CN đã hình thành.

Mạng lưới các cơ quan thông tin KH&CN mà đứng đầu là Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia (thuộc Bộ Khoa học & Công nghệ) cùng với đông đảo các cơ quan thông tin chuyên ngành được thành lập ở các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Quốc hội và một số Trung tâm Thông tin của một số Ban Đảng và Học viện.

Có thể phân thành một số nhóm cơ quan như sau:

**- Các cơ quan thông tin tư liệu KH&CN cấp Trung ương**

Các cơ quan này được thành lập ở các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Quốc hội và một số Trung tâm Thông tin của các Ban Đảng và Học viện như: Trung tâm Thông tin Thư viện & Nghiên cứu Khoa học của Quốc hội, Trung tâm thông tin của Văn phòng Chính phủ, Viện Thông tin Khoa Xã hội, Trung tâm Thông tin - Ban khoa giáo TW, Viện Thông tin Khoa học - Học viên Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Trung tâm Thông tin - Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Trung tâm Thông tin Thương mại - Bộ Thương mại, các trung tâm thông tin và thư viện của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an v.v... Trong số đó, Trung tâm Thông tin Tư liệu KH&CN Quốc gia

là đơn vị có tiềm lực về nguồn tư liệu, hạ tầng kỹ thuật thông tin và nguồn nhân lực mạnh, là một trong những cơ quan có sản phẩm thông tin thường xuyên (định kỳ, hoặc phục vụ đột xuất) và chủ động trong việc phục vụ thông tin ngày càng tốt hơn cho quá trình ra quyết định của trung ương.

#### **- Các cơ quan thông tin chuyên ngành**

Các cơ quan này có tầm quan trọng đặc biệt trong việc thông tin các vấn đề mang tính chuyên ngành. Đây là nơi cung cấp những thông tin của cơ quan nghiên cứu KH&CN chuyên ngành giúp Trung ương khi cần xem xét để đưa ra những chủ trương giải quyết vấn đề liên quan đến một chuyên ngành cụ thể. Thuộc nhóm này cũng cần phải kể đến các *cơ quan tin học - quản trị các CSDL chuyên ngành*. Nhờ sự kết nối của các mạng và sự hình thành một số CSDL Quốc gia (Kết quả của Chương trình CNTT giai đoạn 1996 - 2000), nên các cơ quan này đã tham gia vào việc đảm bảo cung cấp thông tin KH&CN. Nếu chỉ tính các cơ quan thông tin chuyên ngành thì đến năm 2002 đã có khoảng trên 40 đơn vị. Cùng với các cơ quan tin học, đây là lực lượng hùng hậu với trang bị kỹ thuật tốt và nắm giữ nhiều cơ sở dữ liệu chuyên ngành quan trọng.

#### **- Các cơ quan thông tin của địa phương**

Đây là những đơn vị làm thông tin khoa học của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, hiện nay với tổng số 65 đơn vị, cùng với 65 thư viện tổng hợp của 65 tỉnh, thành phố hợp thành một hệ thống thông tin thư viện liên hoàn của các địa phương.

Ở cấp thấp hơn, cả nước có khoảng trên 500 Thư viện cấp huyện phục vụ trực tiếp các mảng hoạt động của địa phương.

Tuy không thành một tổ chức duy nhất bao gồm tất cả các cơ quan thông tin, song với chức năng quản lý về mặt nhà nước, Trung tâm Thông tin KH&CN Quốc gia với tư cách là cơ quan đầu ngành, tư vấn cho nhà nước về chính sách, chiến lược và tổ chức hoạt động thông tin nói chung. Đồng thời, Trung tâm cũng thực sự là một cơ quan thông tin mạnh với tiềm lực thông tin và nhân lực, tài chính lớn, được Nhà nước ưu tiên đầu tư. Trung tâm cập nhật và lưu trữ trên 350.000 cuốn sách với khoảng trên 90% là tiếng nước ngoài,

với 32% là sách về khoa học cơ bản, 45% KH&CN, 23% thuộc các chuyên ngành khác. Số báo, Tạp chí KH&CN mà Trung tâm cập nhật cũng khá đáng kể, muốn 6760 loại. Đặc biệt, Trung tâm có những cơ sở dữ liệu KH&CN rất lớn, với hàng chục triệu biểu nghi.

Là cơ quan đầu ngành, Trung tâm đã góp phần tổ chức và trực tiếp tổ chức công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ làm thông tin khoa học cho các đơn vị trong cả nước. Hàng năm và qua từng giai đoạn nhất định, Trung tâm là nơi chủ trì các hội nghị tổng kết, hội thảo khoa học, nghiệp vụ, góp phần đáng kể vào việc phát triển công tác khoa học trong cả nước.

Có thể nói, sự nỗ lực hoạt động của các cơ quan thông tin trong cả nước, đã đáp ứng đáng kể những nhu cầu về hình thức khoa học nói chung, thông tin lý luận chính trị, thông tin khoa học xã hội, thông tin kinh tế v.v... về cơ bản đã đáp ứng được cho nhu cầu phát triển.

*Trước hết, đó là Các cán bộ lãnh đạo, quản lý, các nhà hoạch định các chính sách và chiến lược phát triển cấp quốc gia, cấp ngành và liên ngành.* Trong đó phục vụ tích cực cho việc phát triển kinh tế. Nội dung thông tin cung cấp cho các đối tượng này được xử lý phân tích - tổng hợp có tính hệ thống, có tính trật tự về mặt thời gian, mối quan hệ có tính biện chứng, có tính quy luật, có tính chiến lược, có tính cảnh báo, có tính gợi mở. Với thời hạn ở tầm ngắn hạn (1 năm), trung hạn (5 năm), dài hạn (từ 10 đến 20 năm). Nhờ những dòng tin tri thức này giúp cho người dùng tin định hướng, phân tích các vấn đề và các sự kiện, mở rộng tầm khái quát... để quyết định những vấn đề chính xác, kịp thời, hiệu quả trong phạm vi chỉ đạo, quản lý, điều hành của mình.

*Thứ hai, giúp cho công tác đào tạo và nghiên cứu kinh tế có hiệu quả nhất định cung cấp những thông tin đầy đủ, mới, có tính hệ thống, những thông tin về các chuyên ngành hẹp, những vấn đề cụ thể mà nghiên cứu và đào tạo đang đặt ra, những vấn đề mới được khám phá, hay những thông tin có tính định hướng cho công tác nghiên cứu khoa học phục vụ cho phát triển kinh tế.*

*Thứ ba: Phục vụ tích cực cho các doanh nghiệp, các nhà lập Dự án phát triển công nghệ, các Trung tâm thực nghiệm, các Trung tâm chuyển giao*

*các công nghệ - tiến bộ kỹ thuật phục vụ phát triển công nghiệp, nông nghiệp thương mại v.v...".*

Vai trò của hệ thống tổ chức thông tin khoa học phục vụ tích cực cho các lĩnh vực nào của quá trình đất nước vận động và phát triển, đặc biệt là quá trình hội nhập kinh tế hiện nay.

## **2.2. THÔNG TIN KHOA HỌC ĐÃ CÓ TÁC DỤNG TÍCH CỰC PHỤC VỤ CHO QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI TƯ DUY KINH TẾ**

Thông tin khoa học đã giải thích, truyền bá đúng đắn các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, công cuộc xây dựng CNXH, đặc biệt là trong thời kỳ đổi mới.

Thông tin khoa học góp phần tích cực vào công cuộc đổi mới, chuyển biến tư duy, tư tưởng của xã hội, thay đổi mang tính bước ngoặt về quan niệm chủ nghĩa xã hội, về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Các cơ quan truyền thông, các cơ quan hoạt động khoa học và tư tưởng đã chuyển tải kịp thời đúng đắn chủ trương, quan điểm, đường lối của Đảng về đổi mới từ Đại hội VI của Đảng. Trong lịch sử phát triển của Đảng, Đại hội VI (12/1998) có một vị trí rất đặc biệt. Đó là Đại hội khởi xướng đổi mới chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Nó có ý nghĩa quyết định mang tính sống còn của chủ nghĩa xã hội Việt Nam. Vì vậy, công tác thông tin khoa học đã truyền tải quan điểm đúng đắn của Đảng là kiên định giữ vững mục tiêu và con đường xã hội chủ nghĩa, đổi mới tư duy về chủ nghĩa xã hội. Lúc bấy giờ do ảnh hưởng về nhận thức nên ngay trong Đảng đã có 3 loại quan điểm:

Loại thứ nhất muốn đổi mới theo chủ nghĩa xã hội, trong khi vẫn giữ vững mục tiêu xã hội chủ nghĩa, giữ vững sự lãnh đạo của Đảng.

Loại thứ hai lại lại muốn theo tư tưởng đa nguyên toàn diện.

Loại thứ ba là bảo thủ, sợ đổi mới, hoặc chỉ đổi mới cục bộ.

Có hai loại bệnh đối nghịch nhau: ảo tưởng và bảo thủ nhưng lại cùng chung một nguồn gốc, đó là chủ nghĩa giáo điều bao gồm giáo điều cũ và giáo điều mới. Vì vậy, tư tưởng sợ đổi mới, không thấy được căn bệnh giáo điều đã gây nguy hại cho cách mạng và xã hội, và muốn giữ lấy các nguyên tắc, hình thức cũ của chủ nghĩa xã hội như công hữu triệt để, nhà nước bao cấp và

phân phối bình quân, kế hoạch hóa phi thị trường v.v... Sự các công cụ của sản xuất hàng hóa và kinh tế thị trường như: Tự do lưu thông hàng hóa, cạnh tranh, lợi nhuận, chênh lệch thu nhập. Song mặt khác, một loại quan điểm cực đoan mang tính "tả khuynh" vô nguyên tắc là áp dụng chủ nghĩa đa nguyên chính trị. Ở các nước xã hội chủ nghĩa đã tiến hành cải cách xã hội chủ nghĩa với các tên gọi khác nhau như "cải cách và mở cửa" ở Trung Quốc ( từ 1978), "cải tổ" ở Liên Xô, "đổi mới" ở Việt Nam, ở Đông Âu thì có các chương trình cải cách. Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu đã đi chệch hướng cải cách xã hội chủ nghĩa vì thực hiện sự đa nguyên chính trị. Do vậy trong tuyên truyền, khi xuất hiện quan điểm đó, các cơ quan truyền thông đã kịp thời phanh lại và có sự đấu tranh phê phán để những tư tưởng chính trị lệch lạc không gây tác hại tiêu cực đối với đất nước, trước hết là đối với sự lãnh đạo của Đảng và đời sống tư tưởng xã hội.

Có thể nói thông tin khoa học chính trị đã có những thành tích lớn trong việc phục vụ công cuộc đổi mới và chấn hưng phát triển ở nước ta.

Đánh giá những thành tựu toàn diện và quan trọng của sự nghiệp "Đổi mới" đất nước trong 20 năm qua, cuộc Hội thảo bàn tròn cấp cao thuộc Dự án "*Hỗ trợ Tổng kết 20 năm đổi mới ở Việt Nam*" do Chương trình phát triển Liên hợp Quốc, Viện Khoa học xã hội Việt Nam và Cơ quan hợp tác phát triển quốc tế Thụy Điển đồng tổ chức đã thống nhất cho rằng: Hơn 20 năm đổi mới Việt Nam đã thành công trong việc thoát khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội và đã đạt được mức tăng trưởng kinh tế cao; hệ thống cơ sở hạ tầng và đời sống nhân dân được cải thiện đáng kể; giữ vững ổn định chính trị - xã hội; mở rộng quan hệ quốc tế, tăng cường vị thế quốc tế của Việt Nam; tình trạng nghèo đói giảm từ 70% những năm 1980 xuống dưới 19% năm 2006 và tăng chỉ số phát triển con người từ xếp thứ 120/174 năm 1994 lên 108/177 nước trên thế giới năm 2005. Tuổi thọ trung bình của người dân tăng từ 50 năm 1960 lên 71 tuổi năm 2006; Thu nhập bình quân đầu người năm 2006 đạt 720 USD, tăng 80 USD so với năm 2005 ( xem tổng quan kinh tế Việt Nam năm 2006 - Bản tin phục vụ lãnh đạo của Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, số 8/2007, tr 46) . Nhiều chuyên gia kinh tế hàng đầu thế giới vô cùng khâm phục sự phát triển đánh dấu lịch sử của Việt Nam mà điều căn bản làm



nên kỳ tích đó là do *đường lối đổi mới của ta là đúng đắn, kịp thời và hợp quy luật phát triển.*

Năm 1986 đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế của Việt Nam - một tư duy kinh tế mới về chế độ kinh tế xã hội, có thể coi là NEP Việt Nam. Trước đó, nền kinh tế Việt Nam lún sâu trong sự khủng hoảng nghiêm trọng: kinh tế không tăng trưởng, lạm phát rất cao, nền công nghiệp, nông nghiệp trì trệ, khủng hoảng nguyên liệu và lượng thực phẩm, đời sống có nhân dân sa sút nghiêm trọng, nợ nước ngoài tăng... Cùng thời điểm này, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu cũng khó khăn và lãi lỗ nhưng không có chủ thuyết đúng. Trước tình hình đó Đảng ta đã tinh táo tìm ra đường lối đổi mới.

Trước tiên là tư tưởng đổi mới phát triển kinh tế. Trong công tác nghiên cứu lý luận thời gian này, một sự nỗ lực đáng được ghi nhận là đồng thời vận hành hai quá trình: một là phá tan tư tưởng kinh tế chủ quan duy ý chí, bỏ qua giai đoạn một cách cưỡng bức (xây dựng quan hệ sản xuất mới XHCN không trên cơ sở lực lượng sản xuất cho phép, kế hoạch tập trung quan liêu, bao cấp, nóng vội áp dụng mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực của Liên Xô, nền kinh tế đóng cửa, rất hạn chế quan hệ kinh tế với các nước nằm ngoài phe xã hội chủ nghĩa); hai là tích lũy các ý tưởng cho cải cách kinh tế (du nhập các học thuyết kinh tế học hiện đại, nghiên cứu sâu sắc mô hình chính sách kinh tế mới (NEP) của Lênin, nghiên cứu về thời kỳ quá độ, nhiều kỳ tích phát triển của các con rồng Châu Á...). Những thông tin khoa học trong thời điểm này thực sự làm "bừng tỉnh" nhận thức của xã hội. Đội ngũ làm công tác thông tin khoa học trong thời điểm này rất tích cực trong việc truyền bá các kiến thức mới. Có thể thấy rõ về điều này khi mà cùng thời điểm trên các báo chí của cơ quan ngôn luận của trung ương và địa phương luôn cập nhật những thông tin về những mô hình phát triển trên thế giới. Mặt khác, thông tin khoa học về tình hình thực tiễn trong nước cũng rất nhạy bén trên các phương tiện thông tin đại chúng. Những địa phương này, địa phương khác, có những mô hình kinh tế khác lạ, những điển hình kinh tế đem lại hiệu quả kinh tế cao đều được giới thiệu rộng rãi trong toàn quốc. Đó là những đột phá về khoán trong nông nghiệp, công nghiệp và cả trong lưu thông. Trong lĩnh vực quản lý kinh tế,

việc trao quyền tự chủ sản xuất kinh doanh cho các đơn vị cơ sở chính là kết quả của quá trình nghiên cứu sâu sắc nhiều thông tin khoa học về vấn đề này. Năm 1986, bằng nhiều văn bản chính thức, một tư duy kinh tế mới được thừa nhận. Cải cách đầu tiên là đưa nền kinh tế về với quan hệ thị trường, phát triển tự nhiên trong xã hội.

Thông tin khoa học là tác nhân quan trọng, tác động trực tiếp đến quá trình đổi mới của đất nước ta một cách toàn diện, sâu sắc, đồng bộ và có lộ trình hợp lý. Nó còn được thể hiện ở việc luôn cung cấp những thông tin mới nhất về lý thuyết kinh tế mới. Hình thức cung cấp những thông tin khoa học này đã rất phong phú và đa dạng. Trào lưu kinh tế tri thức đã nhanh chóng được vận dụng đưa vào Báo cáo Chính trị ở Đại hội IX và X của Đảng Cộng sản Việt Nam. Dường như cho đến nay, kinh tế học hiện đại (với nhiều nhánh của nó) đã có ảnh hưởng vào rất nhiều các chính sách tài khóa, tài chính tiền tệ, đầu tư của Việt Nam... Song song với việc du nhập những học thuyết kinh tế hiện đại, việc nghiên cứu lại, nghiên cứu một cách độc lập, sáng tạo, có kế thừa và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh được Đảng ta ta quan tâm đầu tư lớn. Những thông tin khoa học về kinh nghiệm của các nước đi trước như Trung Quốc luôn được xem xét, đánh giá nghiêm túc nhằm tránh những bước đi sai lầm, hoặc rút ngắn con đường phải đi. Thông tin khoa học đem lại một cái nhìn tổng thể, bao quát cho những nhà hoạch định đường lối, chính sách. Thông tin khoa học là phương tiện quan trọng góp phần làm nên các quyết định, chính sách, đường lối phát triển kinh tế.

Bắt đầu là những đổi mới trong tư duy kinh tế, nhưng cũng chính những đổi mới này đã tạo đà cho những đổi mới tiếp theo trên các lĩnh vực chính trị, xã hội, văn hóa, giáo dục. Và cũng chính những đổi mới tiếp theo này, đến lượt nó, lại tác động trở lại đến sự phát triển kinh tế. Điều đó cho thấy thành tựu to lớn của công cuộc đổi mới tư duy nhận thức của ta là tính toàn diện, phủ khắp các lĩnh vực trong cuộc sống, tính đồng bộ và có lộ trình hợp lý. Lộ trình hợp lý giống như những bước đi thận trọng, được nghiên cứu kỹ càng làm cho quá trình đổi mới không trở thành sự mạo hiểm mang tính tự phát. Ví như sự đổi mới trong tư duy quản lý kinh tế. Bắt đầu là thay đổi cơ chế quản lý, từ cơ chế kế hoạch hóa, tập trung, quan liêu bao cấp đến trao

quyền tự chủ sản xuất kinh doanh, tự hạch toán kinh tế, rồi bước từng bước chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. 5 năm đầu của công cuộc cải cách, thực tiễn lại đặt ra việc phải từng bước nâng cao tính chủ đạo của doanh nghiệp Nhà nước, trong khi các doanh nghiệp này rất cồng kềnh về quy mô, kém về điều hành quản lý và hiệu quả kinh tế, sau đó với những kinh nghiệm có được khi thu thập tin tức của các nước khác và với sự phân tích của các ban ngành nghiên cứu của Đảng, nhận thấy cần phải từng bước cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước. Tuy nhiên, từng bước cụ thể lại là điều phải cân nhắc. Mặt khác, tham gia vào nền kinh tế thế giới trong bối cảnh toàn cầu hóa là xu thế tất yếu khiến cho chúng ta không thể đứng ngoài cuộc. Ngay lập tức phải thu thập những thông tin khoa học về các tổ chức kinh tế khu vực và thế giới, cơ cấu và tổ chức hoạt động của các tổ chức này ra sao, việc gia nhập các tổ chức này sẽ đem lại cho Việt Nam những cơ hội và những thách thức nào?... Kết nối những thông tin khoa học này sẽ giúp cho việc đưa ra những mục tiêu dài hạn, những kế hoạch tiến hành cụ thể, hợp lý để đạt được mục đích. Mặt khác, việc xác lập cho được một chính sách phát triển phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của đất nước mà không lỗi thời, tạo đà cho việc "đi tắt, đón đầu" trong bối cảnh cuộc cách mạng khoa học công nghệ phát triển như vũ bão như hiện nay đòi hỏi xử lý một khối lượng khổng lồ những tư liệu, những thông tin, những thông số, những bài tính. Thông tin khoa học ẩn dưới tất cả các quy trình cải cách kinh tế, từ nguyên nhân phải cải cách (thông tin khoa học cung cấp những thông tin cho thấy tình thế bắt buộc phải tiến hành cải cách, đổi mới nếu không sẽ dẫn đến sự sụp đổ của chế độ), đến quá trình lựa chọn mô hình đổi mới, cải cách (những thông tin về lý luận, thực tiễn, về kinh nghiệm đi trước, những bài học rút ra...), đến nội dung cải cách (cải cách những gì, như thế nào, ở những điểm nào...), đến thu thập những thông tin phản hồi giúp cho quá trình cải cách không đi chệch mục đích và tiếp theo là chỉnh lý và tìm ra những bước đi thích hợp...

Thông tin khoa học với sự nghiên cứu sâu sắc có chọn lựa của người sử dụng đã thực sự là yếu tố không thể thiếu của quá trình xây dựng đường lối, chiến lược phát triển kinh tế của đất nước, của từng doanh nghiệp, người kinh doanh... đặc biệt là trong thời kỳ đổi mới.

### 2.3. THÔNG TIN KHOA HỌC BÁM SÁT NHU CẦU THỰC TIỄN

Thông tin khoa học nỗ lực phổ biến kết quả nghiên cứu khoa học trong nước và quốc tế. Đã có các giới thiệu tóm tắt các kết quả nghiên cứu hoặc công bố kết quả nghiên cứu khoa học trên các báo, tạp chí, tập san, thông tư, tư liệu, đã thu hút hầu hết các trường đại học và viện nghiên cứu tham gia hoạt động này. Đặc biệt, các hoạt động thông tin khoa học đã làm cầu nối trung gian giữa các cơ quan nghiên cứu với các cơ quan thực tiễn, đó là tiếp xúc với các hội khoa học - công nghệ để giới thiệu các kết quả, sản phẩm nghiên cứu, thông qua các hội chợ triển lãm khoa học - công nghệ để giới thiệu sản phẩm khoa học. Hiện nay, nhiều viện nghiên cứu và các trường đại học đã xây dựng các trang Web của cơ quan trên Internet. Tuy nhiên, việc giới thiệu các kết quả và sản phẩm nghiên cứu cho các đơn vị sản xuất kinh doanh còn chưa có kinh nghiệm, kết quả nhiều còn rời rạc, hiệu quả thấp.

Nhiều biện pháp nghiên cứu không có khả năng ứng dụng hoặc do thiếu thông tin nên không có sự gặp nhau giữa bên nghiên cứu và bên ứng dụng. Nhu cầu về sử dụng kết quả nghiên cứu mới cũng thể hiện chưa cao. Do đó, động lực thông tin không mạnh. Sức ép từ phía doanh nghiệp hay nói đúng hơn là nhu cầu từ phía doanh nghiệp về đổi mới công nghệ không cao, là một sự kìm hãm đối với sự phát triển. Qua điều tra năm 2005 cho thấy có đến khoảng 70% doanh nghiệp sử dụng công nghệ lạc hậu, chỉ có 30% doanh nghiệp có nhu cầu đổi mới công nghệ (xem Văn Long, "Doanh nghiệp chưa chủ động tiếp cận công nghệ mới, Báo "Khoa học và phát triển", số 21, 26/5 - 1/6/2005, tr.5).

Mặt khác, khả năng chủ động nắm bắt và xử lý thông tin giúp cho giới doanh nghiệp còn hạn chế. Hiện nay, đã có một số lượng khá đông đảo các báo và tạp chí, bản tin kinh tế với nhiều thông tin cập nhật khá phong phú, song việc xử lý tin để đưa ra những gợi ý chiến lược rõ ràng thì còn ít, còn nặng về tính phương pháp luận, ý nghĩa xã hội. Các thông tin chưa giúp được các doanh nghiệp có được tầm nhìn xa, mang tính chiến lược, để giúp họ đưa ra những đổi mới công nghệ dài hạn, có tính đột phá. Việc thống kê và đưa tin về hoạt động đổi mới công nghệ đã cho thấy các doanh nghiệp tổng hợp đổi mới công nghệ chủ yếu tập trung vào việc mua sắm máy móc, thiết bị từ bên

ngoài rất ít chú ý nghiên cứu. Theo số liệu điều tra của Tổng cục Thống kê tiến hành năm 2002 tại 7.232 doanh nghiệp, trong tổng vốn đầu tư cho nghiên cứu- phát triển và đổi mới công nghệ, các doanh nghiệp chỉ dành 8% cho nghiên cứu khoa học. Trong nội dung hoạt động nghiên cứu và phát triển mà các doanh nghiệp triển khai, phải bao gồm nghiên cứu tạo ra công nghệ mới hay nâng cấp quy trình công nghệ, hoặc tạo ra sản phẩm mới. Tuy nhiên "Trên thực tế các doanh nghiệp hiện nay tiến hành NC & PT đa phần phục vụ cho mục đích ứng dụng, vận hành công nghệ hơn là đổi mới công nghệ" (xem: CIEM và UNDP, "Báo cáo khảo sát về đổi mới công nghệ tại các doanh nghiệp Việt Nam", Hà Nội, 2004 Dự án VIE/01/025, tr54).

Qua số liệu được công bố, các thông tin khoa học đã phản ánh được thực trạng trì trệ, thiếu tích cực của các hoạt động đổi mới công nghệ ở các doanh nghiệp. Đây là một thông tin cần làm rõ hơn, chính xác và đầy đủ hơn. Bởi vì thúc đẩy đổi mới nhanh công nghệ là vấn đề sống còn của cạnh tranh kinh tế. Có điều tra tiến hành năm 2004 - 2005, cho biết có 46% doanh nghiệp trả lời đã đầu tư chỉ dưới 1% doanh thu cho hoạt động NC&PT và cải tiến. Thậm chí, có nhận định về tình hình này còn bi quan hơn: "Các Tổng công ty nhà nước chỉ mới đầu tư 0,2% doanh thu cho NC&PT, còn khu vực doanh nghiệp tư nhân hầu như không có, trong lúc đó con số này ở các nước phát triển là 5 - 10%" (Theo Vũ Xuân Nguyên Hồng và Đặng Thị Thu Hoài: Thúc đẩy đầu tư đổi mới công nghệ của doanh nghiệp", Tạp chí Hoạt động khoa học, số 9/2004, tr 8). Còn theo GS Đỗ Nguyên Phương thì chi phí trung bình mà các doanh nghiệp Việt Nam chi cho đổi mới công nghệ những năm gần đây chỉ đạt khoảng 0,05% - 0,1% tổng doanh thu, trong khi con số này ở Ấn Độ là 5%, ở Hàn Quốc là 10% (Đỗ Nguyên Phương: Phát triển thị trường khoa học và công nghệ ở Việt Nam, Tạp chí Hoạt động khoa học, số 3/2004, tr. 7).

Về nguồn nhân lực cũng được thông tin phản ánh khá khách quan. Thông thường trên các phương tiện thông tin đại chúng là những tin rất cụ thể, chi tiết nhỏ về tuyển lao động, về đào tạo hay nhu cầu việc làm. Nhưng hệ thống khoa học về nhân lực đã có những cố gắng phản ánh chiều sâu của vấn đề. Đó là thông tin về những vấn đề tạo nguồn, về phương pháp và chất

lượng đào tạo, cơ cấu nhân lực, trình độ lực lượng lao động v.v... Ví dụ: Báo An ninh thế giới, số 619 ra ngày 3-1-2007 đã cảnh báo một lần nữa rằng, nguồn nhân lực chất lượng cao của Việt Nam rất hạn hẹp. Nhu cầu thì nhiều mà cung thì quá ít. Theo bài báo này, chất lượng thị trường lao động trong nước chưa đáp ứng được nhu cầu của các nhà đầu tư. Trong đó nổi cộm nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao cung ứng cho các ngành đòi hỏi kỹ thuật - công nghệ cao, đặc biệt là các ngành công nghiệp sáng tạo như: thiết kế, truyền thông, mỹ thuật công nghiệp, cũng như trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng. Ước tính rằng hiện nay Việt Nam mới chỉ có thể đáp ứng được khoảng 35 - 40% nhu cầu nhân lực bậc cao của các doanh nghiệp. Người lao động nhân lực bậc thấp lại nhiều nhưng chưa đáp ứng nhu cầu các doanh nghiệp, nếu muốn thì các doanh nghiệp phải đào tạo. Nhiều khi chi phí không rẻ, có thông tin cho rằng so với chi phí cho lao động của cả nước, chi phí ở Việt Nam cao hơn bình quân từ 15 đến 20%. Như vậy, lao động giá rẻ là một lợi thế bù lao động chất lượng thấp thì là một bất lợi lớn (xem: Vũ Thị Phương Mai: Thực trạng nguồn nhân lực chất lượng cao ở nước ta hiện nay, Báo An ninh thế giới số 619, 3/1/2007, tr 11 - 13). Hiện nay ở nước ta có 13.500 tiến sĩ, (gồm cả tiến sĩ khoa học và tiến sĩ chuyên ngành) nhưng chỉ có 500 người (3,7%) có sản phẩm được quốc tế công nhận. Tình hình này dẫn đến việc lao động bậc cao từ nước ngoài tràn vào Việt Nam, mặc dù cùng chức việc như nhau nhưng mức lương trả cho người nước ngoài cao hơn người Việt Nam khoảng 10 - 15%. Một số dịch vụ đòi hỏi chuyên môn cao như ngân hàng, y tế... có tới 40% tổng số lao động với mức lương cao từ 14.000 USD/năm trở lên là do người nước ngoài đảm nhận. Theo dự báo thì ứng viên người nước ngoài tham gia vào thị trường lao động Việt Nam sẽ tăng nhanh trong thời gian tới. Về vấn đề này có thể đưa ra một kết luận: Việt Nam đang thừa lao động chất lượng thấp và thiếu lao động chất lượng cao. Đó là một khó khăn cho nền kinh tế, kìm hãm sự tăng trưởng. Thống kê tại 7.232 doanh nghiệp năm 2004, cho thấy số lao động có trình độ đại học chiếm 15,42%, thạc sĩ 0,148%; tiến sĩ và tiến sĩ khoa học chiếm 0,056% (Bộ Khoa học và công nghệ, Trung tâm thông tin KH&CN quốc gia: Báo cáo kết quả điều tra hoạt động KH&CN năm 2004 tại 7.232 doanh nghiệp, Hà Nội, 2004, tr 3). Thực tế đội ngũ kỹ thuật chỉ được biên chế đủ để làm nhiệm vụ bảo đảm

về mặt kỹ thuật nhằm khai thác một cách tốt nhất các thiết bị hiện có cho doanh nghiệp, do đó, họ không có đủ thời gian hoặc do không được cập nhật các thông tin về công nghệ mới.

Vấn đề được đặt ra là hình thức cập nhật thông tin cho doanh nghiệp cũng nổi cộm. Chưa có một tổ chức thông tin chuyên nghiệp cho doanh nghiệp. Các doanh nghiệp một mặt thì chưa quan tâm nhiều về thông tin đổi mới, nghiên cứu để đổi mới; mặt khác ít nhận được sự giúp đỡ từ các cơ quan thông tin. Hiện nay có nhiều hình thức thông tin với các phương tiện hiện đại và cập nhật, song thông tin hữu ích vẫn còn thấp. Hiện tượng vừa thừa, lại vừa thiếu thông tin là một đặc trưng nổi bật của tình trạng hiện nay. Thừa thông tin nhưng lại thiếu kiến thức, thừa trí khôn nhưng lại thiếu chuyên môn, đặc biệt là kiến thức và chuyên môn đổi mới và phát triển.

***Thông tin khoa học đã bám sát nhu cầu đổi mới thể hiện vai trò khơi mào cho đổi mới tư duy kinh tế, góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế nước ta, đặc biệt là trong thời kỳ đổi mới.***

Thông tin khoa học trực tiếp và trước tiên là khoa học xã hội đã có ý nghĩa quan trọng đặc biệt, tạo ra và hình thành nên tư duy kinh tế XHCN ở nước ta. Việc hình thành tư duy kinh tế trước hết là do nền tri thức chung của xã hội. Nền tri thức xã hội là toàn bộ những kiến thức về khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn. Người ta không thể hiểu biết một cách sâu sắc về triết học nếu không có được kiến thức nền tảng về toán học, vật lý học và hóa học, về sinh học; cũng như thiếu kiến thức cơ bản thì không thể có tư duy tốt về kinh tế, không chỉ cần có tư duy triết học tốt mà còn phải có nền tảng tri thức về toán học và các khoa học tự nhiên, hơn thế phải hiểu cả khoa học nhân văn. Tri thức xã hội phải dựa trên nền tảng chung, nó được tạo ra bởi sự phát triển xã hội, bởi nền giáo dục và đào tạo. Cùng với quá trình này thông tin khoa học góp phần không nhỏ vào chuyên tải kiến thức, đưa đến đối tượng sử dụng tri thức và hình thành nên tư duy xã hội, bao gồm tư duy kinh tế. Tư duy kinh tế xã hội chủ nghĩa ở nước ta chủ yếu được hình thành trong quá trình xây dựng và phát triển kinh tế, chủ yếu là sau hòa bình năm 1954 ở miền Bắc và sau năm 1975 trên phạm vi cả nước. Ở đâu có hoạt động kinh tế, nghĩa là sự hoạt động lợi ích thì ở đấy hình

thành nên tư duy kinh tế. Trong chiến tranh thì phải tư duy chiến tranh, còn trong hòa bình thì có tư duy phát triển, tư duy kinh tế. Ở Miền Bắc nước ta từ 1954 đến 1975, vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa tiến hành nhiệm vụ bảo vệ Miền Bắc và chi viện cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà. Vì thế, thông tin khoa học cũng đã đáp ứng yêu cầu đó. Về phương diện kinh tế, thông tin khoa học thời kỳ 1954 - 1975 ở nước ta đã góp phần quan trọng hình thành tư duy kinh tế xã hội chủ nghĩa. Mặc dù, ngày nay những kiến thức thời ấy đã bị vượt qua, nhiều điều đã bị lạc hậu hoặc không còn thích hợp nữa, nhưng nhiều giá trị nền tảng của tư duy kinh tế như phương pháp luận Mác - Lênin về kinh tế xã hội chủ nghĩa, về hệ thống những khái niệm phạm trù, các quy luật kinh tế, về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, về đặc trưng và phương pháp hình thành quan hệ sản xuất XHCN - quan hệ kinh tế xã hội chủ nghĩa, về phương pháp quản lý nền kinh tế quốc dân v.v... là nền tảng của các kiến thức kinh tế, đã được hình thành. Thông tin khoa học thời kỳ 1954 - 1975 góp phần quan trọng trong việc tạo ra nhận thức chung của xã hội về con đường xã hội chủ nghĩa, về cuộc chiến đấu chống Mỹ cứu nước. Nó đã góp phần tạo ra nền tảng khoa học cho tư duy kinh tế một cách có hệ thống. Cùng với sự phát triển chung của giáo dục và đào tạo, thông tin khoa học là cầu nối chuyển tải tri thức khoa học các ngành, tạo nền tảng khoa học cho sự phát triển kinh tế. Thời kỳ này, lần đầu tiên ở nước ta sự phát triển của xã hội nói chung, sự phát triển kinh tế nói riêng được dẫn dắt bởi tư duy khoa học. Sự vận động tự mò mẫm của nền kinh tế thời kỳ trước đã được thay thế bởi sự vận động, phát triển với sự soi sáng của khoa học, đặc biệt là khoa học kinh tế. Quá trình phát triển tri giác được hình thành. Điều đó thể hiện ở một hệ thống các đường lối, chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế.

Thời kỳ đổi mới kinh tế và chính trị - xã hội từ Đại hội VI của Đảng đã tạo điều kiện cho cả đổi mới tư duy khoa học nói chung và đổi mới tư duy thông tin khoa học nói riêng. Thông tin khoa học vừa phản ánh nhu cầu thời đại, vừa đáp ứng yêu cầu triển khai tư tưởng đổi mới của Đảng, phục vụ cho nhu cầu phát triển.

Thông tin khoa học đã kịp thời đưa ra những cảnh báo cần thiết. Thí dụ: chúng ta đang có tốc độ phát triển công nghệ thông tin cao, nó đã đem lại



những thay đổi quan trọng, to lớn. Đó là mạng thông tin trực tuyến như điện thoại, Internet, truyền hình kỹ thuật số v.v... Các phương tiện công nghệ truyền thông hiện đại, làm thay đổi hẳn bộ mặt đời sống kinh tế - văn hóa tinh thần của xã hội. Song vấn đề đặt ra là hiệu quả đem lại so với đầu tư đã tương xứng chưa, nguy cơ nước ra sẽ trở thành bãi thải công nghệ của các nước, và mà trong đó rõ rệt hơn là bãi thải của công nghệ thông tin.

Có một thông tin cho biết vào những năm 1960 - 1970 thu nhập bình quân đầu người của Đài Loan cũng giống như Việt Nam hiện nay nhưng Đài Loan đã tăng trưởng trên 11% liên tục 10 năm liền. Một lý do dễ thấy là tỷ suất đầu tư của Đài Loan chỉ chiếm 25% GDP nhưng mức đầu tư của Việt Nam chiếm 40% GDP năm 2005 và 40% năm 2006, trong khi đó, mức tăng trưởng bình quân chỉ 7 - 8%. Tỷ lệ vốn đầu tư của Việt Nam thuộc loại cao nhất thế giới, chỉ sau Trung Quốc, (44%) nhưng Trung Quốc lại có tăng trưởng cao hơn nhiều so với Việt Nam. Rõ ràng chất lượng tăng trưởng của Việt Nam thuộc loại kém. Một ví dụ khác: tổn thất điện của Việt Nam giảm còn 14% từ năm 2000 đến nay (trước 15% - 20%) nhưng năm 2003 ở Trung Quốc tổn thất chỉ 6%, Thái Lan 7,3%, Malaysia và Hàn Quốc 3,2%. Nếu ta tiết kiệm điện được như Trung Quốc, mỗi năm sẽ tiết kiệm được 2 - 3 triệu Kw/h, tránh được cắt điện và thu thêm 100 triệu USD/năm. (Xem: Vũ Minh Khương, Việt Nam: *Đột phá từ triết lý phát triển*, [vietnamnet.vn/chinhtri/2007/04/689752](http://vietnamnet.vn/chinhtri/2007/04/689752)).

Thông tin khoa học đã thông tin một cách toàn diện trên tất cả mọi lĩnh vực của đời sống xã hội đặc biệt tập trung phục vụ cho sự phát triển kinh tế.

#### **2.4. THÔNG TIN KHOA HỌC GÓP PHẦN TẠO RA CƠ SỞ CHO SỰ ỔN ĐỊNH CHÍNH TRỊ XÃ HỘI ĐỂ ĐỔI MỚI CÓ TRẬT TỰ, PHÁT HUY MỌI NGUỒN LỰC TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỜI KỲ ĐỔI MỚI**

Vai trò của thông tin khoa học được thể hiện trong việc tạo ra sự đồng thuận của tất cả các tầng lớp quần chúng nhân dân trong suốt quá trình đổi mới, cải cách. Đây là nhân tố vô cùng quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế. Nó chính là yếu tố đem lại sự ổn định về chính trị xã hội trong suốt 20 năm qua, và sự ổn định chính trị xã hội này, đến lượt nó, lại tạo đà cho kinh tế phát triển.

Lịch sử thế giới đương đại cho thấy rất nhiều các bài học kinh nghiệm quý báu về vai trò của đồng thuận xã hội trong cải cách. Trong phe xã hội chủ nghĩa trước đây, có không ít những cải cách mà điển hình nhất là cải tổ của Liên Xô, đã dẫn đến sụp đổ chế độ. Rất nhiều nguyên nhân được đưa ra để giải thích cho hiện tượng đó, nhưng không thể phủ nhận một nguyên nhân là cuộc cải tổ đó không trật tự, không có tính đồng thuận cao trong lãnh đạo và trong xã hội. Bất kỳ một cuộc cải cách kinh tế xã hội nào cũng đòi hỏi có trật tự, có sự đồng thuận trong suốt quá trình đổi mới xuất hiện mất ổn định. Chính bởi vậy, có thể nói, sự trật tự trong suốt 20 năm cải cách, đổi mới của Việt Nam là một thành công. Có những nguyên nhân tạo ra sự thành công đó, là do: một là, về cơ bản lợi ích trong toàn xã hội Việt Nam trong những năm đầu cải cách là tương đồng (từ nông dân hợp tác xã, công nhân, đến công chức trí thức và các tầng lớp khác). Những người dân bình thường cũng thực sự thấy nhu cầu đổi mới là cấp bách, đã quyết tâm ủng hộ "cởi trói", từ bỏ mô hình kinh tế xã hội tập trung quan liêu, bao cấp. Trong giai đoạn đầu, chỉ là sự đồng thuận "ngầm" nhưng đã tạo nên những lực lượng xã hội thực sự, ảnh hưởng mạnh mẽ đến chính sách. Nhờ vai trò của công tác tuyên truyền, giáo dục, công tác tư tưởng, là một nguyên nhân góp phần tạo ra sự ổn định xã hội, chính trị nói riêng và sự đồng thuận của toàn xã hội nói chung để đổi mới có trật tự trong suốt thời gian qua. Trong suốt 20 năm đổi mới, có rất nhiều các chính sách được ban hành, những thông tin khoa học được thể hiện trong các loại hình thông tin đã đăng tải giúp người dân nói chung, các doanh nghiệp nói riêng nhận rõ của tư tưởng của đổi mới, thấy được những bước đi, những chính sách, luật pháp của chính phủ, nhà nước ban hành là cần thiết, hợp lý, là có lợi cho họ. Vì vậy, họ ủng hộ. Cho đến nay, có thể nói ưu thế của thông tin khoa học ngày càng đóng vai trò tích cực. Truyền thông đang thúc đẩy việc dân chủ hóa, xã hội hóa đối với các hoạt động kinh tế xã hội của đất nước, và thông qua thông tin, mọi công dân được tham gia vào những công việc trọng đại của quốc gia. Truyền thông ngày nay thực sự là nhu cầu, là phương tiện của cuộc sống. Dân chủ và tự do cũng là mục tiêu mà thông tin hướng đến, là diễn đàn của dân và vì dân, diễn đàn của doanh nghiệp và vì doanh nghiệp. Vì thế thông tin khoa học vừa là nội dung, vừa là yêu cầu để các cơ quan truyền thông, báo chí thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình.

## 2.5. THÔNG TIN KHOA HỌC PHỤC VỤ TÍCH CỰC ĐƯỜNG LỐI KIẾN ĐỊNH ĐỔI MỚI, ĐỘC LẬP VÀ SÁNG TẠO CỦA ĐẢNG

Thông tin khoa học như đã nói ở trên, là yếu tố khách quan, là những thông tin, những tin tức mang tính khoa học.

Giá trị của 20 năm đổi mới không chỉ dừng lại ở con số thống kê về thành tựu kinh tế. Quan trọng hơn nhiều là sự thay đổi về phương thức sản xuất, từ phương thức kinh tế mang nặng tính công xã, khép kín, kinh tế hiện vật sang phương thức kinh tế thị trường, tức là kinh tế giá trị. 20 năm là quãng thời gian quá ngắn so với chiều dài lịch sử đất nước, nhưng trong quãng thời gian ấy chúng ta đã làm được một điều cực kỳ quan trọng. Đó là đổi mới tư duy phát triển. *Thông qua đổi mới, Đảng ta đã phát hiện ra cách thức phù hợp, hiệu quả để thực hiện mục tiêu lý tưởng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Về lĩnh vực kinh tế là phát triển nền kinh tế thị trường nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa.*

Tính khoa học, sáng tạo và thực tiễn trong quá trình thu thập và xử lý thông tin lý luận, thông tin chính trị, thông tin kinh tế v.v... của thế giới cũng như trong nước để *độc lập* tìm ra đường lối riêng của Việt Nam là thành công lớn nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, có tổng kết: "Hai mươi năm qua, với nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, cuộc sống đổi mới ở nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử".

Đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, có sự thay đổi cơ bản và toàn diện, kinh tế tăng trưởng khá nhanh, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được đẩy mạnh. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Hệ thống chính trị và khối đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường. Chính trị - xã hội ổn định. Quốc phòng và an ninh được giữ vững. Vị thế nước ta trên trường quốc tế được không ngừng nâng cao. Sức mạnh tổng hợp của quốc gia đã tăng lên rất nhiều, tạo ra thế và lực cho đất nước tiếp tục đi lên với triển vọng tốt đẹp.

Những thành tựu đó chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng

đắn, là sáng tạo, phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sáng tỏ hơn; hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã hình thành trên những nét cơ bản". (Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 67 - 68).

Trong bối cảnh toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ, cuộc cách mạng công nghệ với tốc độ phát triển nhanh chóng dễ dàng nhấn chìm những quốc gia nào không hiểu biết thời cuộc, không biết cách tham gia vào sân chơi toàn cầu. Những thuận lợi, cơ hội đan xen với thử thách và cạm bẫy. Sự xâm chiếm của tư bản thế giới trong thời đại ngày nay chuyển từ hữu hình sang vô hình, nên khối lượng vốn thông tin khổng lồ trong thời đại ngày nay có thể là lợi thế của ta mà cũng có thể là công cụ của các thế lực thù địch. Để tìm ra một tầm nhìn chiến lược phát triển, cần phải hoàn chỉnh hệ thống luật và hệ thống văn bản dưới luật, tăng cường đầu tư các nguồn lực. Đó cũng là thành công quan trọng của Đảng và Nhà nước ta trong thời kỳ đổi mới. Nhưng phía trước còn rất nhiều thử thách đòi hỏi Đảng và Nhà nước ta phải tạo ra sự đột phá trong tư duy phát triển.

Truyền bá hệ tư tưởng cộng sản và tư tưởng xã hội chủ nghĩa, các tư tưởng khoa học, phổ biến kịp thời, sâu rộng quan điểm, chủ trương đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước là đóng góp quan trọng của thông tin khoa học trong thời kỳ vừa qua.

Thông tin khoa học chính trị đã góp phần quan trọng trong công cuộc bảo vệ tổ quốc và đấu tranh thống nhất đất nước. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, giải phóng miền Nam khỏi ách xâm lược của đế quốc Mỹ và bọn ngụy quyền tay sai bán nước, thông tin khoa học đã góp phần làm rõ sự đúng đắn của đường lối của Đảng và Nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, động viên chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dũng cảm, hy sinh của quân đội cách mạng và của mọi tầng lớp nhân dân Việt Nam yêu nước, cũng như tinh thần quốc tế cao cả của nhân dân thế giới ủng hộ chúng ta, chiến đấu vì độc lập và tự do của dân tộc Việt Nam.

Trong thời kỳ đổi mới thông tin khoa học đã góp phần quan trọng trong

việc hình thành và phát triển hệ tư tưởng Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh vào trong xã hội ta. Trong giai đoạn hiện nay, tư tưởng xã hội chủ nghĩa, đạo đức cách mạng theo tư Hồ Chí Minh đã có ảnh hưởng sâu rộng trong toàn xã hội. Tư tưởng xã hội chủ nghĩa do Đảng ta mà đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh truyền bá vào nước ta cho đến nay đã được xã hội thừa nhận, được đại đa số nhân dân thấm nhuần. Chế độ chính trị của nước ta là chế độ dân chủ, nhưng tư tưởng Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, tư tưởng xã hội chủ nghĩa là cơ sở của tư duy chính trị, của tư duy chế độ nhà nước, thông tin khoa học góp phần đắc lực vào công tác đó.

## **2.6. THÔNG TIN KHOA HỌC PHỤC VỤ CHO CUỘC ĐẤU TRANH VỚI TỆ NẠN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ LÀM LÀNH MẠNH HÓA XÃ HỘI ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ**

Ngày nay, tham nhũng trở thành một hiện tượng khá phổ biến trên thế giới, là một trong những cản trở và phá hoại nghiêm trọng sự phát triển của mỗi quốc gia. Vì thế, đấu tranh phòng, chống tham nhũng là vấn đề bức xúc không chỉ riêng quốc gia nào mà đã trở thành vấn đề có tính toàn cầu.

Ở nước ta, sau gần 20 năm đổi mới, nền kinh tế thị trường phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa đã đạt được những thành tựu đáng khích lệ, song tình trạng tham nhũng cũng đang rất nghiêm trọng, trở thành một trong bốn nguy cơ đe dọa sự sống còn của đất nước, của chế độ xã hội chủ nghĩa.

Theo thống kê trong 5 năm (2001 - 2005), Thanh tra Chính phủ và Thanh tra các cấp đã tiến hành 58.664 cuộc thanh tra chủ yếu trong các lĩnh vực đầu tư xây dựng, quản lý sử dụng đất đai (trọng tâm là thanh tra các dự án công trình có vốn đầu tư lớn) và các công ty nhà nước có dấu hiệu tiêu cực. Qua thanh tra, các cơ quan thanh tra đã phát hiện nhiều sai phạm với giá trị thiệt hại là 20.278 tỷ đồng, 26.671.500 USD và 52.163 ha đất; kiến nghị thu hồi tài sản và xử lý hành chính 7.584 trường hợp; xử lý hình sự 319 vụ với 721 đối tượng (Phụ san Báo Thanh tra cuối tháng số 4 (139), năm 2006, tr. 5).

Những con số trên cũng đủ thấy những thiệt hại của tham nhũng đối với sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Vì vậy, Đảng ta luôn coi đấu tranh phòng, chống tham nhũng là một trong những vấn đề trọng tâm nằm

trong chương trình phát triển kinh tế - xã hội vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Có thể nói trong những năm gần đây, công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng đã đạt được những thành tích đáng khích lệ; trong đó có sự đóng góp không nhỏ của các thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng (gồm: báo viết, báo nói, báo hình, báo điện tử) về đấu tranh phòng, chống tham nhũng. Với những đóng góp đó như là một nhân tố quan trọng góp phần vào sự phát triển kinh tế của đất nước.

*Thứ nhất, thông tin về phòng, chống tham nhũng đã góp phần tố cáo, lên án hành vi tham nhũng, giúp các cơ quan chức năng kịp thời phát hiện và xử lý nhiều vụ tham nhũng, giảm thiểu cho nhà nước những thiệt hại đáng kể về kinh tế.*

Những thông tin mang tính thời sự, bám sát cuộc sống trên các phương tiện thông tin đại chúng đã công khai và thẳng thắn phê phán mạnh mẽ những tập thể và cá nhân vi phạm pháp luật. những kẻ tham nhũng, những kẻ "xài sang", làm giàu bất lương; khơi dậy một không khí phê bình công khai, thẳng thắn, và dân chủ theo tinh thần NQTV 6 (lần 2) - khóa VIII.

Trên cơ sở mô tả, phân tích từng trường hợp, những thông tin đó đã trở thành nguồn cứ liệu ban đầu để các cơ quan chức năng tiến hành kiểm tra, thanh tra, điều tra và xử lý nhiều vụ tham nhũng.

Theo kết quả điều tra của Hội đồng Châu Âu (EC) cho thấy khoảng 2/3 số các vụ tham nhũng là do báo chí phát hiện ra. Ở nước ta, trong lần gặp gỡ báo chí cuối năm 2005, nguyên Thủ tướng Phan Văn Khải đã nói: "Hơn 90% các vụ tiêu cực, tham nhũng được đưa ra ánh pháp luật đều do báo chí và nhân dân phát hiện ra, thông qua báo chí mới được làm rõ" (Báo Quân đội nhân dân ngày 21/6/2006, tr 3). Thực tế, trong những năm gần đây nhiều thông tin trên báo chí đã góp phần phanh phui nhiều vụ tham nhũng, thu lại cho nhà nước hàng trăm tỷ đồng. Ví dụ: Vụ Mai Văn Huy, Công ty thương mại dầu khí Đồng Tháp đã làm trái, buôn lậu, đưa hối lộ hàng chục tỷ đồng và trực tiếp tham ô gần 2 tỷ đồng; Vụ Lã Thị Kinh Oanh: Công ty Tiếp thị Đầu tư Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông

thôn) gây thất thoát, tham ô, chiếm đoạt nhiều tỷ đồng; Vụ bê bối kinh tế tại Tổng công ty Bưu chính viễn thông Việt Nam: Vũ Thị Kim Ngân và Nguyễn Lâm Thái móc nối với một số cán bộ VNPT nâng giá in danh bạ điện thoại và lắp đặt quảng cáo, phù điêu, camera cao gấp nhiều lần thực tế để rút ruột gần 40 tỷ đồng chia nhau (Báo Pháp luật số 169 ngày 20/6/2005); Vụ Minh Phụng EPCO: cán bộ ngân hàng thông đồng với cán bộ doanh nghiệp làm thất thoát trên 5.000 tỷ đồng; Vụ Trương Văn Cam: Y và đồng bọn đã dành hàng tỷ đồng mua chuộc, hối lộ lôi kéo nhiều cán bộ trong hệ thống tư pháp nhằm tổng hợp những hoạt động trái pháp luật (Báo Pháp luật số 95 ngày 21/4/2005)...; đặc biệt gần đây nhất là Vụ PMU 18, vụ án gây xôn xao dư luận do quy mô phạm tội, thủ đoạn phạm tội. Báo chí đã tiên phong trong việc công bố vụ án này, bắt đầu từ tin "Một Tổng Giám đốc cá độ bóng đá với số tiền hàng triệu USD" và theo thống kê chưa đầy chỉ trong một thời gian ngắn đã có tới 700 bài trên tất cả các báo in (chưa kể báo điện tử, báo nói, báo hình) đưa thông tin dồn dập về vụ PMU18, nhờ đó mà nhiều vụ bê bối của PMU 18 bị đưa ra ánh sáng (Báo Lao động số 172 - 173/2006).

Nhiều thông tin đã nêu rõ tiêu cực, có tác dụng rất lớn trong việc tạo phản ứng mạnh mẽ của công luận để gây sức ép buộc các cơ quan chức năng phải giải quyết đến tận cùng những vụ tham nhũng, làm ăn phi pháp. Những dung dưỡng bao che, cố tình trì hoãn, không được xử lý. Ví dụ như: vụ Công ty Đông Lạnh Hùng Vương, báo chí phát hiện từ lâu, song vẫn được bao che cho đến ngày Giám đốc phải đi tù thì mọi việc mới sáng tỏ; Vụ thất thoát 59 tấn bột ngọt ở xí nghiệp Thiên Hương đã dẫn đến nhiều người lao động bị tù oan sai, báo chí đã lên tiếng bênh vực nhưng họ không được bảo vệ, minh oan mà kẻ chủ mưu lại vô cớ được lên chức; Vụ Tăng Minh Phụng, vụ Trương Văn Cam được báo chí phát hiện rất sớm (từ năm 1995), nhưng các cơ quan chức năng không kịp thời ngăn chặn để đến lúc sự việc quá trầm trọng, kẻ phạm tội đã phải lĩnh án tử hình... Trong các vụ việc này, nhiều thông tin đã phân tích với những chứng cứ xác đáng, lập luận khoa học, và đặt ra những câu hỏi rõ ràng, ràng buộc những cơ quan chức năng phải vào cuộc, làm sáng tỏ và có trách nhiệm giải quyết. Vì thế, những kẻ lợi dụng chức quyền, lợi dụng kẽ hở của pháp luật, tham ô tài sản của nhà nước hoặc tiếp tay cho kẻ tham nhũng đã bị xử lý một cách nghiêm minh.

*Thứ hai, thông tin về đấu tranh phòng, chống tham nhũng có tác dụng giáo dục, động viên cổ vũ nhân dân tham gia đấu tranh chống cái xấu, mặt tiêu cực trên lĩnh vực kinh tế.*

Nhân dân là nền tảng xã hội rộng lớn có vai trò quyết định trong việc giám sát, quản lý xã hội. Những phát hiện của nhân dân về lối sống, các hành vi tham nhũng của cán bộ cũng là một trong những kênh thông tin giúp các cơ quan chức năng phanh phui nhiều vụ tham nhũng.

Thông qua các thông tin về các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước cũng như các bài viết, bài nói có tính chất chỉ đạo của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước về công tác đấu tranh chống tham nhũng, quần chúng nhân dân có điều kiện nắm vững chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng và pháp luật của Nhà nước để triển khai, thực hiện có kết quả trong thực tế; đồng thời trang bị cho nhân dân những tri thức, cơ sở pháp lý, trình độ và năng lực đấu tranh chống tham nhũng.

Thông qua các thông tin về các vụ tham nhũng, nhân dân thấy được những thiệt hại mà tham nhũng gây ra, từ đó đứng lên đấu tranh chống lại cái xấu, cái tiêu cực. Nhiều cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, phường, thị xã đã thực hiện chế độ công khai về tài chính, tiền lương, tiền thưởng, quỹ phúc lợi... có tác động tích cực đến ý thức, tinh thần trách nhiệm của người cán bộ, công chức, người lao động trong sản xuất kinh doanh, trong sáng tạo và thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, chống lãng phí. Nhiều cá nhân, tập thể người lao động đấu tranh, phát giác các vi phạm và giúp các cơ quan chức năng tiến hành điều tra, xử lý và thu hồi được hàng tỷ đồng trả lại cho cá nhân, tập thể và công quỹ.

Những thông tin về các vụ tham nhũng cũng là bài học nhắc nhở, cảnh tỉnh với nhiều người, nhất là những người có chức, có quyền cần giữ mình, tránh xa những cám dỗ thấp hèn, tận tâm tận lực đóng góp sức mình vì sự phát triển chung của đất nước. Bên cạnh đó, những thông tin về những tấm gương tốt, dám "xả thân" đứng lên đấu tranh vì sự thật, chống lại tệ nạn tham nhũng đã khích lệ mọi người hăng hái tham gia vào cuộc đấu tranh này và thực sự đã có tác dụng giáo dục đạo đức, lối sống, nhân cách cho mọi người.



*Thứ ba, thông tin về đấu tranh phòng chống tham nhũng đã góp phần củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, từ đó nhân dân tự nguyện tích cực tham gia thực hiện có hiệu quả các chương trình kinh tế - xã hội*

Thực tế trong những năm gần đây, thông qua nhiều thông tin về đấu tranh phòng, chống tham nhũng, nhân dân đã thấy được sự kiên quyết và nghiêm minh của Đảng và Nhà nước trong công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng. Nhiều kẻ có chức, có quyền từ trung ương đến địa phương vi phạm đã bị xử lý một cách thích đáng. Những vụ tiêu cực, tham nhũng có quy mô lớn với đường dây phức tạp cũng bị phanh phui, bị đưa ra ánh sáng, nó đã đem lại sự phấn khởi, niềm tin cho nhân dân. Từ đó, nhân dân tích cực tham gia có hiệu quả các chương trình kinh tế - xã hội của ngành cũng như của địa phương. Nhiều công trình mới được xây dựng và phát triển như: điện, đường, trường, trạm, nhà văn hóa, kiên cố hóa kênh mương... đều đã được nhân dân ủng hộ và tích cực tham gia đóng góp xây dựng. Nhân dân còn tích cực tham gia đóng góp ý kiến vào các phương án sản xuất, điều chỉnh kế hoạch sản xuất - kinh doanh. Nhờ đó đời sống nhân dân được cải thiện, rõ nét nhất là tỷ lệ hộ giàu tăng, hộ đói không còn, hộ nghèo giảm nhanh... nền kinh tế được tăng trưởng khá.

*Thứ tư, thông tin về đấu tranh phòng, chống tham nhũng đã góp phần tích cực vào công cuộc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, quản lý xã hội, vào quá trình dân chủ hóa mọi mặt của đời sống xã hội*

Trong cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, nhiều thông tin không chỉ nhằm vào các hành vi tham nhũng mà còn nhằm vào việc xử lý chính môi trường tạo ra tiêu cực, tham nhũng. Nhiều thông tin đã phản ánh những điều chưa hợp lý trong chính sách của Đảng và Nhà nước như: chủ trương ngăn sông, cấm chợ trước đây, gây ách tắc, cản trở đối với sản xuất lưu thông; những điều chưa hợp lý trong cải tạo công thương nghiệp, nông nghiệp, cải tạo hợp tác xã, đưa dân đi vùng kinh tế mới; thu thuế người làm ruộng; thuế VAT; phí cầu đường... Qua nghiên cứu các vụ án kinh tế lớn trong thời gian qua, từ vụ Đồng Bành, Nhà máy dệt Nam Định, vụ EPCO Minh Phụng, vụ Tân Trường Sanh, vụ TAMEXCO đến vụ Năm Cam, Lã Thị Kinh Oanh, PMU 18... nhiều thông tin đã phản ánh những yếu kém hoặc sơ hở trong quản

lý kinh tế, xã hội, trong công tác cán bộ, là một trong những nguyên nhân tạo điều kiện cho tham nhũng. Bên cạnh việc phê phán những khuyết điểm, nhiều thông tin đã đưa ra biện pháp đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nhằm hướng tới thủ tiêu những nguyên nhân và điều kiện đẻ ra tham nhũng. Nhờ đó, Chính phủ đã thận trọng xem xét, chỉnh sửa, bổ sung làm cho những chủ trương, chính sách phù hợp với cuộc sống, tạo điều kiện cho việc quản lý kinh tế - xã hội được vận hành năng động, cởi mở, tự nhiên hợp quy luật, hợp lòng dân.

Bên cạnh những mặt tích cực, thông tin về đấu tranh phòng chống tham nhũng trên các loại hình thông tin còn có những hạn chế nhất định. Đó là tình trạng một số thông tin có nội dung quy chụp, xâm phạm đời tư của một số cá nhân; hoặc đưa tin sai sự thật nhằm bao che, dung túng cho kẻ có hành vi quan liêu, tham nhũng; có khi đăng tải những thông tin không chính xác, không khách quan dẫn đến những hậu quả tai hại như: hạ uy tín cá nhân hoặc tập thể nào đó, gây khó cho doanh nghiệp, gây nên sự hoài nghi trong dư luận...

Để thực hiện tốt chủ trương đẩy mạnh chống quan liêu, tham nhũng của Đảng và Nhà nước, bên cạnh việc tăng cường biện pháp giáo dục, bồi dưỡng, nâng cao phẩm chất chính trị, năng lực chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp cho những người làm báo, cần tiếp tục đổi mới, cải tiến nội dung và hình thức thông tin.

## **2.7. NHỮNG HẠN CHẾ CHỦ YẾU CỦA TTKH TRONG VIỆC PHỤC VỤ SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ NƯỚC TA**

- TTKH còn những bất cập lớn trong việc thông tin về các tư tưởng kinh tế Phương Tây, có những điều mà các cơ quan quản lý còn chưa nghĩ đến là có xu hướng kinh tế học Phương Tây lấn át kinh tế học Mác - Lênin, TTKH về cái mới nhưng thiếu sự phối hợp xử lý, điều chỉnh cho phù hợp. Nó có ảnh hưởng lệch lạc trong tư duy kinh tế xã hội, nhất là trong các trường đại học. Quan niệm kinh tế giản đơn, không gắn với tư duy chung, phát triển chung.

- Thông tin khoa học chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển đa dạng và ngành nghề của nền kinh tế. Đặc biệt là còn thiếu nhiều thông tin khoa học

cần thiết để phục vụ sự hình thành và phát triển của các ngành kinh tế - kỹ thuật mới, liên quan tới công nghệ thông tin, sinh học, vật liệu mới, tự động hóa và cơ điện tử.

- Thông tin khoa học còn chưa đáp ứng được yêu cầu về quy mô thông tin, tính cập nhật của thông tin và sự đòi hỏi rất linh hoạt, phức tạp của đời sống kinh tế. Trong nhiều trường hợp thông tin còn thiếu chính xác, thiếu tính hệ thống và đồng bộ. Các cơ sở dữ liệu thông tin khoa học phần nhiều mới dừng lại chủ yếu ở trình độ hỗ trợ trong việc tra cứu, chưa được sử dụng vào việc phân tích đánh giá, tổng hợp và dự báo, làm cơ sở khoa học phục vụ cho các quá trình ra quyết định các chủ trương, chính sách, chiến lược phát triển, lựa chọn các phương án có hiệu quả.

Từ nhiều năm nay các cơ quan thông tin khoa học xã hội đã rất cố gắng khai thác các dòng tin, nhất là dòng tin nước ngoài về khoa học xã hội và nhân văn, đáp ứng nhu cầu của nghiên cứu, phát triển kinh tế - xã hội. Nhưng ngay cả những cố gắng được coi là "điểm mạnh" này cũng vẫn bộc lộ một sự bất cập to lớn: chưa tạo ra được bước chuyển mạnh mẽ sang hoạt động theo đòi hỏi của "lôgic cầu". Chính do vậy, kênh thông tin ngược cho dù có được khơi thông nhưng các cơ quan thông tin khoa học xã hội vẫn tỏ ra bất cập không đáp ứng nhanh, kịp thời và đầy đủ các thông tin cần cho phát triển kinh tế... (Xem: Lại Văn Toàn, Tác động của thông tin khoa học xã hội trong phát triển kinh tế - xã hội, Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội, số 12/2002).

- Thông tin khoa học chưa đáp ứng được nhu cầu của các vùng sâu, vùng xa. Nhìn chung thông tin khoa học và công nghệ chưa đến được với số đông dân cư vùng sâu, vùng xa. Việc chuyển tải thông tin còn chậm. Nội dung thông tin đôi khi còn xa vời, chưa sát thực tế, chưa đáp ứng được nhiều vào cuộc sống và do đó hiệu quả kinh tế mang lại chưa cao. Hơn nữa, có thể nói thông tin khoa học và công nghệ đến với người dân vùng sâu, vùng xa bằng kênh trực tiếp của hệ thống tin khoa học còn chưa nhiều (mà chủ yếu qua các chương trình, dự án, qua đài, báo truyền hình trung ương và địa phương) và nội dung thông tin khoa học và công nghệ nhiều khi mới dừng ở mức nâng cao dân trí chưa đi mạnh vào làm ăn kinh tế, áp dụng tiến bộ kỹ thuật trên diện rộng. (Theo Tạ Bá Hưng: "Thông tin khoa học và công nghệ

phục vụ vùng sâu, vùng xa", Tạp chí Hoạt động khoa học, số 2/2001).

Việc phục vụ thông tin cho người dân ở nông thôn và vùng sâu vùng xa phải xuất phát từ cơ sở, từ thực tiễn sản xuất, từ hoàn cảnh của từng vùng. Tuy nhiên hệ thống thông tin sát với cơ sở ở nước ta hiện lại rất kém. Theo tác giả Đoàn Quang Lân: "Quan sát, tổng hợp qua các ấn phẩm thông tin khoa học và công nghệ địa phương những năm gần đây, cùng với nhiều chuyên biến tích cực, đa dạng và phong phú về loại hình, có chất lượng về nội dung, những thông tin vẫn còn đơn điệu, một chiều, thiếu tiếng nói từ người nông dân, tính sáng tạo chưa rõ nên còn kém hấp dẫn với người dùng tin". (Đoàn Quang Lân: "Đề hoạt động thông tin khoa học và công nghệ địa phương có hiệu quả hơn", Báo Khoa học và Phát triển, số 45, ngày 6-12/11/2003).

- Thông tin khoa học còn rất hạn chế trong phục vụ các doanh nghiệp và người nông dân.

Đổi mới công nghệ có ý nghĩa nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp và của nền kinh tế, nhưng ở nước ta, hoạt động đổi mới công nghệ tại các doanh nghiệp chưa được đẩy mạnh. Ngoài những nguyên nhân thường được nói đến nhiều như: nhận thức về thách thức của hội nhập của các doanh nghiệp còn chưa đầy đủ, trình độ của đội ngũ lao động của doanh nghiệp còn thấp, thiếu vốn cho đổi mới công nghệ,... còn có cản trở đáng kể do thiếu thông tin về công nghệ, những chuyên gia thực sự về đánh giá và tư vấn công nghệ, các tổ chức môi giới công nghệ.

Trên thực tế, khi buộc phải tiến hành đổi mới công nghệ, các doanh nghiệp dường như dấn thân vào cuộc phiêu lưu kiểu "bịt mắt bắt dê". Cách thường làm của doanh nghiệp là tự chạy xem có doanh nghiệp nào trong nước đã nhập công nghệ mới thì làm theo (điều này không phải lúc nào cũng thực hiện được dễ dàng vì các doanh nghiệp luôn luôn muốn giữ bí mật đối với đối thủ cạnh tranh trong ngành).

Việc thiếu thông tin về công nghệ không chỉ gây nên những khó khăn trong tìm kiếm công nghệ mới mà nhiều khi còn gây hậu quả nặng nề hơn là mua về các công nghệ không phù hợp, gây lãng phí lớn, gây kìm hãm.

Đổi mới công nghệ vốn có ý nghĩa quyết định tới khả năng cạnh tranh

của mỗi doanh nghiệp và của cả nền kinh tế. Sẽ không sợ sai lầm khi khẳng định rằng, nói đến công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nói đến hội nhập thì trước hết phải bắt đầu từ đổi mới công nghệ diễn ra ở các doanh nghiệp. Bởi vậy, những lực cản đối với đổi mới công nghệ như thiếu các thông tin công nghệ cần được sớm quan tâm giải quyết. (Hoàng Xuân Long: "Đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp", Tạp chí Hoạt động khoa học, số 5/2005).

Mặc dù có tới hơn 500 cơ quan thông tin khoa học và công nghệ trên cả nước, ta vẫn thấy các doanh nghiệp phàn nàn về việc họ thiếu thông tin công nghệ. Các cơ quan thông tin khoa học và công nghệ trong nước tồn tại dường như chỉ để phục vụ cho cơ quan quản lý cấp trên họ.

## KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

TTKH ở nước ta trong quá trình xây dựng CNXH các thời kỳ đã có những đóng góp tích cực vào các mặt chủ yếu như sau:

- Góp phần quán trọng hình thành nên hệ tư duy, phương pháp luận, tư tưởng kinh tế theo chủ nghĩa Mác - Lênin và các tư tưởng kinh tế tiên bộ, khoa học, có ảnh hưởng sâu rộng và vững chắc trong đời sống tinh thần của xã hội.

- Thúc đẩy tích cực trên mọi mặt của đời sống kinh tế đất nước, đặc biệt là thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội trong các thời kỳ.

- TTKH là nhân tố tích cực thúc đẩy quá trình đổi mới.

Tuy nhiên TTKH còn nhiều hạn chế lớn:

- Mức độ tác động ảnh hưởng cụ thể đến tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh chưa được đo lường rõ ràng.

- Tổ chức TTKH còn nhiều bất cập, thiếu đồng bộ, qui mô và chất lượng yếu, mức đầu tư kinh phí và nhân lực còn rất hạn chế.

- Thông tin cho doanh nghiệp còn yếu kém.

- Thông tin khoa học phục vụ cho lãnh đạo và nghiên cứu cũng còn nhiều bất cập, hiệu quả còn hạn chế.

### **Chương 3**

## **NHỮNG GIẢI PHÁP ĐỂ THÔNG TIN KHOA HỌC TÁC ĐỘNG CÓ HIỆU QUẢ ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ**

### **3.1. PHẢI NHẬN THỨC RÕ HƠN VAI TRÒ TTKH NÓI CHUNG VÀ TTKH PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ**

Mặc dù các cơ quan sử dụng thông tin cũng như cán bộ làm quản lý, nghiên cứu đều coi trọng thông tin, song đối xử với hoạt động thông tin chưa đúng mức. Điều đó xuất phát từ nhận thức chưa đúng vai trò chức năng của TTKH đối với sự phát triển kinh tế.

Chức năng của TTKH đối với sự phát triển kinh tế ở nước ta hiện nay bao gồm mấy điều cơ bản

#### **3.1.1. Chức năng thu thập, lưu trữ và phục vụ tin trong điều kiện CNTT phát triển nhanh**

Thu thập lưu trữ dữ liệu, cơ sở dữ liệu là chức năng hiển nhiên của thông tin khoa học. Nó tạo ra cốt vật chất cho thông tin khoa học.

Phải thấy được tốc độ phát triển CNTT rất nhanh chóng. Nhờ sự trợ giúp của công nghệ thông tin mà chức năng này đang được cách mạng hóa. Tốc độ của bộ vi xử lý - "bộ não" của máy tính tăng 100 ngàn lần trong giai đoạn từ 1950 đến 1997. Trong khoảng thời gian từ những năm 1980 đến 1990 trung bình cứ một năm rưỡi thì tốc độ bộ vi xử lý lại tăng gấp 2 lần, tốc độ tăng như vậy vẫn được duy trì trong thời gian hiện nay. Nếu dùng cáp đồng thì trong 1 giây có thể chỉ truyền tải dưới 64 ngàn byte thông tin, nhưng dây dẫn cáp quang tốc độ truyền lên đến 1 triệu byte/giây. Hiện nay cáp quang đang thay thế cáp đồng. Một tài liệu có dung lượng 859GB (tương đương với 1 triệu tập sách) đã được truyền tải ở cự ly khoảng 16 ngàn km chỉ trong vòng 17 phút. Dung lượng thông tin trên Internet cũng bùng nổ. Năm 2004 Công ty Google tuyên bố đã đăng ký thư mục khoảng 10 tỷ tài liệu. Nhưng ngay tháng 8/2005, theo Công ty Yahoo công bố, số lượng tài liệu có thư mục là 20 tỷ,

nghĩa là chỉ trong 1 năm số lượng thông tin công khai tăng gấp 2 lần.

Tình hình đó yêu cầu các cơ quan thông tin khoa học nước ta phải tăng cường hơn khả năng thích ứng để làm cho kho dữ liệu phong phú và có chất lượng. Phải tận dụng điều này để tăng khả năng xử lý tư liệu, xây dựng cơ sở dữ liệu.

### **3.1.2. Chức năng thẩm định tư liệu khoa học**

TTKH khác với thông tin báo chí hay truyền tin đại chúng thông thường, truyền thông đại chúng chỉ tập trung đưa tin mới lạ và cập nhật nhanh. TTKH có tính chất riêng chính là ở chỗ các tin tức được thông tin phải qua nghiên cứu, xử lý, thẩm định độ tin cậy.

Những dữ liệu của một vấn đề nào đó trước khi được sử dụng cung cấp cho một mục đích nghiên cứu nhất định thì đều được biên tập, xử lý, thẩm định mức độ chính xác. Công tác TTKH vì thế giúp cho người sử dụng tin được đảm bảo độ tin cậy, có chất lượng.

Hiện nay TTKH phải đáp ứng được yêu cầu, chức năng đó. Chẳng hạn thông tin khả năng an toàn về môi trường đầu tư ở Việt Nam để cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước thấy rõ được cơ hội và khả năng của từng nhà đầu tư. Năm 2006 và đầu năm 2007 thị trường chứng khoán Việt Nam phát triển đột biến, trong vòng một năm, chỉ số VN Index đã tăng hơn 500 điểm (164%). Có những cảnh báo thiếu an toàn đối với thị trường chứng khoán. Vậy cần xử lý thông tin như thế nào. Rõ ràng là cần có sự thông tin phân tích hiện tượng phức tạp và dễ gây chấn động này đối với nền kinh tế. Trong chừng mực đang diễn ra, thị trường chứng khoán nước ta vẫn nằm trong giới hạn an toàn. Các thông tin từ những người am hiểu và các nhà quản lý đều cho rằng cần thận trọng nhưng chưa có gì phải quá lo lắng. Điều đó giúp cho các nhà đầu tư cũng như các cơ quan, cán bộ làm nhiệm vụ điều hành vĩ mô có được cơ sở khoa học cần thiết, có hành động phù hợp với thực tế. Và như vậy TTKH lại đòi hỏi cán bộ chuyên môn đủ khả năng tổ chức thẩm định giá trị khoa học của tin.

Cuộc sống kinh tế thị trường cũng yêu cầu được cung cấp những TTKH có thẩm định.

### **3.1.3. Chức năng phổ cập tri thức**

Thông tin KH-CN phải được phổ cập một cách thích hợp cho các đối tượng hoạt động kinh tế và tham gia vào quá trình kinh tế cũng như mọi đối tượng tiêu dùng.

Nói đến phát triển kinh tế trước hết phải hiểu hết khoa học tự nhiên, KH-CN. Thí dụ, việc sử dụng phân hóa học, thuốc bảo vệ thực vật phải hợp lý nếu không thì gây hại cho cả người tiêu dùng sản phẩm và cả người sản xuất. Dư lượng chất kích thích trong sản phẩm thủy sản xuất khẩu hay chăn nuôi đã trở thành vấn đề bức xúc. Người sản xuất một mặt thì do quá ham năng suất và cũng có thể do kém hiểu biết hoặc cũng có thể do cơ chế thị trường (thị trường chỉ có các nguyên liệu không phù hợp hoặc kém an toàn môi trường).

TTKH cũng bao hàm cả ý nghĩa, mục đích nhân văn. Nó sẽ tác động mạnh đến người sản xuất và chăn nuôi.

### **3.1.4. Chức năng thông tin nội dung mới**

Thông tin nội dung mới là chức năng quan trọng của thông tin khoa học. Suy cho cùng mọi thông tin là để có được những giá trị khác biệt, đặc biệt là giá trị có tính phát minh sáng tạo mới. Một mặt là thông báo cho người dùng tin những điều mới lạ, nhưng mặt khác cũng gợi ý những vấn đề mà người nhận tin phải quan tâm, sáng tạo.

### **3.1.5. Chức năng dự báo**

TTKH có vai trò và chức năng lớn hơn, ảnh hưởng hơn đối với sự phát triển kinh tế là dự báo, thiếu nó thì TTKH tự hạn chế tác động của TTKH đối với sự phát triển nói chung và phát triển kinh tế nói riêng.

TTKH trở thành tiền đề cho sự phát triển, TTKH là yếu tố trực tiếp trước tiên cho mọi đề án, phương án xây dựng và triển khai, trong đó TTKH đóng vai trò dẫn đường, đi trước và tác động vào dự báo.

Chức năng dự báo là quan trọng nhất đối với các tiến trình kinh tế. Trong xu thế hội nhập và hoàn cầu hóa hiện nay, phải dự báo được xu hướng và các nội dung cơ bản của tương lai về kinh tế, chính trị, khoa học - công nghệ, thị trường, an ninh thế giới và khu vực.



### 3.2. ĐẢM BẢO CÁC YẾU TỐ CHỦ YẾU QUYẾT ĐỊNH CHẤT LƯỢNG NỘI DUNG THÔNG TIN

Nâng cao chất lượng TTKH là vấn đề rất mấu chốt hiện nay để tác động mạnh mẽ, có chất lượng, có tính hiện thực cao và cấp bách đối với sự phát triển.

Nói đến chất lượng TTKH thì trước hết là nói đến hiệu quả của nó. Hiệu quả TTKH chưa được đo lường và tác động bằng công thức chính xác nhưng trên thực tế, cũng đã được đặt ra và cần phải giải đáp, xét về tư duy lý luận.

Hiệu quả TTKH là tổng hợp của nhiều yếu tố, nó nói lên ý nghĩa phục vụ khoa học và ý nghĩa kinh tế - xã hội của TTKH, nhờ TTKH mà làm cho kinh tế nói riêng phát triển và đem lại kết quả hữu ích nhiều hơn, cao hơn, tối ưu hơn, cũng như thúc đẩy xã hội phát triển toàn diện (nói chung); làm cho khoa học phát triển mạnh hơn, hiệu quả hơn.

Hiệu quả TTKH là kết quả tác động về kinh tế - xã hội (chính trị - văn hóa), hiệu quả tác động thúc đẩy tiến bộ khoa học và công nghệ (cũng như phát triển nói chung), phản ánh chi phí để đạt được những kết quả phát triển đó.

Điều này lại bao gồm trong đó một loạt các tiêu chí cụ thể:

*Thứ nhất*, so sánh giá trị tăng thêm hay lợi nhuận thu được nhờ áp dụng các kết quả của TTKH, vận dụng các tri thức do tiếp nhận thông tin mới với tổng chi phí cho TTKH.

Công thức hiệu quả = 
$$\frac{\text{Chi phí TTKH}}{\text{Lợi nhuận (hay mức tiết kiệm) do tác động TTKH}}$$

*Thứ hai*, tiết kiệm chi phí và tiết kiệm sử dụng tài nguyên, chi phí vật chất và lao động sống cho một đơn vị sản phẩm quy ước được giảm đi. Việc áp dụng sự tiến bộ của truyền thông KHCN là phải giảm tiêu hao, năng lượng, nguyên vật liệu, lao động v.v... Nói cách khác, hiệu quả của TTKH phải góp phần trực tiếp làm tăng năng suất lao động, hiệu quả sử dụng vốn, mức sinh lợi từ chi phí TTKH đem lại.

*Thứ ba*, tiết kiệm được lao động hoạt động khoa học, tiết kiệm vốn chất xám.

*Thứ tư*, hiệu quả của TTKH đối với sự phát triển kinh tế được thể hiện ở phương diện nhận thức khoa học và áp dụng thiết thực cho phát triển nói chung (bao gồm cả các lĩnh vực khác của hoạt động xã hội từ an ninh quốc phòng cho đến hoạt động nhà nước và tư tưởng - văn hóa nghệ thuật, thể thao, y tế v.v... Tính hiệu quả của nhận thức thể hiện ở những thông tin chính xác, rõ ràng mà đối tượng tiếp nhận và có thể vận dụng dễ dàng.

*Thứ năm*, hiệu quả tác động của TTKH là làm tăng tổng lượng lợi ích, làm tăng tổng lượng có thể đổi ra giá trị tương đương.

*Thứ sáu*, hiệu quả TTKH còn biểu hiện ở chỗ gây ảnh hưởng đối với chế độ.

Chất lượng thông tin đang là vấn đề cần được quan tâm hàng đầu hiện nay. Có thể nói tình trạng vừa thừa vừa thiếu thông tin, đặc biệt là thiếu chất tri thức của các thông tin. Thí dụ thông tin cho doanh nghiệp rất yếu. Các nhà nghiên cứu, các cán bộ khoa học công nghệ cũng như khoa học kinh tế chỉ mới đưa ra được những lời khuyên như sách giáo khoa, chỉ có ý nghĩa về phương pháp luận, còn như những chỉ dẫn mang tính kinh doanh tức là giúp cho những việc tác nghiệp kinh doanh thì rất yếu.

### **3.2.1. Thông tin khoa học phải đáp ứng tốt hơn với việc tạo lập hệ thống thông tin chiến lược, phục vụ cho việc hoạch định đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước ta**

Thông tin khoa học về quy hoạch phát triển kinh tế xã hội là vấn đề rất lớn và quan trọng.

Vấn đề hàng đầu có ý nghĩa quyết định là thông tin về xu thế phát triển, vận động của chế độ kinh tế, thể chế kinh tế. Thí dụ: sự biến đổi của chế độ sở hữu hiện nay trên thế giới. Tại sao lại có xu hướng phi nhà nước hóa ở các nước trên thế giới, một xu thế chủ đạo của kinh tế thế giới cuối những năm 1980 ở Tây Âu đặc biệt là từ đầu những năm 1990 ở các nước Đông Âu và Liên Xô cũ, kể cả ở Trung Quốc, Việt Nam. Thông tin khoa học phải góp phần lý giải vấn đề này. Trong khi đó, sự phát triển xã hội hóa sản xuất ngày càng tăng lên, tính liên kết kinh tế quốc tế trên quy mô toàn cầu ngày một tăng lên, xu thế toàn cầu hóa kinh tế thế giới ngày một mạnh mẽ, sự hội nhập

kinh tế quốc tế ngày một cao hơn, sâu hơn. Như vậy đáng lẽ ra phải có sự quốc hữu hóa nhiều hơn, nhà nước phải nắm lấy các doanh nghiệp lớn v.v..., tức là phải có sự phát triển sở hữu xã hội, sở hữu công cộng, song thực tế thì tại có xu hướng ngược lại. Khoa học kinh tế và thông tin khoa học kinh tế phải trả lời các câu hỏi đó. Bởi vì nếu không làm rõ điều đó thì chúng ta sẽ lúng túng trong vấn đề tìm ra cơ sở lý luận cho việc hình thành quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa và chế độ xã hội chủ nghĩa. Thông tin khoa học phải góp phần tạo ra tư duy khoa học kinh tế, tạo ra tư tưởng chiến lược kinh tế. Trong việc phát triển kinh tế thì tư duy chiến lược là chìa khóa, là sự khởi đầu của tư duy phát triển.

Thông tin khoa học tiếp tục làm rõ hơn, làm sáng tỏ về lý luận con đường phát triển của kinh tế xã hội của nước ta. Thông tin khoa học có thể phát huy vai trò chức năng của nó là dẫn dắt ý thức hệ trong tư duy kinh tế. Tư duy kinh tế nào cũng phải có một sự định hướng ý thức hệ. Ở đây cần phải phân rõ trong ý thức hệ bao gồm 2 yếu tố chủ quan và khách quan. Về yếu tố chủ quan là tư duy chính trị, ý thức giai cấp và cả những tình cảm giai cấp. Nó sinh ra trên một hoàn cảnh lịch sử nhất định nhưng chịu ảnh hưởng quyết định của địa vị và trình độ giai cấp. Nó phản ánh nhu cầu và quyền lợi của giai cấp nào đó nên nó mang tính chủ quan. Mặt khác, ý thức hệ của một giai cấp lại phản ánh nhu cầu lịch sử khách quan của một giai cấp, phản ánh hoàn cảnh kinh tế xã hội của một giai cấp nên lại phải dựa vào một cơ sở khoa học nhất định để hình thành ý thức hệ của mình. Bất cứ ý thức hệ nào cũng phải thích nghi với sự thay đổi của thời đại, tức là nó phải chịu ảnh hưởng ít nhiều của tư duy khoa học, ít nhất cũng là tư duy biện chứng và tư duy nhân văn. Cơ đốc giáo tồn tại được vì nó biết tự cải cách. Nó không chỉ cầu xin ở Chúa trời mà còn làm ăn với Chúa trần thế, từ tôn giáo tinh thần phát triển thành tôn giáo thế tục.

Thông tin sự biến đổi ý thức hệ về kinh tế - chính trị là một yếu tố tạo tiền đề cho tư duy kinh tế chính trị, xác lập quan điểm phát triển kinh tế xã hội. Nó có ý nghĩa tạo ra tư duy tổng quát để xây dựng hệ thống quan điểm phát triển chiến lược như: mục tiêu và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, chế độ chính trị và chế độ kinh tế, hình thức và cơ chế quản lý kinh tế, vấn đề lợi ích kinh tế, sở hữu và phân phối.

Thông tin về tư duy chiến lược phát triển không chỉ có ý nghĩa đối với quốc gia mà đối với ngành, địa phương và cả doanh nghiệp.

Vào cuối thời kỳ bao cấp, các thông tin về phát triển kinh tế thế giới như cải cách mở cửa ở Trung Quốc và các nước Đông Á, việc lập các khu chế xuất ở Đài Loan, Trung Quốc v.v... là những gợi ý trực tiếp để chúng ta xây dựng các khu chế xuất và khu công nghiệp. Thông tin về quá trình phát triển ở Hàn Quốc cho thấy, những năm đầu 1960 họ cũng rất khó khăn trong việc tạo vốn và xây dựng cơ sở hạ tầng để phát triển, bởi vì Hàn Quốc là một nước nghèo tài nguyên thiên nhiên. Họ chú trọng xây dựng nhanh cơ sở hạ tầng như tuyến xa lộ Bắc Nam, một hệ thống công nghiệp mang ý nghĩa tạo nền tảng đột phá và tăng tốc: lúc đầu là các ngành công nghiệp chế tạo, sau nhanh chóng phát triển công nghệ thông tin, đặc biệt chú ý đào tạo nguồn nhân lực cao. Điều này giúp ta tư duy về quy hoạch phát triển. Nếu chúng ta không có quy hoạch về cách sử dụng tài nguyên, quy hoạch về các ngành mang ý nghĩa hạ tầng cho sự phát triển lâu dài thì đất nước phát triển kém hiệu quả. Quy hoạch về phát triển xã hội và phát triển chính trị phải tương thích với quy hoạch phát triển kinh tế không chỉ trước mắt mà phải lâu dài, bền vững. Chẳng hạn như, về quy hoạch kinh tế xã hội phải sao cho mọi công nhân có sự đảm bảo điều kiện để lao động và sinh sống ngày càng được cải thiện không ngừng. Đối với phát triển hạ tầng chẳng hạn, phải chú trọng tạo ra hệ thống giao thông hợp lý phục vụ cho phát triển của kinh tế và đời sống. Nguồn điện năng phải đi trước nhiều bước, phải dự báo được lượng tiêu thụ, thông qua nghiên cứu chỉ số tiêu thụ của các nước tương ứng. Hiện nay nhu cầu tiêu thụ điện của nước ta đã tăng nhanh và vượt quá khả năng sản xuất điện đã gây cản trở phát triển kinh tế và xã hội. Nguyên nhân thì có nhiều nhưng do dự báo nhu cầu tiêu thụ điện không chính xác. Muốn vậy phải tham khảo thông tin từ các nước tương tự như Việt Nam trong quá trình phát triển (Nhân đây cũng nói rằng nên tránh chuyện đi thăm quan nắm thông tin mang tính quan tham).

Thông tin trong giai đoạn hiện nay phải tạo ra tư duy kinh tế lành mạnh. Đó là tư duy phát triển kinh tế bền vững và phát triển kinh tế mang tính nhân văn nhiều hơn, phát triển kinh tế không phải là tạo ra giàu có đơn thuần mà tạo

ra sự giàu có vật chất và tinh thần tương ứng, phát triển kinh tế là vì con người.

Sự phát triển kinh tế, làm giàu là một mong muốn chính đáng và cần phải trở thành một ý chí chung của quốc gia toàn dân tộc, của mọi tầng lớp nhân dân, của mọi người dân. Nó phải được biến thành quyết tâm học tập, lao động và sáng tạo: thông tin khoa học phải góp phần tích cực tạo ra tư duy sáng tạo, tư duy hiệu quả trong các hoạt động kinh tế, ở cấp vĩ mô cũng như cấp vi mô, ở cấp tập thể quốc gia cũng như đối với từng thành viên của xã hội. Đoàn kết dân tộc để vươn lên thoát khỏi "tình trạng kém phát triển, tạo nền tảng đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Đến năm 2010, tổng sản phẩm trong nước (GDP) gấp 2 lần so với năm 2000. (Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, H., 2006, tr.76).

Tuy nhiên, thông tin khoa học cũng phải đồng thời tạo ra một nhận thức phát triển phù hợp với thời đại tri thức và nhân văn. Đó là "phấn đấu tăng trưởng kinh tế với nhịp độ nhanh, chất lượng cao và bền vững hơn, gắn với phát triển con người" (Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2006, tr.76). Một tổ chức hay cá nhân tham gia vào các hoạt động kinh tế đều phải nhận thức được rằng kinh tế chỉ là phương tiện, con người mới là mục đích. Nói chính xác hơn là kinh tế phục vụ sự phát triển con người hoàn thiện.

Do hoàn cảnh lịch sử, nước ta đang ở trình độ kinh tế kém phát triển, thu nhập quốc nội tính theo đầu người năm 2006 mới đạt 720USD. Vì thế đại đa số nhân dân còn sống ở mức rất thấp. Một số người cuồng vọng và có nhận thức lệch lạc về vai trò kinh tế. Trong kinh tế thì trình độ phát triển, tức năng lực kinh tế không quyết định tất cả, mà cách thức tiêu dùng cũng có vai trò đặc biệt quan trọng. Cách thức tiêu dùng khoa học, văn minh và giàu tính nhân văn thì mức sống vẫn đảm bảo mà chất nhân văn trong sinh hoạt kinh tế cũng hài hòa. Đó là phương thức tổ chức phân phối, các loại hình khác nhau về phân phối của nhà nước và xã hội sẽ bổ sung cho cách phân phối trực tiếp theo quy luật của thị trường và quy luật của sở hữu. Sự phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa bao gồm hai nội dung kết hợp lại với nhau: phát triển kinh tế có hiệu quả và đảm bảo tính công bằng xã hội.

Muốn vậy, trong tư duy kinh tế phải bao gồm tư duy lợi ích cá nhân một cách hợp lý, khoa học và kết hợp với tư duy nhân văn trong hoạt động kinh tế. Không chỉ một số doanh nghiệp nhà nước mà một số doanh nghiệp tư nhân, tư bản nước ngoài cũng đã thực hiện được điều đó. Họ tìm mọi cách tăng lợi nhuận doanh nghiệp nhưng vẫn nghiêm túc chấp hành các quy định của pháp luật, đồng thời đảm bảo đời sống cho người lao động.

Trong giai đoạn hiện nay tư duy kinh tế lành mạnh không chỉ mang tinh thần chung chung mà hơn nữa nó phải thấm sâu vào từng cá nhân khi trưởng thành. Đó là sự ham thích lao động, sáng tạo, cống hiến, hợp tác; coi khinh và đấu tranh với thói hư tật xấu như ăn bám, lừa biếng lao động, trục lợi và tham ô lãng phí. Một xã hội lành mạnh phải bắt đầu từ tư duy kinh tế lành mạnh. Thông tin khoa học góp phần hình thành tư duy kinh tế trước hết bằng nhận thức tư tưởng, bằng ý chí rồi dần dần được bổ sung và nâng lên bằng nhận thức khoa học. Tư duy kinh tế lành mạnh là cốt lõi của toàn bộ tư duy xã hội, dù rằng tư duy chính trị - đạo đức luôn luôn có vai trò dẫn dắt hoặc kim hãm, còn tư duy văn hóa cũng là phương diện tinh thần và thẩm mỹ của đời sống. Chúng ta xưa nay chỉ mới định nghĩa tư duy kinh tế nhưng chưa đề cập chính xác vai trò tư duy kinh tế trong tư duy xã hội. Bởi vì kinh tế là cơ sở của đời sống xã hội thì tư duy kinh tế cũng là cốt lõi của tư duy xã hội. Điều này cũng phù hợp với luận điểm của A. Smith rằng, con người là một động vật kinh tế.

Tính năng động của hình thái sở hữu là do hình thức tổ chức kinh tế đem lại. Trong điều kiện kinh tế kế hoạch hóa hiện vật thì hình thức sở hữu rất cứng nhắc, sở hữu không vận động. Thí dụ như một khối tài sản của xí nghiệp sản xuất xi măng chẳng hạn, nếu giả sử quy ra giá trị là 10.000 tỷ đồng, dưới các hình thức vật chất là thiết bị sản xuất xi măng, quặng sản xuất xi măng và các nguyên vật liệu khác. Xí nghiệp xi măng thiếu 1 nghìn tỷ đồng để mua vật liệu nhưng ngân hàng không thể cho vay vì xí nghiệp không được đem thế chấp tài sản và ngân hàng cũng không được chấp nhận thế chấp tài sản. Vậy là nhà máy này không hoạt động được. Song với điều kiện kinh tế thị trường hóa thì việc thiếu vốn như vậy sẽ được giải quyết. Hình thức sở hữu khuôn trong hình thức hiện vật đã không làm cho luân chuyển tài sản được. Xí nghiệp kia chỉ đem thế chấp một ít tài sản nào đó là có thể vay

được vốn và vận hành kinh tế sẽ trôi chảy. Một ví dụ khác: một người có sở hữu một ngôi nhà 300m<sup>2</sup> diện tích nhà ở và đất ở có trị giá 5 tỷ đồng. Đó là sở hữu cá nhân và nếu nhà đất chỉ dùng vào việc sinh hoạt thì nó chỉ là tư liệu tiêu dùng thông thường. Song nếu người đó đem cầm cố nhà đất ở ngân hàng và vay tiền, giá trị bằng khoảng 70% giá trị nhà đất, vay được khoảng 3,5 tỷ đồng và dùng số tiền đó vào lập một doanh nghiệp nhỏ để kinh doanh, chẳng hạn để sản xuất nông nghiệp như nuôi trồng thủy sản thì vốn đó lại là vốn sản xuất sinh lợi. Ở nước ta hiện nay có rất nhiều những trường hợp biến tư liệu tiêu dùng (không sinh lợi) thành vốn kinh doanh sinh lợi như vậy, lực lượng vốn như vậy không nhỏ.

Trong trường hợp này ranh giới cụ thể của sở hữu tư liệu sản xuất và sở hữu tư liệu tiêu dùng là không còn nữa, không có tính quyết định đối với sở hữu hay ý nghĩa kinh tế của một cá nhân. Ý nghĩa của vai trò sở hữu tư liệu sản xuất chỉ có thể được thể hiện ở chỗ sự chi phối của tổng sở hữu, của sở hữu chung, trong điều kiện kinh tế thị trường thì sở hữu giá trị dù dưới hình thức nào đều chi phối được cuộc sống kinh tế. Từ điều này để suy nghĩ về vấn đề sở hữu cổ phần của người lao động ở nước ta hiện nay. Trong khi chúng ta nhiều năm trong các tài liệu nghiên cứu và Văn kiện Đảng vẫn khẳng định mục đích của cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là để nâng cao hiệu quả toàn diện của các doanh nghiệp vốn thuộc sở hữu hoàn toàn của nhà nước. Những người lao động của các doanh nghiệp được mua cổ phần ưu đãi, như vậy là họ có tham gia sở hữu xí nghiệp. Song đó chỉ là tư duy lôgic hình thức. Doanh nghiệp nhà nước sau khi cổ phần hóa thì sở hữu là thuộc về các cổ đông, tùy theo tỷ lệ cổ phần. Ở đây tính chất nhà nước đã bị cắt bớt đi bởi mấy lý do:

- *Thứ nhất, xét về tỷ lệ sở hữu*, dù sở hữu nhà nước có chiếm tỷ lệ khống chế thì lợi ích nhà nước cũng chỉ tương đương với tỷ lệ cổ phần.

- *Thứ hai, bộ phận sở hữu của người lao động sớm hay muộn cũng là của sở hữu tư nhân*, dù tư nhân đó là người lao động vốn là công nhân viên của doanh nghiệp nhà nước trước khi cổ phần hóa hay là sở hữu tư nhân ngoài doanh nghiệp vào mua lại cổ phần của công nhân viên.

- *Thứ ba, mục đích sản xuất là lợi nhuận*, là thị trường chi phối.

- *Thứ tư*, điều hành do HĐQT và Ban giám đốc vì lợi ích của họ hơn là vì lợi ích nhà nước.

- *Thứ năm*, quan hệ giữa chủ và thợ có tính dân chủ, công bằng nào đó còn tùy thuộc vào tình hình phát triển của tập thể người lao động, của công đoàn và chủ yếu là do quan hệ sơ hữu qui định. Vị trí người lao động sẽ khác xa so với thời kỳ còn là doanh nghiệp nhà nước.

- *Thứ sáu*, khi CPH nêu định giá không đúng tài sản doanh nghiệp (bao gồm cả thương hiệu) thì tài sản nhà nước bị biến thành tài sản tư nhân một cách hợp pháp. Trong việc phát triển quá nóng của thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2006 - 2007, có yếu tố chênh lệch giữa giá trị danh nghĩa của cổ phiếu và giá cả thực của nó trên thị trường. Thậm chí cổ phiếu (OTC) của nhiều công ty chưa lên sàn giao dịch chỉ trong vòng một năm tăng lên khoảng 10 lần. Như vậy việc sở hữu nhà nước biến thành sở hữu tư nhân là kết quả tất yếu của quá trình cổ phần hóa. Ngày 14/4/2007 ở Hà Nội đã có cuộc đấu giá cổ phần của Tổng Công ty Xuất nhập khẩu - Bộ thương mại (Intimex), chỉ có 10 cổ đông mua toàn bộ cổ phiếu, họ đấu giá cao hơn hẳn so với đại đa số người đấu giá, nhưng mức giá cao hơn hẳn đó vẫn rất thấp hơn nhiều so với giá trị thực, giá trị quyền sử dụng đất không được tính, mà đây mới là mấu chốt của việc thắng thua - Bởi vì việc biến sở hữu tư liệu tiêu dùng cá nhân thành sở hữu tư liệu sản xuất (vốn kinh doanh) là một đặc điểm lớn của kinh tế xã hội ta, một mô thức chung ở các nước trong quá trình chuyển đổi chế độ kinh tế như nước ta. Điều này không phải mang tính cá biệt mà có tính phổ biến. Thí dụ, người dân mua cổ phiếu, tham gia đầu tư chứng khoán. Một lượng vốn rất lớn được tập trung từ hàng nghìn, hàng vạn nhà đầu tư rất nhỏ. Tuy vậy hiệu quả đối với nền kinh tế lại rất lớn, nó huy động được hàng chục nghìn tỷ đồng vốn từ tiền nhàn rỗi và cả từ những tiết kiệm tiêu dùng để chuyển sang đầu tư kinh doanh, từ sở hữu bị ăn mòn thành sở hữu sinh lợi. Điều này là có lợi cho không chỉ đối với những cá nhân tham gia vào quan hệ này mà có lợi chung cho nền kinh tế, cho quốc gia. Một nền kinh tế tăng trưởng và tiêu thụ mang tính thụ động được biến thành nền kinh tế tiêu dùng tích cực. Đương nhiên điều này có được là do cơ chế thị trường đã phát triển đến một trình độ nhất định, chế độ kinh tế xã hội đã tạo ra điều kiện khách quan cho tự do kinh doanh.



### 3.2.2. Thông tin khoa học về hệ tư tưởng kinh tế

Thông tin khoa học về tư tưởng kinh tế Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh - một nội dung quan trọng đối với tạo nền tảng tư duy và lý luận khoa học, tiền đề cho định hướng phát triển kinh tế xã hội ở nước ta hiện nay.

Trong thời kỳ trước khi đổi mới, hệ tư tưởng kinh tế mác-xít gần như chiếm vị trí thống trị tuyệt đối trong xã hội Việt Nam. Đó là hệ tư tưởng kinh tế theo tư tưởng cộng sản, xã hội chủ nghĩa. Nội dung cơ bản của nó tư tưởng xây dựng nhanh chế độ sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất, dưới hai hình thức toàn dân và tập thể, mà trong đó hình thức cao là sở hữu toàn dân; phương pháp quản lý là kế hoạch hóa kinh tế quốc dân thống nhất, tập trung; phân phối tư liệu tiêu dùng theo lao động và kết hợp với phân phối tăng dần phúc lợi xã hội. Nhược điểm lớn của nó là quá sớm trong việc thủ tiêu kinh tế tư nhân các loại, đặc biệt là kinh tế tư nhân vừa và nhỏ, xây dựng hệ thống quan hệ sản xuất vượt trước trình độ lực lượng sản xuất, không sử dụng đúng đắn quan hệ thị trường, quan hệ hàng hóa - tiền tệ, không chú ý đúng mức khuyến khích lợi ích cá nhân mà lại nặng về phân phối bình quân; quản lý kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp, quan hệ xin cho. Xây dựng một cơ cấu kinh tế khép kín (yêu cầu tự chủ về kinh tế mà không tính đến quan hệ thị trường thế giới, ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách không hợp lý, không coi trọng đúng mức vai trò của nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, cơ cấu kinh tế ngành và vùng không hợp lý v.v...).

Tuy nhiên, sai lầm bao quát là tư duy kinh tế tập trung phi thị trường đầy tai hại. Nó có nhiều tích cực nhưng chỉ phù hợp với điều kiện thời chiến.

Hệ tư tưởng kinh tế như vậy đã được đổi mới bằng tư duy kinh tế mới do Đại hội Đảng lần thứ VI đã đề ra. Đã có những thay đổi như: có tư duy biện chứng cao hơn về chủ nghĩa xã hội và nền kinh tế quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nhận thức lại mục tiêu, bản chất của chủ nghĩa xã hội, con đường biện chứng đi lên chủ nghĩa xã hội, mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất là xây dựng quan hệ sản xuất mới phải trên cơ sở sự phát triển hiện thực của lực lượng sản xuất, tức quan hệ sản xuất phải phù hợp với yêu cầu phát triển của LLSX chứ không phải để duy trì QHSX lạc hậu, kìm hãm hoặc để QHSX vượt trước LLSX (cũng là kìm hãm); nền kinh tế

nhiều thành phần trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, tính chất xã hội chủ nghĩa được biểu hiện ở hiệu quả kinh tế chung của xã hội, của đất nước, gắn lợi ích quốc gia với lợi ích các tập thể, với lợi ích các chủ thể, với các cá nhân, để mọi thành phần mọi cá nhân tham gia đều có lợi, đảm bảo kinh tế phát triển, cải thiện được đời sống mọi người, tức là "Xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh". (Văn kiện Đại hội X, tr.68). Một nội dung rất cơ bản của tư duy kinh tế mới mang tính Mác - Lênin là vận dụng thị trường trong phát triển kinh tế, hay tức là phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Điều chủ yếu của vận dụng Tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế là tính hiệu quả, tính nhân văn kinh tế. Thực ra kinh nghiệm thế giới đã có ở Nam Tư trước kia, đặc biệt là kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa của Trung Quốc, nhưng tư duy kinh tế thị trường của Đảng ta có điểm khác. Đó là ở điểm "định hướng xã hội chủ nghĩa". Nó được hình thành từ Đại hội VII của Đảng, được bổ sung và hoàn thiện ở Đại hội VIII rồi được đúc kết ở Đại hội IX và được khẳng định lại ở Đại hội X.

Tư duy kinh tế theo tinh thần của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là một giải pháp mang ý nghĩa phương pháp luận cơ bản, có tính ý thức hệ trong tư duy kinh tế đối với sự phát triển ở nước ta hiện nay.

Hiểu bản chất các luận điểm, nguyên lý trong tư tưởng của Mác, Ăngghen, Lênin, Hồ Chí Minh là vấn đề không dễ. Thông tin khoa học đang đứng trước một thách thức là nhiều khi trong cách này hay cách khác người ta chỉ nhấn mạnh đến tính tư tưởng, ý thức hệ chính trị của chủ nghĩa Mác - Lênin, xem nhẹ hoặc hiểu sai những kết luận mà Mác - Ăngghen và Lênin đã nêu, mà thực chất tư tưởng khoa học của họ ngày nay vẫn còn đúng đắn, còn có ý nghĩa dẫn dắt tư duy cho phát triển. Ngay cả nhiều cán bộ khoa học cũng chế giễu luận điểm của Mác về sự phủ định của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa bằng phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa. Thực tế là nó diễn ra rất vòng vo và phức tạp nhưng đã và đang có quá trình đó, nó cũng đang thành công (còn rất hạn chế) ở nhiều nơi trên thế giới. Luận điểm của Lênin về chủ nghĩa đế quốc, rằng đó là "chủ nghĩa tư bản rầy chết", xét về mặt khoa học và thực tế vẫn đúng. Ngay cả các nhà tư tưởng tư sản cũng đã phải đưa ra các khái niệm như xã hội hậu công nghiệp, xã hội thông tin và thậm chí gần

đây còn xuất hiện khái niệm "xã hội hậu kinh tế" ở Phương Tây, cũng nói lên rằng chủ nghĩa tư bản đã phải chết theo cái nghĩa biện chứng, tức là nó bị phủ định, nó bị thời đại vượt qua theo như cách diễn đạt của Robert Hue, cựu Bí thư toàn quốc Đảng cộng sản Pháp.

Tư duy kinh tế trước hết là tư duy tổng thể. Đó là nền tảng khởi nguồn cho sự phát triển. Nền kinh tế chúng ta sẽ đi về đâu. Như vậy thông tin khoa học có một nhiệm vụ rất lớn hiện nay phải làm cho tư tưởng kinh tế Mác - Lênin và Hồ Chí Minh chi phối được tư duy kinh tế xã hội. Trong các trường đại học hiện nay vẫn đảm bảo vị trí của kinh tế chính trị học Mác - Lênin nhưng cái thế và cái uy của nó bị giảm do có sự lên ngôi của các môn kinh tế học thị trường khác. Nguyên nhân là công tác giáo dục lý luận Mác - Lênin không đáp ứng được sự vận động của thời đại và thực tiễn, không hiểu và truyền thụ được tính tư tưởng và tính khoa học đích thực của kinh tế chính trị học Mác - Lênin và các bộ môn khoa học Mác - Lênin. Và do đó có sự nhạt nhòa trong tư duy và hiểu biết về tư duy kinh tế Mác xít. Điều này sẽ dẫn đến những sai lầm ý thức hệ trong chính trị và kinh tế. Vì thế thông tin khoa học hiện nay có một nhiệm vụ quan trọng là góp phần trực tiếp tạo ra hệ quan điểm khoa học theo tinh thần chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong tư duy kinh tế. Nó tạo ra tư duy mang tính chi phối đối với toàn bộ tư duy kinh tế nói chung.

Để góp phần hình thành ý thức hệ, tư duy theo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh cần phải phải phân luồng TTKH chính trị:

- Phân luồng theo cấp độ quản lý, nghĩa là phân theo đối tượng cần được nhận thông tin, chẳng hạn cơ quan lãnh đạo cấp cao khác với cơ quan cấp dưới, cơ quan khoa học khác với cơ quan quản lý chính trị - hành chính.

- Phân theo nội dung chuyên môn: thí dụ TTKH triết học với đối tượng cán bộ lãnh đạo lý luận khác với đối tượng chỉ đạo thực tiễn, TTKH xây dựng Đảng lại cần cho các đối tượng gần như ít phân biệt hơn. Tuy nhiên tùy theo đối tượng mà người thì cần được thông tin lĩnh vực này nhiều hơn lĩnh vực kia và ngược lại.

- Phân theo cấp độ nội dung TTKH. Tùy theo từng đối tượng để có nội

dung khoa học phù hợp, cán bộ lãnh đạo thiên về chỉ đạo công tác lý luận thì phải được cung cấp thông tin, tài liệu một cách chi tiết bao gồm từ những tài liệu gốc và đầy đủ. Đối với cán bộ lãnh đạo quản lý thì lại cần những điều kiện đã được xử lý, vì họ thường cần nắm những thông tin mang tính kết luận mà không cần nhiều luận giải. Do vậy các TTKH cho các đối tượng khác nhau thì cấp độ nội dung của TTKH phải khác nhau. Trên lĩnh vực chỉ đạo đường lối cũng phải có những thông tin.

TTKH về tư tưởng lý luận có vai trò tạo động lực về ý thức tinh thần cho hoạt động kinh tế, động lực đó dựa trên cơ sở có gốc rễ khoa học, nó tạo ra tư duy lành mạnh về mục tiêu, biện pháp hoạt động kinh tế. Thí dụ, Việt Nam gia nhập WTO như thế nào, có thực hiện cổ phần hóa hầu hết các doanh nghiệp nhà nước không, có cho phát triển kinh tế tư nhân một cách rộng rãi không? v.v... phân tích, luận giải rõ những điều đó sẽ là định hướng tư tưởng cho các hoạt động kinh tế của các nhà đầu tư, đặc biệt là đầu tư tư nhân trong nước.

Ngày nay, trong một điều kiện mới của sự phát triển tư duy kinh tế mới, ở vào thời đại mà người ta gọi bằng những khái niệm khác nhau như xã hội thông tin, nền kinh tế thông tin, nền kinh tế tri thức hay xã hội hậu công nghiệp, và đã xuất hiện khái niệm gọi là xã hội hậu kinh tế. Như vậy đã hé mở ra một ý tưởng nhân văn mới về hoạt động kinh tế. Loài người đang hướng hành vi kinh tế về phía nhân văn. Do vậy khi đưa các thông tin về kinh tế cũng phải hướng đến sự nhân văn hóa các hoạt động kinh tế.

Thông tin những nhận thức lý luận mới về tư duy thời đại, chẳng hạn nhà nước thông tin về sự điều chỉnh hệ tư tưởng của các Đảng cầm quyền trên thế giới. Chúng ta không thể cứng nhắc trong nhận thức lý luận và tư tưởng. Hãy để cho hệ tư tưởng và lý luận nằm trong sự vận động cùng với sự phát triển của khoa học và công nghệ của tư duy xã hội, quan niệm mới về con người, những thay đổi về tương tác lẫn nhau giữa các hệ tư tưởng v.v... Tất cả đang tạo ra những nhân tố ảnh hưởng đến tư duy chúng ta, đến việc hình thành hệ quan điểm thích ứng mới đối với hệ tư tưởng của chúng ta.

Quan niệm chính trị được sinh ra từ hệ tư tưởng là yếu tố tiên quyết định hướng cho sự phát triển kinh tế. Trong khoảng 10 năm trở lại đây, trên

diễn đàn thông tin khoa học chính trị quốc tế đã có nhiều công trình lý luận, nhiều bài viết nói về "con đường thứ ba", các "con đường thứ ba" của phát triển xã hội mà trọng tâm là tăng trưởng kinh tế có hiệu quả và giải quyết các vấn đề xã hội, các quan hệ về sở hữu, thị trường và nhà nước. Các chính đảng cầm quyền ở các nước khác nhau đều phải tìm cách duy trì củng cố sự lãnh đạo, củng cố sự cầm quyền vì giai cấp của mình, đều cần phải tìm ra được phương thức tối ưu để vừa cầm quyền vừa phục vụ cho lợi ích giai cấp của Đảng cầm quyền, lại được quần chúng đông đảo ủng hộ. Vì thế mà đã có những "con đường thứ ba" khác nhau: con đường thứ ba của T. Blair và Công đảng Anh, con đường thứ ba của Đảng dân chủ xã hội Thụy Điển, con đường thứ ba của Trung Quốc.

### ***Yêu cầu đối với thông tin khoa học về chính trị - tư tưởng***

1. Định hướng TTKH về tư tưởng nhằm một nội dung, mục đích của nó là phục vụ cho sự phát triển nền kinh tế có hiệu quả toàn diện.

Coi nhiệm vụ hàng đầu của TTKH tư tưởng là phục vụ trực tiếp cho công tác tư tưởng, lý luận nhưng phải nhằm vào nhiệm vụ trung tâm của Đảng là phát triển kinh tế.

Phải làm rõ hơn tính khoa học của đường lối kinh tế của Đảng, phải làm cho toàn xã hội ở các cấp độ khác nhau, các tầng lớp nhân dân và các bộ phận hay khu vực khác nhau hiểu rõ được sự đúng đắn của chủ trương "dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ và công bằng, văn minh và hạnh phúc".

Tạo ra một động lực tư tưởng, tinh thần mạnh mẽ, đoàn kết và thống nhất vì sự phát triển kinh tế với tốc độ cao và có hiệu quả. Động lực tinh thần là một yếu tố của phát triển nói chung và phát triển kinh tế nói riêng. Tư tưởng tinh thần không chỉ là nằm ở các sinh hoạt chính trị mà nó đi vào đời sống kinh tế xã hội. Khi tư tưởng bám rễ, thấm thấu vào đời sống xã hội thì trở thành một sức mạnh kinh tế đặc biệt. TTKH tư tưởng tạo ra sự ổn định tư tưởng niềm tin của xã hội, tạo ra sự an tâm của mọi người, mọi chủ thể hoạt động kinh tế, để họ hướng mọi nỗ lực vào hoạt động sản xuất - kinh doanh có hiệu quả. Nhưng để có được điều đó thì công tác thông tin - khoa học về tư tưởng văn hóa phải góp phần tạo niềm tin khoa học vào đường lối chính sách của Đảng và Nhà

nước. Tư tưởng chính trị, tư tưởng kinh tế được thông tin có căn cứ khoa học sẽ là chỗ dựa tinh thần và là động lực thúc đẩy các hoạt động kinh tế.

2. Định hướng mục đích giá trị chân chính cho các hoạt động kinh tế, để các hoạt động kinh tế mang tính nhân văn cao.

Sự hoạt động kinh tế được hướng dẫn bởi lợi ích kinh tế nhưng xuất phát điểm của hoạt động kinh tế trên một chừng mực nhất định còn được chi phối bởi các mục tiêu tinh thần. Thí dụ như một nhà doanh nhân nào đó có vốn, người đó có thể đầu tư vào các lĩnh vực khác nhau, có thể đầu tư ở địa phương khác nhưng lại đưa vốn về quê để lập doanh nghiệp, tìm cách sản xuất và kinh doanh tại quê mình để thu hút lao động nhân rỗi ở quê, tạo việc làm cho bà con quê hương, như vậy là có sự mục đích lợi nhuận (kinh tế) kết hợp hài hòa với mục tiêu đạo đức (tinh thần). Nhiều khi mở doanh nghiệp ở quê hương có thể chưa rõ ràng về hiệu quả kinh tế nhưng nhà doanh nghiệp vẫn quyết tâm do mục đích tinh thần chi phối. Một ví dụ khác, cũng là doanh nghiệp tư nhân nhưng có người thuần túy vì lợi ích kinh tế còn người khác lại muốn kết hợp trong đó mục tiêu văn hóa doanh nghiệp. Hiện nay ở nước ta, có những doanh nghiệp tư nhân nhưng vẫn đảm bảo được đời sống vật chất tinh thần khá ổn định giống như ở doanh nghiệp nhà nước (cùng kiểu loại và môi trường) về thu nhập, chế độ lao động, bảo hiểm, văn hóa - xã hội trong cơ quan.

Do đó thông tin khoa học phải cố gắng giúp được doanh nhân cũng như người lao động, dù là lao động làm thuê cũng phải vì sự tiến bộ của doanh nghiệp, có được ý thức kết hợp hài hòa giữa mục đích kinh tế với mục đích tinh thần, đạo đức và văn hóa - xã hội. Quan hệ giữa kinh tế (vật chất) với đạo đức (tinh thần) trong điều kiện khoa học công nghệ và trình độ xã hội loài người hiện nay đã có những bước phát triển, tiến hóa cách rất xa với mấy trăm năm trước, thậm chí cứ 50 năm thì đã khác nhau xa. Vì thế tính nhân văn của kinh tế ngày càng tăng cùng với trình độ chung. TTKH phải góp phần giải quyết mối quan hệ hài hòa giữa cá nhân với cộng đồng, giữa kinh tế TTKH góp phần đấu tranh chống tiêu cực cản trở sự phát triển kinh tế.

Điểm chủ yếu nhất, có tính quyết định nhất là cán bộ chủ chốt. Ở mỗi cấp, mỗi nơi có những cán bộ chủ chốt đứng đầu và ở hàng đầu thật sự trong sạch, thật nghiêm minh thì chắc chắn đã và sẽ không có tham nhũng. Có khi

người đứng đầu không tham nhũng nhưng lại nể nang và đặc biệt là sợ "mất ghế" nên không kiên quyết hành xử, không triệt để đấu tranh. Người đứng đầu phải trong sạch và gương mẫu với cấp dưới. Như vậy cái gốc để chống tham nhũng là cái nền tảng đạo đức của mỗi cán bộ, mà trước hết là cán bộ chủ chốt. Vụ PMU 18 cho thấy, ở đây có nhiều người không tham nhũng nhưng lại trục lợi, lại gửi người thân vào đây làm việc. Đó cũng là một phiên phức phổ biến của thực trạng xã hội. Cái truyền thống xấu: "một người làm quan cả họ được nhờ" của xã hội phong kiến đã được CNXH hóa, cần phải dẹp bỏ. Bài học nhỏ: Cần phải xây dựng nền nếp gia phong mới. Con em bất cứ gia đình nào, kể cả cán bộ cũng nên bình đẳng với nhau trước mọi cơ hội. Chừng nào còn hiện tượng lợi dụng chức quyền để ảnh hưởng, dù chỉ là xin việc làm cho người thân, cho bạn bè, đều tích tụ và lớn lên thành tham nhũng.

Căn bệnh tham nhũng hệ thống, tham nhũng tập thể đang rất phổ biến: Các khu vực, các bộ phận, các địa phương, các nhóm tạo ra thu nhập cao hơn mức bình thường, không phù hợp với luật pháp hoặc luôn lách luật pháp.

Báo động tư tưởng cho KHCCN phải mạnh mẽ hơn nữa với vai trò là yếu tố tiên phong của lực lượng sản xuất, nền tảng chất xám của sự phát triển vật chất ( ở đây vật chất lại phải dựa trên ý thức).

Báo động về vai trò đóng góp của KHCCN đối với sự phát triển kinh tế, ở nước ta cũng là một chủ đề cần đặt ra trước dư luận. Trong chiến lược phát triển khoa học - công nghệ của Trung Quốc đến năm 2020, họ đã đặt ra mục tiêu là ngành này phải đóng góp trên 60% tổng mức tăng trưởng của nền kinh tế. Ở nước ta có nhận định khoa học công nghệ đóng góp 30% tăng GDP, cũng có dự báo chỉ dưới 10%, Trung Quốc dự định phải làm chủ trên 70% về KHCCN, còn dựa vào nước ngoài phải dưới 30%. Như vậy ở nước ta phải đặc biệt lưu ý đến tình hình này. Chủ động phấn đấu để từng bước tự chủ về khoa học công nghệ. Một số nước có hoàn cảnh không thuận lợi như Việt Nam, cách đây khoảng 50 năm, chẳng hạn như đã nêu về Hàn Quốc, nhưng do họ có cách đi phù hợp, có hiệu quả nên nay họ đã tự chủ được khoa học - công nghệ, vươn lên trình độ tương đương với trình độ quốc tế, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

Sự đóng góp vào tăng trưởng kinh tế hiện nay cần phải được nâng cao

năng lực thông tin khoa học về quan điểm, đường lối của Đảng phục vụ sự phát triển kinh tế.

Trong xã hội hiện đại, thông tin được coi là nguồn lực quan trọng để phát triển. Thông tin là cơ sở của nghiên cứu khoa học, là công cụ của lãnh đạo và quản lý, là nhân tố không thể thiếu trong hoạt động kinh tế cũng như trong đời sống xã hội. Các thông tin về chính trị, xã hội và kinh tế giúp con người có định hướng đúng, làm chủ được đời sống của mình và thực hiện đầy đủ trách nhiệm, quyền hạn của người công dân. Thông tin đúng đắn và chính xác bao giờ cũng đem lại trật tự và sự phát triển ổn định cho tổ chức, xã hội.

Thông tin khoa học về quan điểm, đường lối của Đảng có vai trò quan trọng trong quá trình xây dựng, tuyên truyền và phổ biến chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Nó góp phần hình thành các luận cứ lý luận và thực tiễn của chiến lược và nhất là đối với việc tuyên truyền, phổ biến, cụ thể hóa nội dung cơ bản của chiến lược, đưa chiến lược vào cuộc sống.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội sẽ không cơ sở cơ sở lý luận và thực tiễn, nếu như thiếu những hiểu biết cần thiết về kinh nghiệm phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, về các mô hình phát triển trên thế giới và trong khu vực, và nhất là thiếu những dự báo về nguồn lực có thể huy động cho phát triển, về các biến động kinh tế, chính trị, an ninh khu vực và quốc tế. Chiến lược cũng không có ý nghĩa là "tầm nhìn" của một quá trình phát triển mong muốn và sẽ thiếu mất sự nhất quán trong các biện pháp tổ chức thực hiện, không thể trở thành cơ sở cho việc hoạch định các kế hoạch phát triển trung hạn và ngắn hạn, nếu như các quan điểm phát triển không được quán triệt và thể hiện nhất quán trong xác định hệ thống các mục tiêu, định hướng phát triển các ngành kinh tế và các vùng, cũng như trong lựa chọn các giải pháp về cơ cấu kinh tế, về cơ chế - chính sách bảo đảm tính khả thi cho chiến lược, cùng các biện pháp tổ chức thực hiện, đưa chiến lược vào cuộc sống.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội chỉ có thể thực hiện thành công trong cuộc sống khi nó được quán triệt sâu sắc đến các ngành, các cấp, đến từng nhiều dân, tạo nên sự thống nhất ý chí và hành động trong toàn Đảng, sự đồng thuận trong xã hội, phát huy được mọi tiềm năng, mọi nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.



Xét về mặt quản lý kinh tế, nếu coi sự phát triển của nền kinh tế như một quá trình được tổ chức và quản lý, không ngừng được điều chỉnh bằng các quyết định, thì thông tin về quan điểm, đường lối của Đảng phục vụ cho việc ra quyết định, thực hiện quyết định và kiểm tra kết quả các quá trình thực hiện quyết định trong đời sống. Nó giúp cho các cơ quan quản lý làm tốt việc tập hợp, vận động mọi người, mọi thành phần, mọi bộ phận trong xã hội để huy động mọi tiềm năng, sức mạnh của đất nước, sử dụng có hiệu quả những thời cơ có lợi, thúc đẩy kinh tế tăng trưởng và phát triển bền vững.

Trong thời kỳ đổi mới, công tác thông tin khoa học về quan điểm, đường lối của Đảng đã đạt được những thành tựu đáng kể. Đã cung cấp những thông tin góp phần hình thành cơ sở lý luận và thực tiễn của những chủ trương, chiến lược phát triển kinh tế của Đảng. Đã tham gia phân tích, lý giải căn cứ khoa học các quan điểm, chủ trương kinh tế của Đảng trong các lĩnh vực kinh tế, giúp cho các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân hiểu được tinh thần nội dung các quan điểm, chủ trương, chiến lược, góp phần đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống.

Công tác thông tin khoa học đã luôn bám sát thực tiễn đang vận động hàng ngày, phân tích hiệu quả mặt kinh tế - xã hội của mỗi chủ trương, chính sách kinh tế, phát hiện và giới thiệu mô hình làm kinh tế giỏi trong các thành phần kinh tế ở tất cả các lĩnh vực trên mọi miền của đất nước. Thông qua hoạt động thực tiễn, công tác thông tin khoa học đã chứng minh tính đúng đắn của các quan điểm, đường lối kinh tế của Đảng ta; đồng thời phát hiện những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn để đề xuất, kiến nghị, giúp cho cơ quan chức năng có thêm các căn cứ để điều chỉnh, bổ sung kịp thời. Như vậy, công tác thông tin khoa học không những đã góp phần tích cực đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống, mà còn đưa cuộc sống vào nghị quyết.

Cùng với chính sách đối ngoại rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa, Đảng ta thực hiện nhất quán chính sách tạo môi trường thuận lợi để thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Trong những năm qua, chúng ta đã bổ sung, điều chỉnh luật đầu tư nước ngoài, tạo cơ sở pháp lý và ban hành những chính sách thông thoáng để khuyến khích các đầu tư nước ngoài. Trong lĩnh vực này trong những năm qua, chúng ta đã thu hút những kết quả quan trọng. Các cơ

quan thông tin nói chung, đặc biệt là cơ quan thông tấn, báo chí nói riêng là kênh thông tin quan trọng, giới thiệu với bạn bè thế giới và với các nhà đầu tư nước ngoài chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước ta về đầu tư nước ngoài, giới thiệu những thành tựu của công cuộc đổi mới, phản ánh những thay đổi trên tất cả các lĩnh vực, xóa đi định kiến sai lầm hoặc những mặc cảm của một số người nước ngoài đối với Việt Nam. Qua những thông tin đó, các nhà đầu tư nước ngoài yên tâm vào nước ta kinh doanh. Như vậy, công tác thông tin, tuyên truyền đã gián tiếp hoặc trực tiếp góp sức vào việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Và hiện nay phải thông tin cho họ hiểu và làm theo pháp luật Việt Nam.

Đảng ta xác định phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn hiện nay. Tinh thần đó được thể hiện tập trung các Văn kiện Đại hội X của Đảng. Công tác thông tin khoa học cần phải đi đầu trong thông tin tuyên truyền các quan điểm và nội dung đường lối kinh tế của Đảng, đưa đường lối kinh tế của Đảng đến với từng người, từng gia đình; giúp cho các cấp, các ngành, các địa phương nắm vững đường lối kinh tế của Đảng, từ đó vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của ngành, địa phương mình, phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội Đại hội Đảng đã đề ra.

Để nâng cao hiệu quả tác động đối với sự phát triển kinh tế, công tác thông tin khoa học về quan điểm, đường lối của Đảng cần chú ý một số vấn đề sau:

*Một là*, nội dung thông tin cần phải tập trung vào những vấn đề cốt lõi, những quan điểm mới được đề cập tới trong đường lối kinh tế và Văn kiện Đại hội X và các Nghị quyết Trung ương đã nêu, đồng thời chú trọng tới những vấn đề nổi cộm đang đặt ra trong thực tiễn. Chẳng hạn:

- Hiện nay kinh tế thị trường định hướng XHCN của ta đang gặp thuận lợi khó khăn gì ?

- Kinh nghiệm xây dựng kinh tế thị trường các nước, chú ý tới kinh nghiệm xây dựng kinh tế thị trường của Trung Quốc;

- Thông tin về các loại thị trường;

- Vấn đề cổ phần hóa doanh nghiệp sao cho đúng mục đích, có hiệu quả kinh tế và xã hội;

- Về thành phần kinh tế tư nhân, vấn đề đảng viên làm kinh tế tư nhân phải rõ ràng hơn;

- Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức là như thế nào? Chúng ta xây dựng nền kinh tế tri thức với bước đi thế nào cho phù hợp với thực tiễn nước ta;

- Hội nhập kinh tế quốc tế: Những thách thức, những thuận lợi và khó khăn, cạnh tranh v.v...

*Hai là, công tác thông tin khoa học phải hết sức coi trọng việc tham gia tổng kết thực tiễn.*

Khi vạch ra đường lối kinh tế và các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội 2006 - 2010 và đến năm 2020 là căn cứ vào khả năng yêu cầu phát triển của đất nước trên những nét chính. Các lĩnh vực kinh tế cụ thể từ xuất nhập khẩu, đầu tư nước ngoài, ngân hàng, tài chính tiền tệ, cơ chế quản lý, sự quản lý điều hành vĩ mô của nhà nước đều đang trong quá trình đổi mới, nhiều vấn đề còn đang phải tìm tòi hoặc phải tiếp tục hoàn thiện. Vì thế cần phải bám sát thực tiễn đang vận động hàng ngày, đi sâu vào những vấn đề bức xúc đang đặt ra để kịp thời cung cấp thông tin, phân tích lý giải những vấn đề mà xã hội quan tâm. Đồng thời giới thiệu các mô hình làm ăn có hiệu quả trong các thành phần kinh tế trên tất cả các lĩnh vực: ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, tìm kiếm và chiếm lĩnh thị trường nước ngoài, hợp tác giữa các thành phần kinh tế; mô hình kết hợp nông nghiệp với công nghiệp, nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ; mô hình kết hợp hài hòa giữa hiệu quả kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, giải quyết việc làm, giúp đỡ hỗ trợ người nghèo làm ăn; các điển hình của nhiều vùng, miền, ngành trong cả nước trong phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại, chăn nuôi gia súc, nuôi trồng thủy sản...

Làm tốt việc thu thập tình hình, thông qua thực tiễn để đúc rút kinh nghiệm thấy được mặt thành công và chưa thành công, những vấn đề gì đang đặt ra trong quá trình tổ chức thực hiện đường lối, đâu là điển hình nhân tố mới, những mặt trái cần phải xử lý, khắc phục. Đây là chiều thông tin rất quan trọng bởi lẽ thông tin, tuyên truyền quan điểm, đường lối của Đảng không chỉ là việc giải minh làm sáng tỏ đường lối mà phải làm cho Đảng thấy rõ đường

lối của Đảng đã được triển khai trong thực tiễn như thế nào, hiệu quả đến đâu, những vấn đề gì còn phải tiếp tục xử lý.

Như vậy, muốn thông tin, tuyên truyền tốt quan điểm, đường lối của Đảng, công tác thông tin khoa học phải tích cực tham gia tổng kết thực tiễn.

*Ba là*, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ làm công tác thông tin khoa học.

Đội ngũ cán bộ làm công tác thông tin khoa học về quan điểm, đường lối của Đảng phải thật sự là những chiến sĩ tiên phong trên mặt trận tư tưởng của Đảng, là những người có phẩm chất chính trị, có tính đảng cao, có lập trường, quan điểm đúng đắn, tuyệt đối trung thành với Đảng, có trình độ hiểu biết sâu sắc về lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về quan điểm, đường lối, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Đảng.

Cán bộ thông tin khoa học phải là người am hiểu chuyên môn nghiệp vụ, biết xử lý và khai thác tài liệu, năng động, sắc sảo, nhạy cảm nắm bắt vấn đề, biết lựa chọn thông tin trong một thế giới thông tin rất đa dạng và phức tạp. Đồng thời phải có trình độ tin học và ngoại ngữ, nhất là trong điều kiện công nghệ thông tin hiện đại và hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.

Các cơ quan thông tin cần phải coi trọng việc thâm nhập thực tiễn, quan hệ với các địa phương, tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ tìm hiểu vấn đề sâu hơn, nắm tình hình thực tiễn kỹ hơn.

*Bốn là*, tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật cho các cơ quan làm công tác thông tin khoa học. Các cán bộ thông tin phải được tạo điều kiện làm việc theo phương pháp hiện đại. Có như vậy mới phát huy hiệu quả cao của công tác thông tin.

### **3.2.3. Thông tin đổi mới về chiều sâu**

Đổi mới về chiều sâu chỉ là một cách diễn đạt mang tính biểu trưng để phân biệt hai đoạn của quá trình đổi mới. Đến một lúc nào đó chúng ta phải ngừng, không thể sử dụng khái niệm "đổi mới", mà chỉ dùng khái niệm phát triển. Đổi mới cục bộ là thường xuyên nhưng đổi mới tổng thể hay đổi mới chế độ là có tính giai đoạn, không thể luôn luôn đổi mới chế độ. Chế độ là của một thời kỳ, thời gian dài, thậm chí rất dài. Tất nhiên đến một thời gian sau đó

lại phải đổi mới tiếp lần nữa, khi mà chế độ đã cạn kiệt sức phát triển (ở đây là nói đổi mới chế độ xã hội nói chung).

*Đổi mới về chiều rộng* tức là chỉ mới mở ra một số phương diện cơ bản, các mặt cơ bản của tình hình, tức là thay đổi những nét chính của chế độ cũ sang chế độ mới (chế độ và hệ thống kinh tế, chế độ chính trị, văn hóa và xã hội, an ninh và quốc phòng, đối ngoại v.v)

*Đổi mới về chiều sâu* tức là sự hoàn chỉnh, tăng lên tính hiệu quả tính đồng bộ, tính toàn diện.

Nếu nói đơn giản thì đổi mới chiều sâu tức là quá trình hoàn thiện bổ sung, làm cho quá trình đổi mới được thể chế hóa đầy đủ. Để cho chế độ tự nó vận hành.

*Đổi mới kinh tế về chiều rộng* tức là đã phá bỏ cơ chế cũ, thay thế dùng cơ chế mới, nhưng đổi mới về chiều sâu phải đi sâu đổi mới căn bản các nội dung cụ thể, đảm bảo hài hòa các mặt:

- Chế độ sở hữu cá nhân;
- Chế độ sở hữu xã hội;
- Chế độ phân phối;
- Chế độ bảo hiểm XH, BHLĐ, BHYT v.v...;
- Bảo vệ môi trường.

*Đổi mới chính trị về chiều sâu* có nghĩa là thay đổi cơ bản về cơ chế phương thức vận hành của chế độ chính trị, tu chính, sắp xếp lại trật tự kết cấu, hoàn thiện không ngừng chế độ chính trị.

*Thông tin về thời đại là chìa khóa mở cửa cho mọi tư duy và cho đổi mới thông tin theo chiều sâu.*

Thời đại nào cũng vậy, xã hội tự mở đường đi cho mình, tự mở đường để tiến lên. Xã hội vận động không ngừng, thời đại tự nó đến và tự nó đi. Không ai vượt quá được thời đại của mình, mặc dù người thiên tài có thể dự đoán được một số nét của tương lai, nhưng không thể bày đặt chi tiết cho tương lai (Ph.Ăngghen), xã hội có thể đi vòng vèo, có thể có bước tiến rồi lại

có lười cục bộ nhưng rồi xã hội tức là nhân loại sẽ cũng lựa chọn được hình thức thích hợp ở mỗi thời đại và đi lên.

Không nhận thức được thời đại và hành động không phù hợp với thời đại là một tội lỗi, anh hùng làm nên lịch sử chính là nhận thức và hành động phù hợp với yêu cầu tiến lên của lịch sử. Hội nghị Trung ương 3 khóa X đã quyết định hợp lý hóa tổ chức bộ máy của BCH TW Đảng, điều mà chỉ hiện nay Trung ương Đảng mới có thể làm được. Trước đây ai cũng nghĩ, cũng biết mà không làm nhưng thế hệ lãnh đạo cao cấp của Đảng hiện nay kiên quyết làm. Đây chính chính là tính quy định của thời đại và các cá nhân đóng vai trò đó phải thể hiện.

Thông tin khoa học phục vụ cho việc hoàn thành công cuộc đổi mới. Có thể nói hơn hai mươi năm đổi mới nước ta về cơ bản đã đổi mới, đổi mới một cách đồng bộ về cả các mặt kinh tế và chính trị. Tuy vậy công cuộc đổi mới chưa kết thúc. Riêng trong lĩnh vực kinh tế những đổi mới mà ai cũng dễ dàng nhận thấy về bề nổi, nhưng phân tích về chiều sâu chúng ta cũng thấy đã có những thay đổi căn bản. Nền kinh tế với hai thành phần kinh tế toàn dân và kinh tế tập thể gần như chiếm vị trí tuyệt đối biến thành nền kinh tế nhiều thành phần, trong đó thành phần kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng đóng vai trò chủ đạo. Công cuộc đổi mới kinh tế ở nước ta đã đạt được những thành quả quan trọng. Tuy vậy những vấn đề mà TTKH cần phải góp phần thúc đẩy:

- Thông tin những tìm tòi khoa học để làm rõ hơn thế nào là kinh tế thị trường định hướng XHCN;

- Nội dung chủ đạo của kinh tế nhà nước về kinh tế tập thể;

- Chế độ kinh tế như thế nào để vừa đảm bảo thực hiện tăng trưởng kinh tế lại đồng thời thúc đẩy tiến bộ và công bằng xã hội;

- Làm thế nào để vừa vận dụng được vốn nước ngoài, khoa học – công nghệ cao mà thế giới với phát huy có hiệu quả nguồn lực ở trong nước, với phương châm: nội lực là chủ yếu và ngoại lực là quan trọng;

- Tính hài hòa, bền vững trong phát triển, giữa trước mắt với lâu dài v.v...

*Thông tin theo chiều sâu là thông tin có tính phân tích.*

Khi phân tích xác định những yếu tố tăng trưởng, tìm rõ nguyên nhân là cách tốt nhất giúp cho các cơ quan và cán bộ lãnh đạo, những người làm kế hoạch vĩ mô cũng như vi mô, dài hạn cũng như tác nghiệp. Yếu tố tăng trưởng của kinh tế Việt nam hiện nay là do đâu? Theo một số nhà phân tích thì tăng trưởng của Việt Nam vừa qua chủ yếu là do tăng vốn đầu tư, yếu tố xuất khẩu không phải là chủ yếu vì chúng ta đang nhập siêu. Để đảm bảo cho tăng trưởng thì phải dựa vào các yếu tố khác như: tăng hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, tăng hiệu quả xuất khẩu, tăng tiêu dùng trong nước, đặc biệt chú ý đến tăng các yếu tố dẫn đến tăng giá trị gia tăng. Bản chất của kinh tế xuất khẩu nước ta hiện nay là xuất khẩu công nghiệp gia công, tức là nhập máy móc và nguyên liệu (trừ nông thủy sản), cộng với lao động trong nước và chủ yếu là dựa vào công nghệ nước ngoài để tạo ra sản phẩm xuất khẩu, chẳng hạn như các mặt hàng dệt may, giày dép, điện tử. Vì vậy dù có tăng GDP với tốc độ cao mà phần giá trị gia tăng thấp thì ý nghĩa kinh tế cũng thấp, ngược lại nếu tăng GDP thấp mà giá trị gia tăng cao thì vẫn hiệu quả hơn. Năm 2005 tỷ lệ huy động vốn đầu tư cho phát triển của nước ta chiếm 40% GDP, ở mức rất cao. Tuy nhiên nếu có thông tin sâu hơn thì thấy rằng hiệu quả đầu tư không cao. Hiệu quả đầu tư thể hiện tương quan giữa tăng vốn với tăng GDP, ở chỗ cứ tăng lên 1% GDP thì cần tăng bao nhiêu % vốn đầu tư, nếu tăng vốn càng ít thì chứng tỏ càng hiệu quả.

Công thức tính thông thường tính hiệu quả kinh tế là:

$$\text{Hiệu quả vốn đầu tư} = \frac{\text{Tỷ lệ vốn đầu tư so với GDP}}{\text{Tỷ lệ tăng trưởng GDP}}$$

Như vậy hiệu quả đầu tư của nước ta năm 2005 là: 40% chia cho 8% bằng 40:8 = 5 lần, nghĩa là tăng được 1% GDP thì mức độ vốn đầu tư phải bằng 5% GDP, cao hơn năm 1996, (3,3 lần). Nó nói lên một thực tế là hiệu quả vốn đầu tư bị giảm đi. Nguyên nhân thì có nhiều nhưng có thể quy vào là khâu quản lý vĩ mô yếu kém, quy hoạch và kế hoạch kém, quy hoạch không đồng bộ, chông chéo, dàn trải. Nó gây ra trùng lặp công trình. Thí dụ như phong trào mía đường, tỉnh này xây dựng nhà máy đường thì tỉnh kia cũng làm theo, ở Hà Tĩnh, Quảng Bình, Thừa Thiên Huế đã phải chuyển nhà máy đường đi nơi khác và nông dân trồng mía đã phải khôn đốn. Một phần quy

hoạch là do kém tầm nhìn nhưng mặt khác vẫn chưa thoát ra khỏi tư duy kế hoạch cũ, vẫn bố trí chỉ tiêu theo kiểu bao cấp, xin cho dự án. Điều đó dẫn đến một số dự án, công trình chưa được thiết kế từ tổng thể đến chi tiết nhưng đã được duyệt, chưa có vốn nhưng đã thi công, gây nợ đọng cho các vị thi công. Như vậy là tiêu cực của cơ chế cũ lại cộng hưởng với tiêu cực của cơ chế mới.

Cần phải thông tin cho các cấp quản lý cũng như các nhà doanh nghiệp thấy rằng không chỉ đầu tư vốn mà phải đầu tư bằng trí tuệ, và đặc biệt là phải chú ý hiệu quả. Đồng thời phải phát triển trong mối quan hệ thị trường công khai, công bằng.

Nếu giá cả thực tế của cổ phiếu tăng vượt quá xa so với giá danh nghĩa của cổ phiếu do công ty phát hành chứng khoán thì nó sẽ xảy ra một sự phát triển ảo. Tức là công ty phát triển là do tăng giá cổ phiếu. Đến một thời điểm nào đó, vượt quá ngưỡng của sự tăng ảo thì sẽ dẫn đến giá cổ phiếu phải tụt xuống. Bởi vì, tổng giá trị thực của công ty không đảm bảo tương ứng với tổng giá cả cổ phiếu của công ty đó. Và do đó các "bong bóng chứng khoán" sẽ bị vỡ, nền kinh tế dễ bị khủng hoảng dây chuyền. Do vậy phải có dự báo và định hướng phân tích.

- Chuyển thông tin thành hành động. Đây là khâu cuối cùng của quá trình sử dụng thông tin. Các thông tin khoa học được trải qua nhiều khâu nhưng khâu biến thành lực lượng kinh tế mang tính hành động mới có ý nghĩa quyết định. Thông tin khoa học không chỉ là tri thức mang tính nhận thức mà phải được biến thành một sự vận động sản xuất và lưu thông. Thí dụ, thông tin về việc anh Hoàng Văn Thương (phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội) có sáng kiến về việc cải tiến giảm khí thải độc và khói khi đun than tổ ong. Thông tin đó là có ý nghĩa khoa học, kinh tế, thân thiện với môi trường nhưng nó chỉ có ý nghĩa khoa học và kinh tế đích thực khi được áp dụng rộng rãi. Xưởng sản xuất than tổ ong theo phương pháp được áp dụng, sản phẩm đã đem lại lợi ích kinh tế và môi trường, người tiêu dùng hoan nghênh.

Thông tin khoa học phải đến nơi đến chốn. Cách làm tuyên truyền trên Đài Truyền hình Việt Nam, với chuyên mục: "chuyện nhà nông" cũng là một cách



làm thông tin thiết thực, phổ biến kinh nghiệm đến thẳng với người lao động.

### **3.2.4. TTKH góp phần phát triển tư duy xã hội theo hướng tư duy khoa học, tư duy lành mạnh**

Đứng trước sự bùng nổ của thông tin, TTKH phải định hướng được tư duy kinh tế lành mạnh. Tư duy kinh tế lành mạnh được đề cập ở đây là tư duy khoa học, dựa vào khoa học, chứa đựng kiến thức và vận dụng được vào thực tiễn phát triển kinh tế, đảm bảo hiệu quả kinh tế. Một nhà quản lý giỏi của một doanh nghiệp thì phải đảm bảo cho doanh nghiệp đó hoạt động có hiệu quả, tức là sử dụng tổng hợp các yếu tố để phát triển doanh nghiệp, bao gồm từ khâu lập doanh nghiệp, cho đến vận hành và sử dụng các nguồn lực để phát triển v.v... tức là tư duy thuần túy về hiệu quả kinh tế cụ thể. Một nhà lãnh đạo tâm vĩ mô thì phải có một tư duy cao hơn, vượt trước xã hội. Khía cạnh thứ hai của tư duy kinh tế lành mạnh, đó là tư duy phát triển kinh tế hiệu quả gắn với đạo đức kinh tế. Sự phát triển có hiệu quả mà một người hay một tập thể không mâu thuẫn với sự phát triển của toàn thể cộng đồng, hơn thế nữa còn phải thúc đẩy sự phát triển của cộng đồng. Một doanh nghiệp nào đó trước mắt làm ăn có hiệu quả kinh tế cao nhưng gây ô nhiễm môi trường hay làm cạn kiệt tài nguyên môi trường thì đó không phải là tư duy kinh tế lành mạnh. Một doanh nghiệp hiệu quả kinh tế chưa cao nhưng thu hút được một số người khuyết tật, bảo đảm cuộc sống cho họ. Tư duy của người quản lý doanh nghiệp đó là tư duy kinh tế lành mạnh. Nói cách khác tư duy kinh tế lành mạnh là tư duy nhằm tạo ra của cải vật chất để vì con người, vì con người cộng đồng.

TTKH là thông tin có căn cứ khoa học, là đưa một tức nào đó với một khẳng định, một phân tích, lý giải bằng căn cứ khoa học. TTKH giúp cho quần chúng thấy được tính hợp lý của các hành động, tránh được các hành vi kinh tế phi lý. Thí dụ, ở nước ta gần đây có tin đồn rằng trầm hương và kỳ nam có giá trị rất cao. Ở miền Trung một số người “ngâm ngải tìm trầm”, để mong được nhanh giàu có nếu đi vào rừng sâu tìm kiếm được trầm hương, kỳ nam. Thậm chí một số nơi ở miền Trung đã trồng được 20.000 ha, tương đương với 20 triệu cây dó để tạo ra trầm hương. Thực tế, theo phân tích khoa học của PGS Đinh Xuân Bá, một chuyên gia hóa sinh về lĩnh vực này thì trên

thị trường quốc tế, giá cả chỉ 100 – 200USD/kg, trong lúc đó tin đồn là 40 - 50 nghìn USD/kg. Và do đó nhiều người đi buôn đã trúng lừa và lừa đây chuyên, làm nhiều người khuyh gia bại sản (Xem: Sự thật về trầm hương và kỳ nam, Báo An ninh thế giới, số 625 - 626, tháng 1/2007)

Thông tin KHCN là tạo ra các ý tưởng mới (có khi dù chưa chắc chắn) về sáng tạo để giúp cho một chính sách phát triển, thông tin về phương pháp áp dụng đổi mới, phương pháp đưa KHCN đi nhanh vào cuộc sống. Trong đó đặc biệt lưu ý đến một điều mà chúng ta đang rất quan tâm, là quá trình chuyển hoạt động nghiên cứu phát triển (NCPT) từ khu vực hàn lâm (cơ quan nghiên cứu khoa học) sang sản xuất, điều mà các nước công nghiệp mới (NICS) đã thực hiện rất thành công. Hàn Quốc đã cho một ví dụ rất thuyết phục. Cuối thập kỷ 1970, trong vòng khoảng 10 năm, ở Hàn Quốc nhiệm vụ NCPT của khu vực hàn lâm (khu vực các Viện Nghiên cứu) giảm từ 80% xuống còn 20%, đồng thời nhiệm vụ NCPT ở các doanh nghiệp lại tăng lên. Nó đã làm cho nhu cầu về áp dụng các kết quả nghiên cứu – thử nghiệm tăng lên, cũng có nghĩa là khoa học – công nghệ đi nhanh hơn vào đời sống, tính kinh tế hay hiệu quả của KHCN tăng lên.

TTKH kinh tế phục vụ cho nhiều đối tượng khác nhau và cho những nhu cầu khác nhau. Trong đó TTKH cho quản lý, lãnh đạo có một ý nghĩa quan trọng. Nó đóng vai trò dẫn dắt, nhiều khi có ý nghĩa như là một nhân tố quyết định hàng đầu cho thành công của phát triển nói chung và phát triển kinh tế nói riêng. Trong điều kiện hiện đại, tư duy lãnh đạo quản lý không chỉ thuần túy mang ý nghĩa kinh tế trực tiếp mà tư duy quản lý được hình thành trước tiên bằng tư duy triết học xã hội, bằng kiến thức nhân văn - chẳng hạn, muốn cho doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả lâu dài, bền vững thì phải có chính sách phát triển doanh nghiệp trên cơ sở kết hợp hài hòa lợi ích giữa chủ và thợ, giữa chủ hàng với bạn hàng, giữa mọi người trong doanh nghiệp, tư duy nhân văn không chỉ có như vậy mà còn phải xét lợi ích doanh nghiệp trong mỗi tương quan với môi trường xã hội, với môi trường sống.

Như vậy TTKH cho lãnh đạo, quản lý trước hết là phải dẫn dắt tư duy triết học xã hội, tư duy nhân sinh về kinh tế, chỉ trên cơ sở tư duy: mọi người tham gia vào cạnh tranh kinh tế là để cùng phát triển, cùng có lợi chứ không

phải triệt hạ lẫn nhau, không phải chỉ có người thắng thì phải có kẻ thua, mà thương trường ngày nay còn có cả cùng thắng và cùng thua. Vì thế mà mỗi khi có sự bất ổn kinh tế ở một nơi nào đó thì các ông chủ của thị trường hoàn cầu đều phải lo lắng - cuộc khủng hoảng tài chính - hồi tệ năm 1997 - 1998 ở Châu Á đã buộc các tổ chức tài chính quốc phải hỗ trợ cho một số nước khác phục hậu quả, để không gây ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế thế giới.

Thông tin cho lãnh đạo là thông tin đa chiều, chọn lọc nhưng không được né tránh. Thí dụ thông tin minh bạch về doanh nghiệp trước khi có cổ phần hóa. Không thể để tài sản doanh nghiệp và nhà nước bị thất thoát trước khi cổ phần hóa doanh nghiệp. Đó là tình trạng phổ biến ở các nước và đặc biệt là ở những nơi mà luật pháp và thi hành luật pháp lỏng lẻo. Ở Nga những năm dưới chính quyền B.Enxin, một khối lượng khổng lồ số tài sản quốc gia đã bị chuyển từ sở hữu sang các nhóm, các cá nhân vì họ gắn với chính quyền và cùng với các thủ đoạn tài chính. Ở nước ta, nhiều trường hợp định giá tài sản thấp, không tính hết giá trị hữu hình cũng như các giá trị doanh nghiệp (thương hiệu, đất đai, nhân lực v.v...) vào định giá tài sản doanh nghiệp khi cổ phần hóa. Thậm chí trước khi cổ phần hóa doanh nghiệp, lãnh đạo công ty tìm cách chuyển tài sản cho một số đối tác để trục lợi ngầm trong đó.

Thông tin về mô hình kinh tế sáng tạo cho quần chúng được biết, được hiểu là một yêu cầu TTKH đại chúng. TTKH góp phần hình thành tư duy kinh tế cho quảng đại quần chúng, hình thành tâm lý kinh tế thị trường. Có 2 nội dung căn bản làm nền tảng:

- Nội dung thị trường: Không bao giờ có lợi nhuận từ trên trời rơi xuống. Do đó phải có hoạt động theo khuôn khổ thị trường. Phải chấp nhận cạnh tranh, thắng hay thua.

- Nội dung đạo đức: đạo đức cũng là một nguyên tắc kinh tế, nó không thể là dựa dẫm, ăn bám hay cướp đoạt, phải hiểu sâu sắc "lao động là cha của mọi của cải"( W:Petty).

Hình thành tư duy kinh tế cho nhân dân là một vấn đề rất lớn và rất quan trọng đối với xã hội. Nó góp phần tạo nên một xã hội có sức mạnh tư duy kinh tế lành mạnh. Xã hội trong sự chuyển biến từ chủ nghĩa xã hội bao

cấp sang chủ nghĩa xã hội thị trường, từ CNXH kinh tế phân phối hiện vật sang CNXH kinh tế trao đổi, quan hệ giá trị, từ sự khép kín trong biên giới quốc gia hay khu vực sang quan hệ đa phương và toàn cầu hóa. Điều đó đòi hỏi TTKH về tư tưởng - văn hóa, về kinh tế v.v... trực tiếp *hình thành tâm lý kinh tế thị trường lành mạnh* cho mọi cá nhân.

TTKH phải góp phần tạo ra tâm lý ý thức dân tộc tự cường: dân tộc ta đã đấu tranh thắng lợi chống giặc ngoại xâm để giành được độc lập và tự do, nhưng để có được độc lập và tự do bền vững thì phải có kinh tế phát triển cao. Dân tộc có kinh tế yếu thì tiếng nói yếu và tiếng nói chính trị chỉ là đạo đức ngoại giao, tiếng nói thuyết phục trên trường quốc tế không cao. Một dân tộc thực sự ngang hàng với mọi quốc gia chỉ có thể khi có một thực lực kinh tế tương ứng với trình độ chung của thế giới. Động lực dân giàu, nước mạnh phải trở thành ý chí chung của toàn dân tộc

Biến nguồn lực thông tin khoa học thành nguồn lực kinh tế trực tiếp là vấn đề rất nan giải, khó khăn. Đó là một tiêu chí nhưng lại khó đo lường. Chuyển nguồn lực thông tin thành nguồn lực kinh tế trực tiếp chịu phụ thuộc vào nhiều yếu tố: năng lực cán bộ xử lý và cung cấp thông tin, cơ chế sử dụng tin, giá trị tin v.v.. Chỉ riêng về cơ chế sử dụng thông tin cũng đã là vấn đề lớn. Nó có được coi là một hàng hóa để có sự trao đổi mua bán hay không. Trên thực tế hiện nay các thông tin khoa học được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng, nó không phải là độc quyền của ai. Sử dụng thông tin trong trường hợp này là không mất tiền. Đây cũng là đặc điểm của thời đại kinh tế tri thức và công nghệ thông tin. Khi tri thức được xã hội hóa, việc sử dụng nó không thuộc về độc quyền của ai mà thuộc về khả năng tài năng khai thác, phụ thuộc vào năng lực xử lý thông tin, mặc dù sở hữu phát minh sáng chế hay sở hữu trí tuệ vẫn phải được tôn trọng.

Việc chuyển nguồn lực thông tin thành nguồn lực kinh tế trực tiếp tức là vận dụng các kết quả có được từ thông tin khoa học để đề ra các chính sách kinh tế cho từng thời kỳ, chiến lược và các kế hoạch kinh tế cụ thể. Thông tin khoa học chỉ có thể trở thành nguồn lực thực sự khi nó được sử dụng vào các nội dung chương trình cụ thể của phát triển kinh tế. Dưới các dạng và mức độ khác nhau, các kết quả từ nghiên cứu khoa học được các hoạt động thông tin

khoa học xử lý, vận dụng và áp dụng vào đời sống kinh tế và cần phải tính toán chi phí.

### **3.2.5. Thông tin khoa học phải thích ứng nhanh, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế trong thời kỳ mới khi nước ta là thành thành viên Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO)**

Điều đó có nghĩa là: thông tin phù hợp cho các đối tượng từ lãnh đạo đến các doanh nghiệp, người dân hiểu được quy chế, nguyên tắc, các điều luật của WTO. Đối với lãnh đạo, trước hết là lãnh đạo cấp cao, có được giải thích, thông tin về WTO để điều hành, lãnh đạo nền kinh tế đất nước sao cho vừa không mâu thuẫn với WTO, nhưng lại đảm bảo được sự tự chủ của quốc gia, đảm bảo vừa có lợi cho quốc gia nhưng lại được các đối tác chấp nhận. Như vậy chúng ta phải xem xét lại hệ thống chính sách quốc gia để đối chiếu, để so sánh để rồi điều chỉnh cho phù hợp với thông lệ mà vẫn giữ được chủ quyền và lợi ích quốc gia. Đó là vấn đề của yêu cầu quản lý vĩ mô, còn thông tin cho các ngành thì lại hướng đến cũng ở cấp vĩ mô nhưng chủ yếu là tìm lợi thế so sánh ngành hàng, sản phẩm - chú trọng cạnh tranh quốc gia về từng mặt hàng trên phương diện chung của cả nước. Và do đó phải đảm bảo thông tin cần thiết để thiết lập chiến lược quốc gia về ngành hàng, về sản phẩm. Đối với doanh nghiệp phải được thông tin để vừa tạo ra sản phẩm hàng hóa cụ thể, vừa phù hợp với chiến lược chung.

Ví dụ về ý nghĩa kinh tế của thông tin: nếu có tổ chức thông tin khoa học và tổ chức hợp lý việc lưu thông dược phẩm thì giá nhiều mặt hàng này sẽ giảm, có lợi cho người tiêu dùng và cả nhà sản xuất. Qua kiểm tra đầu tháng 5/2006 của Bộ Y tế đã phát hiện thuốc Difosfrn, điều trị chống loãng xương được nhập bởi Công ty Cổ phần Dược - thiết bị Y tế Hà Nội, sau một số khâu buôn bán trung gian và cuối cùng giá bán lẻ đã tăng lên gần 4 lần so với giá Công ty này bán buôn lần đầu (từ 123.810 đồng/hộp, quá 4 khâu trung gian đến tay người tiêu dùng đã tăng lên 480.000đ/hộp). Nếu có công khai bán thuốc thì chắc chắn người cung cấp sẽ nhiều hơn và các khâu trung gian cũng bị triệt tiêu. Có thể do bí mật thông tin về giá cũng có thể là cách nhà quản lý công ty độc quyền phân phối khống chế từ khâu cung ứng cho tới khâu bán lẻ.

Thông tin kịp thời rõ ràng, chính xác về WTO, có tính thuyết phục là

một yêu cầu của TTKH. Ví dụ, thông tin về việc nước ta gia nhập WTO, nó sẽ ảnh hưởng đến nền kinh tế cũng như đối với các nhà doanh nghiệp ra sao và đối với đời sống nhân dân v.v... Theo tính toán của Bộ Tài chính, khi gia nhập WTO, trong 5 năm tới, thuế nhập khẩu sẽ bị giảm, trong 10 - 20 năm tới sẽ xuống mức 0%. Trong giai đoạn 5 năm sau khi gia nhập WTO, mức thu thuế bị giảm 300 triệu USD, tương đương khoảng 4.800 tỷ đồng Việt Nam (theo tỷ giá hiện nay). Bình quân mỗi năm thu ngân sách giảm 1000 tỷ đồng từ thuế nhập khẩu. Các khoản thu lệ phí xuất khẩu cũng bị giảm. Từ đó Bộ Tài chính phải tính đến mở rộng diện thu thuế trong nước, mặc dù phải giảm thuế suất đối với một số loại thuế. Ở đây có nhiều vấn đề liên quan, nhiều nguồn có quan hệ với chính sách giảm thuế nhập khẩu. Nhiều khi có những tác động ngược chiều nhau. Khả năng để tăng cho ngân sách là tăng sản xuất trong nước về những mặt hàng được mở rộng xuất khẩu, tăng chậm các khoản thu trong nước, sản xuất kinh doanh tăng do khả năng hội nhập đem lại.

Một ví dụ về nhận thức kinh tế - xã hội, khi nói về vấn đề toàn cầu hóa. Toàn cầu hóa là thuật ngữ rất phổ biến, rất thời thượng cùng với các thuật ngữ như công nghệ thông tin, xã hội thông tin hay kinh tế tri thức. Điều mà nhiều người nghiên cứu chúng ta, đặc biệt là giới chính trị gia chỉ muốn hiểu toàn cầu hóa là toàn cầu hóa kinh tế, còn đối với Phương Tây người ta hiểu toàn cầu hóa là toàn cầu hóa các lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội. Tại sao như vậy, vì đó là sự chi phối của các tư tưởng hệ. Trong các tài liệu khoa học và thông tin ở nước ta thường chỉ đề cập toàn cầu hóa kinh tế. Các văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam cũng rất thận trọng, chỉ nói toàn cầu hóa là một xu thế của sự phát triển của thế giới. Ở Trung Quốc, họ chỉ nhấn mạnh toàn cầu hóa kinh tế và thế giới chỉ mới có toàn cầu hóa TBCN, còn Phiden Castro thì nhấn mạnh cần có toàn cầu hóa xã hội chủ nghĩa. Nhà chính trị, lãnh tụ của cộng đồng Anh hiện nay thì cho rằng toàn cầu hóa là bao hàm cả kinh tế và chính trị. Ông ta cho rằng "Toàn cầu hóa - đó không chỉ là hiện tượng kinh tế, mà còn là hiện tượng chính trị" và mục đích là bá quyền ý thức hệ TBCN thời kỳ hiện nay và hơn nữa đó là chủ nghĩa can thiệp được tuyên bố rất rõ: "Nếu chúng ta muốn sống trong an ninh, chúng ta không chỉ cho phép mình nhắm mắt làm ngơ trước các xung đột và vi phạm quyền con người ở các quốc gia khác", và "việc truyền bá các giá trị của chúng ta làm cho chúng ta được bảo

vệ nhiều hơn khỏi những đe dọa từ bên ngoài" (W.W Number 10.gov.Major. Speech, Speech by T.Blair at Chicago 22.04.1999. Dẫn theo A.A.Terenlev, tạp chí Nga: kinh tế thế giới và quan hệ quốc tế số 9/2005). Người tâm đầu hợp ý bậc nhất với T.Blair là cựu Tổng thống Mỹ B.Clinton, ông ta viết trong tạp chí Progerssive Politic của Anh: "Thế giới chính trị và hệ thống tư tưởng cần phải có cái đã từ lâu tồn tại trong thế giới kinh tế - chủ nghĩa toàn cầu" (ClintonB. The next Ideas Battle "Progerssive politices. V.11.2003, Sept. P.53 - Dẫn theo A.A Terenlev, n.tr).

Như vậy, đối với giới chính trị Mĩ - Anh thì toàn cầu hóa kinh tế chỉ là vỏ bọc của toàn cầu hóa chính trị, toàn cầu hóa kinh tế là phương tiện và toàn cầu hóa chính trị là mục tiêu. Đây là bản chất thực của chủ nghĩa đế quốc mới. Nhưng trên thế giới ngày nay đang có nhiều xu hướng phát triển. Người ta quan niệm siêu hình là các xu hướng đối lập nhau theo kiểu đối ngược nhau. Không phải như vậy, các xu hướng có thể triệt tiêu nhau nhưng lại cùng tiến về phía trước. Và chúng cùng va đập, ảnh hưởng, hấp thụ và triệt tiêu nhau, xu hướng nào mạnh hơn thì thắng, thậm chí nảy sinh một xu thế trung gian.

Có nhận thức như vậy thì mới thấy được chủ nghĩa tư bản vừa bị thoái hóa, vừa phát triển một số khuynh hướng mới. Mà điều này chính V.I.Lênin với tư tưởng thiên tài đã nói về chủ nghĩa đế quốc: Chủ nghĩa đế quốc thối nát, đang phải chết mà vẫn có xu hướng phát triển. Chủ nghĩa tư bản không phải tiêu vong theo nghĩa cơ học mà nó đang thay đổi về chất cục bộ, cho tới lúc nào đó nó sẽ chuyển trạng thái mới cơ bản về chất một cách tự động và hòa bình, và có thể bằng bạo lực hoặc kết hợp bạo lực với hòa bình. Trên thực tế ở các nước có trình độ phát triển kinh tế cao đã có những biến chuyển rất quan trọng về mặt xã hội, về đời sống của dân chúng. Nếu nhìn qua thì hình như chủ nghĩa tư bản vẫn là chủ nghĩa tư bản. Hai nhà lý luận hàng đầu, đại diện tiêu biểu cho trường phái chủ nghĩa tự do mới ở Nga hiện nay là E.Gaiđa và V.Meì, mở đầu cho cuộc tranh luận về di sản khoa học kinh tế của C.Mác, đã công bố bài viết khá dài với tiêu đề "Chủ nghĩa Mác và tôn giáo thế tục" (Tạp chí "Những vấn đề kinh tế" (Nga), số 1+2/2005). Trong đó, họ đã công khai đưa ra nhiều luận điểm mà trong đó có hai điểm đáng lưu ý rằng họ mượn ở Mác một số điểm để biện luận cho chủ nghĩa tự do, họ đã làm một

gạch nối giữa chủ nghĩa Mác với chủ nghĩa tự do. Điều đó nói lên logic sức mạnh của chủ nghĩa Mác mà những đại biểu của chủ nghĩa tự do Nga phải cầu viện. Nhưng điều nguy hiểm hơn là họ đưa ra một kết luận mang tính hệ tư tưởng tư sản tự do mới: dù lực lượng sản xuất như thế nào, với các trình độ rất khác nhau thì quan hệ sản xuất tư bản vẫn cứ như vậy, không thay đổi.

Dù cho họ khéo léo dẫn dắt đến đâu, che giấu kín đáo như thế nào rồi họ cũng bộc lộ quan điểm chống chủ nghĩa Mác: không thể có xã hội nào khác thay thế xã hội tư sản.

Đề cập đến điều đó vì ở nước Nga, chủ nghĩa tư bản đã được phục hồi và đang thể hiện khả năng khổng lồ đối với kinh tế và xã hội Nga. Giai cấp tài sản Nga đang được một hệ tư tưởng làm động lực tinh thần, tư tưởng dẫn dắt - đó chính là chủ nghĩa tự do mới.

### **3.2.6. Tăng cường công tác thống kê, phân tích, xử lý, phổ biến tin và kiểm tra chất lượng thông tin khoa học**

Một thực tế đáng lo ngại ở nước ta hiện nay là, thông tin vừa thừa lại vừa thiếu. Thông tin để biết thì tràn lan, thông tin để làm, thông tin có hàm lượng tri thức khoa học cao thì thiếu. Vì vậy, trong những năm tới, chúng ta cần quan tâm nhiều hơn đến các công tác này bởi đây là những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng thông tin khoa học và theo đó là chất lượng tăng trưởng, phát triển của nền kinh tế.

Đối với công tác thống kê, thông tin khoa học không chỉ quan tâm đến thống kê trong lĩnh vực kinh tế mà cần quan tâm nhiều hơn đến các lĩnh vực khác. Bên cạnh đó, cần chọn lọc thật kỹ thông tin đầu vào làm cơ sở cho việc xây dựng ngân hàng tin để lưu trữ thông tin chung cho cả nước.

Trong công tác phân tích và xử lý thông tin cần có sự chuyên môn hóa từng công việc, từng bộ phận, từng loại chuyên đề khác nhau để phát huy được năng lực thực sự của đội ngũ cán bộ làm công tác thông tin khoa học.

Đi đôi việc phân tích và xử lý thông tin, thông tin cần phải có những yêu cầu hết sức chặt chẽ. Thông tin đầu ra cần phải đảm bảo được những yêu cầu cơ bản sau đây:

*Một là, thông tin khoa học phải mang tính khách quan. Tính khách*



quan đòi hỏi thông tin khoa học đưa ra phải phản ánh đúng thực tại khách quan, chính xác, trung thực, tránh đưa ra những thông tin có tính chất chủ quan duy ý chí.

*Hai là*, thông tin khoa học phải có tính thời sự, dự báo và định hướng. Giá trị thông tin khoa học không chỉ ở tính cập nhật của thông tin mà còn phải đáp ứng được yêu cầu về chính trị, thời sự của quốc gia. Tính thời sự ở đây không chỉ hiểu là những thông tin gắn với thời gian hiện tại mà có thể là những thông tin như: chiến tranh Việt Nam, sự kiện ngày 11 tháng 9 năm 2001 ở Mĩ v.v... Mặc dù đã xảy ra trong thời gian trước nhưng vẫn còn tính thời sự nóng hổi. Giá trị thông tin khoa học ngoài tính thời sự còn thể hiện ở tính dự báo tình hình, xu hướng phát triển của đất nước, làm cơ sở cho việc định hướng chiến lược phát triển kinh tế, xã hội của Đảng và nhà nước trong từng thời kỳ.

*Ba là*, thông tin khoa học phải đầy đủ, phải có trích dẫn rõ nguồn tin. Trong khi xử lý thông tin cần phải giới thiệu được nguồn, xuất xứ của thông tin, phân tích được thực trạng của thông tin, khối lượng thông tin, dự báo khả năng diễn biến của thông tin, lợi ích của việc sử dụng thông tin trong quá trình phát triển kinh tế. Thông tin khoa học không chỉ cần đầy đủ mà còn phải được chọn lọc và phân loại kỹ lưỡng, tin nào phổ biến, tin nào chỉ dùng làm tin phổ biến nội bộ v.v...

### **3.2.7. Thông tin các điều mới, sáng tạo mới**

Thông tin điều mới lạ gợi cho ta ý tưởng khoa học. Thí dụ, bài báo "Nghiên cứu ảnh hưởng của các cơ cấu ngầm trong nền kinh tế" đăng ở tạp chí "Người đưa tin" của trường đại học tổng hợp Lômônôxốp (Nga), số 5/2004, của tác giả V.M.Boldurep, đã cung cấp một điều đáng lưu ý: Luật pháp của Pháp quy định hợp đồng kinh tế không có hiệu lực nếu giá bán thấp hơn giá thực tế trên 7%, còn khi mua thức ăn và giống cao hơn 25% giá trung bình. Ở Đức và Pháp quy định mức trần giá cho thuê nhà, ở tất cả các nước phát triển đã quy định tỷ lệ lãi suất tín dụng không được vượt tối đa 10 - 12%, nếu cao hơn là bị khép vào tội cho vay nặng lãi. Như vậy chính sách kinh tế của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, có thể đề ra những quy định phù hợp với chế độ định hướng XHCN mà vẫn phù hợp với xu thế chung của

quốc tế. Mới đây Viện sĩ Thông tấn Viện Hàn Lâm khoa học Nga đưa ra khái niệm mới, của lý luận kinh tế, "kinh tế nanô:". Theo ông thì khái niệm kinh tế nanô chỉ ít có hai nghĩa của "kinh tế". Một mặt, kinh tế đó là bản thân hệ thống kinh tế, nghĩa là nền kinh tế hoặc bộ phận của nó, được xem xét từ quan điểm của quá trình sản xuất, phân phối, tiêu dùng và các quá trình ra các quyết định liên quan đến quá trình đó. Mặt khác, kinh tế là một lĩnh vực tri thức, một ngành khoa học nghiên cứu hệ thống đó". Vì vậy, kinh tế vĩ mô có thể được xem xét như một hệ thống kinh tế của đất nước cũng như một lĩnh vực khoa học có đối tượng nghiên cứu, khả năng nhìn nhận, hệ thống quan điểm và kỹ thuật đặc biệt. Tương tự như vậy, kinh tế nanô có thể được hiểu như chính hệ thống xem xét từ quan điểm hành vi kinh tế của những cá nhân và ngành khoa học nghiên cứu hệ thống kinh tế đó". Kinh tế nanô mô tả động lực và các hành vi kinh tế của cá nhân, xã hội biệt lập (chủ thể) thuộc cấp thấp nhất trong cơ cấu hệ thống kinh tế. Trong khi đó thì kinh tế mêga (siêu vĩ mô - toàn cầu) là cấp cao nhất". Như vậy ta có thể có hệ thống các cấp (quy mô) kinh tế như sau: Kinh tế mêga (kinh tế siêu vĩ mô, nền kinh tế thế giới), kinh tế vĩ mô (nền kinh tế một nước, kinh tế mezo (kinh tế ngành, khu vực, nhóm), kinh tế vi mô (kinh tế của doanh nghiệp), kinh tế nanô (là hành vi kinh tế của cá nhân hay kinh tế mini). Thêm vào đó thì chia kinh tế siêu vĩ mô gồm 2 cấp độ: nền kinh tế toàn cầu nói chung và các quan hệ kinh tế giữa các nước (xem G.Cleiner; Kinh tế nanô, tạp chí Những vấn đề kinh tế (Nga), số 12/2004).

Một ví dụ khác về cái mới: vai trò con người, vị trí con người trong tư duy và hoạt động kinh tế. Theo nhiều nhà nghiên cứu thì vị trí con người đã trở thành đối tượng đầu tiên và thực chất của quan tâm trong tư duy hành động thực tiễn kinh tế. Sự chuyển đổi vị trí giữa môn kinh tế và môn xã hội học là minh chứng tiêu biểu cho điều đó. Trước kia, các hiện tượng kinh tế đặc biệt chiếm ưu thế và góp phần chủ yếu vào sự hình thành tư duy của con người. Về phương diện này, các yếu tố kinh tế là chủ yếu, còn lĩnh vực tư duy là thứ yếu. Tương tự, các môn khoa học kinh tế chiếm vị trí số một trong số các môn khoa học xã hội, còn xã hội học chiếm vị trí phụ thuộc. Bây giờ, tình hình đã thay đổi căn bản. Tư duy đã trở thành nhân tố số một, còn các quá trình kinh tế là nhân tố thứ hai. Logic tương tự là môn xã hội học lên chiếm

vị trí số một, còn các môn học khoa học kinh tế phải ở vị trí thứ yếu. Điều đó đặt ra cho khoa học kinh tế: Phải lấy con người làm trung tâm trong nghiên cứu của nó. C. Mác đã thể hiện một mẫu mực về vấn đề này, khi nghiên cứu lý luận giá trị thặng dư, ông đã tránh mô tả phức tạp về mặt kinh tế của hệ thống các khái niệm, phạm trù, qua đó ông đã nêu rõ quan hệ sâu sắc bên trong của các quan hệ giá trị, giá trị thặng dư là quan hệ giữa người với người và cơ chế người bóc lột người.

Một ví dụ về thông tin tri thức mới. Trong khi các nhà nghiên cứu về nền kinh tế thông tin đưa ra các khái niệm như: "Tri thức là sức mạnh" (Ph.Bêcon), quyền lực của thông tin (A.Toffler - Mỹ), "Thông tin là ngọn nguồn của những nguyên nhân đầu tiên của các hiện tượng và quá trình" (I. Iuzvisin - Nga). "Đi vào xã hội hậu công nghiệp" (D.Bell- Mỹ), "cuộc cách mạng thông tin đang tiếp tục" (A.Eliacov - Nga). Từ năm 1994 EC đã đưa ra chương trình: "Con đường đi vào xã hội thông tin của Châu Âu", rồi Phần Lan: "Con đường đi vào xã hội thông tin của Phần Lan", năm 1996 Cộng hòa Liên bang Đức cũng có "Đường vào xã hội thông tin của Đức", năm 2001 trong 1 cuộc hội thảo "nước Nga đi vào xã hội thông tin", Viện sĩ Nga E.Belikhov cho rằng: "Một cuộc cách mạng mới đang chờ đợi xã hội thông tin", song lại có những ý kiến khác, còn táo bạo hơn rằng: xã hội tương lai sẽ là xã hội hậu kinh tế hoặc phi kinh tế. Vì thế thông tin các ý tưởng mới là rất cấp thiết. Tuy nhiên phải nhiều chiều, đa dạng. Chúng ta không thể chạy theo chủ nghĩa vật chất, chủ nghĩa tiêu dùng.

Ta có thể thấy rằng phải phát triển kinh tế như thế nào để phù hợp với xu thế này nhưng lại phải phù hợp với khả năng và đặc điểm nhu cầu phát triển kinh tế của Việt Nam.

### **3.2.8. Thị trường hóa sản phẩm thông tin khoa học**

Thông tin trở thành một sản phẩm hàng hóa là một thực tế và ngày càng trở thành xu hướng phổ biến.

Để cho việc phát triển kinh tế được thuận lợi, công bằng thị trường và công bằng cơ hội kinh tế thì mọi chủ thể cũng có thể sử dụng, chia sẻ thông tin. Bởi vì trong đời sống xã hội hiện nay, thông tin là một nguồn lực kinh tế

đặc biệt. Chưa có một nghiên cứu đánh giá cụ thể ý nghĩa kinh tế về nguồn lực thông tin, chẳng hạn chiếm bao nhiêu phần trăm trong giá thành sản phẩm hay trong giá bán. Song có thể thấy chi phí cho quảng cáo sản phẩm của các hãng công ty lớn thường chiếm một tỷ lệ đáng kể trong giá bán. Hơn nữa các chi phí thu nhập thông tin, nhất là thông tin mang ý nghĩa khoa học cao thì lại càng lớn. Các thông tin khoa học mang ý nghĩa kinh tế nhiều khi rất khó xác định được giá trị mà chỉ khi nào được áp dụng thì mới thể hiện.

Mặc dù vậy các loại thông tin khoa học khi đã là hàng hóa thì dù cách này hay cách khác, trực tiếp hay gián tiếp đều có giá cả của nó. Giá cả của hàng hóa thông tin khoa học hay tin khoa học cũng bị chi phối bởi quy luật giá trị, quy luật cung - cầu và giá trị thông tin. Ở đây giá trị thông tin có đặc điểm là giá trị sử dụng của nó không bị mất đi và giá trị sử dụng không có hình thức vật chất rõ ràng để chứa đựng giá trị thông tin. Giá trị sử dụng thông tin khoa học không bị mất đi mà nó vẫn thuộc bảo tồn, thậm chí còn tăng lên trong quá trình sử dụng. Chi phí để tạo ra thông tin khoa học được đưa vào chi phí sản phẩm (có sử dụng thông tin khoa học) không tùy thuộc vào giá trị sử dụng của hàng hóa thông tin. Nhiều khi chi phí giá trị của thông tin đã được tính hết vào sản phẩm ứng dụng nhưng giá trị sử dụng của thông tin vẫn còn.

Biến thông tin khoa học thành hàng hóa sẽ có tác dụng thúc đẩy công tác hoạt động khoa học. Điều đó đặt ra cho những người làm thông tin khoa học phải tính toán giá trị sử dụng và giá trị của các tin, các thông tin. Nó thúc đẩy việc tìm nguồn tin, xử lý thông tin và tổ chức dịch vụ thông tin. Tóm lại người làm thông tin khoa học trở thành nhà sản xuất hàng hóa thông tin. Xét trên quy mô xã hội, sẽ có sự cạnh tranh giữa những người sản xuất với nhau và giữa những người tiêu dùng với nhau về hàng hóa đặc biệt này. Khi có sự cạnh tranh cung cấp và cạnh tranh về sử dụng thông tin thì việc sản xuất thông tin với chất lượng sẽ tốt hơn.

Ở nước ta thông tin đang trở thành hàng hóa và sẽ mang tính phổ biến. Đó sẽ là một nhân tố thực sự thúc đẩy sự phát triển kinh tế. Nó sẽ khuyến khích những hoạt động kinh tế có cơ hội lựa chọn các thông tin tốt và sẽ có những dịch vụ thông tin phù hợp cho các nhà doanh nghiệp, cho những ai

muốn cải tiến và nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

Một trong những phương pháp để thị trường hóa thông tin khoa học là cho phép các trung tâm thông tin, đơn vị nghiên cứu được bán sản phẩm thông tin khoa học. Các kết quả nghiên cứu khoa học và xử lý tài liệu khoa học được số hóa và văn bản hóa, cần được đưa vào lưu thông thông tin. Các trung tâm thông tin là những cơ sở chính làm dịch vụ thông tin khoa học. Có sự cần thiết phải đưa các đơn vị này vào hoạt động hạch toán kinh doanh như là doanh nghiệp khoa học. Đó là những đơn vị thu thập, xử lý và cung cấp tin. Từ đó tạo điều kiện khách quan gây áp lực bán thông tin cho các đơn vị cơ quan kinh doanh. Mặt khác các đơn vị hoạt động kinh tế có nhu cầu có thể liên hệ và đặt hàng với các trung tâm dịch vụ thông tin. Nó làm cho cả hai phía cung cấp và tiêu dùng phải có trách nhiệm cao với các thông tin khoa học. Bên bán phải có sản phẩm thông tin có chất lượng và bên mua cũng phải tìm mua các thông tin hữu ích cao. Điều này vừa thúc đẩy hoạt động khoa học năng động và đồng thời lại có tác dụng trực tiếp đóng góp thiết thực vào sự phát triển, trong đó có sự phát triển kinh tế. Ở đây vai trò đặc biệt thuộc về các trung tâm thông tin kinh tế nơi chủ yếu cung ứng thông tin khoa học cho các cơ quan nghiên cứu, chính sách và vận hành trong thực tiễn.

Trong thực tiễn một số loại dịch vụ thông tin thông thường đang làm chức năng thương mại. Đó là thông tin quảng cáo, thông tin trên báo chí, truyền thanh, truyền hình và vô số các điểm dịch vụ đơn lẻ chỉ dẫn mua bán hàng hóa v.v.. Còn thông tin khoa học chưa phổ biến là sản phẩm hàng hóa. Nó chỉ là hàng hóa trong những trường hợp như tư liệu được bán hoặc các tin tức khoa học được xử lý và có sự thanh toán kinh phí.

#### *Mở rộng hoạt động dịch vụ thông tin khoa học.*

Thông tin khoa học là một trong những nguồn lực kinh tế trong nền kinh tế thị trường, hoạt động dịch vụ thông tin khoa học cũng là một hoạt động kinh tế và sản phẩm của nó cũng mang tính hàng hóa (dịch vụ). Vì thế, để phát triển kinh tế góp phần vào sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, cần mở rộng tổ chức dịch vụ thông tin khoa học, mở rộng hoạt động tư vấn về thông tin khoa học bằng cách liên kết trao đổi thông tin khoa học giữa các địa phương và cơ quan dùng tin, hình thức mối quan hệ qua lại giữa các trung tâm

thông tin với các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Muốn mở rộng được dịch vụ thông tin khoa học, chúng ta cần làm tốt các vấn đề sau đây:

- Nghiên cứu thị trường thông tin khoa học để nắm bắt được nhu cầu, thị hiếu của khách hàng, đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh.

- Tạo ra thị trường thông tin khoa học phong phú và đa dạng, cung cấp sản phẩm thông tin khoa học theo nhu cầu của thị trường. Đồng thời, cần có những sản phẩm thông tin khoa học cung cấp cho một số khách hàng chuyên biệt.

- Cung ứng tin phải nhanh, nhạy, kịp thời, chính xác, tạo uy tín đối với khách hàng, đáp ứng nhu cầu cấp thiết về thông tin khoa học của khách hàng.

- Khung giá cả phải hợp lý, phù hợp với khả năng chi trả của khách hàng.

- Các kênh thông tin khoa học phải phù hợp với đại đa số khách hàng hay là cần phải đảm bảo tính phổ thông trong thông tin khoa học.

- Đảm bảo được tính hiệu quả cao trong thông tin khoa học được bán (tính hữu dụng) cho người dùng tin.

- Đa dạng hóa sản phẩm thông tin khoa học. Bên cạnh việc gia tăng số lượng và loại hình nguồn tin để phục vụ thị trường trong nước, các tổ chức dịch vụ thông tin khoa học còn cần chú trọng phát triển và đa dạng hóa các sản phẩm thông tin khoa học bằng các ấn phẩm như: thông tin tư liệu, thông tin chuyên đề, thông tin truyền thông đa phương tiện.

- Mở rộng thị trường trong và ngoài nước, hướng tới thị trường các nước ngoài có giá trị tăng cao. Cần tăng cường áp dụng công nghệ thông tin tiên tiến, hiện đại để làm biến đổi hẳn hình thức và chất lượng các sản phẩm dịch vụ thông tin, đáp ứng kịp thời, nhanh chóng và có hiệu quả nhu cầu thông tin của toàn xã hội, góp phần đáng kể vào việc gắn liền thông tin khoa học với thực tế cuộc sống.

### 3.3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP BÒ TRỢ

#### 3.3.1. Đẩy mạnh việc phát triển nguồn nhân lực cho thông tin khoa học

Hoạt động thông tin khoa học là hoạt động đòi hỏi về chất lượng cao đối với đội ngũ lãnh đạo. Chất lượng cao hàm chứa trong đó cả trí lực và tâm lực của người lao động đối với đất nước và CNXH. Lê Quý Đôn trong triết lý phát triển để phồn vinh của đất nước đã từng chỉ ra: "phi trí bất hưng". Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn: Muốn xây dựng CNXH thì trước hết phải có con người XHCN. Với tư tưởng ấy, chúng ta cũng cần tập trung phát triển nguồn nhân lực cho thông tin khoa học.

Để giải bài toán về chất lượng nhân lực thông tin khoa học, cần phải chú trọng đến những vấn đề sau:

*Một là*, trong công tác tuyển dụng cần tuyển đúng người, đúng việc, tuyển lao động "thạo việc" để khắc phục tình trạng vừa đông người nhưng không có người làm được việc trong đội ngũ lao động, quan tâm tuyển dụng nghiên cứu lao động có trình độ chuyên môn đáp ứng được yêu cầu của công việc.

*Hai là*, trong công tác đào tạo và đào tạo lại, cần đảm bảo tính hợp lý trong cơ cấu đào tạo lao động, chú trọng đào tạo đồng bộ từ cán bộ quản lý đến cán bộ làm chuyên môn, "học kết hợp với hành". Thực hiện đa dạng hóa các hình thức đào tạo kết hợp đào tạo tập trung, không tập trung, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ thông qua các hình thức đào tạo ngắn hạn, dài hạn. Thường xuyên mở các lớp đào tạo tin học và ngoại ngữ cho đội ngũ lao động, đặc biệt là đội ngũ lao động trực tiếp làm công tác xử lý và phổ biến thông tin, hệ thống khoa học. Bên cạnh đó, cần tăng cường công tác tuyên truyền, giải thích cho người lao động thấy rõ yêu cầu về chất lượng công việc của mình, để từ đó có ý thức học tập, thường xuyên nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tin học và ngoại ngữ.

*Ba là*, trong việc sử dụng lao động cần có chính sách sử dụng lao động một cách hợp lý, phân công "đúng người đúng việc", có chế độ đãi ngộ hợp lý với nhân tài, tránh tình trạng "chảy máu chất xám".

*Bốn là*, cần tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với đội ngũ lao động làm công tác thông tin khoa học, trong các đơn vị làm công tác thông tin

khoa học cần thực hiện tốt các việc như: đóng bảo hiểm cho người lao động, có kế hoạch cụ thể trong việc tạo điều kiện học tập nâng cao trình độ cho người lao động. Trên cơ sở đó đào tạo nguồn nhân lực thông tin khoa học theo hướng chuyên nghiệp hóa các bộ phận nhằm phát huy hiệu quả kinh tế trong lĩnh vực thông tin khoa học.

### **3.3.2. Tăng cường đầu tư kinh phí và cơ sở vật chất - kỹ thuật**

Hệ thống cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ công tác thông tin khoa học là một yếu tố quan trọng tác động đến mức độ thỏa mãn nhu cầu của những người dùng tin bởi năng lực và tiện ích của nó. Trên thực tế, cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ công tác thông tin khoa học ở nước ta hiện nay cần phải được đầu tư, xây dựng thêm các phòng làm việc, trang bị thêm các máy móc, thiết bị, phương tiện lưu trữ và truyền thông tin, xây dựng thêm các trung tâm nghiên cứu, xử lý, giảng dạy và phổ biến thông tin.

Để giải quyết nhu cầu vốn đầu tư cơ sở vật chất trên, ngoài ngân sách nhà nước cấp hàng năm thì các cấp, các ngành và các địa phương cần có những biện pháp hữu hiệu để có thể thu hút được nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước.

- Vốn vay từ ODA: Trên cơ sở các dự án khả thi được hỗ trợ của nhà nước, cần tranh thủ nguồn vốn đầu tư từ các nước phát triển, các tổ chức quốc tế, Ngân hàng thế giới, các Ngân hàng Châu Á, quỹ của Liên hợp quốc về phát triển thông tin khoa học.

- Ngoài ra, cần thực hiện làm thủ tục cổ phần hóa một số cơ sở thông tin khoa học mà nhà nước không cần nắm hoặc nắm thì không có hiệu quả bằng "tư nhân", nhằm thu hút vốn nhân rồi trong dân cư và nâng cao hiệu quả hoạt động của thông tin khoa học, trước hết là các dịch vụ thông tin KHCN.

Huy động vốn đã khó nhưng việc sử dụng vốn còn khó hơn, do vậy, cần chú trọng đầu tư tương thích cho các cơ sở thông tin khoa học với phương châm tiết kiệm, hiệu quả, đồng bộ; tránh đầu tư những thiết bị công nghệ hiện đại nhưng người sử dụng chưa đủ trình độ khai thác, gây lãng phí vốn; tránh khuynh hướng đầu tư những công nghệ lỗi thời. Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp một số nơi mà điều kiện làm việc không đảm bảo, máy móc thiếu thốn, đầu tư



thêm máy vi tính, nối mạng Internet tốc độ cao, tin học hóa đường truyền số liệu, đầu tư nhiều hơn nữa cho công nghệ thu thập, xử lý, phổ biến thông tin v.v... tránh tình trạng đầu tư dàn trải, sử dụng vốn không có hiệu quả.

### **3.3.3. Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về thông tin khoa học**

Trong những năm qua, hoạt động thông tin khoa học đã có được những thành công đáng kể, một trong những nguyên nhân là nhờ vào sự chỉ đạo và quản lý của nhà nước, sự đổi mới cơ chế quản lý và bộ máy tổ chức của các ngành, các cấp trong cả nước. Tuy nhiên, để thực hiện được mục tiêu nâng cao chất lượng thông tin khoa học nhằm phát triển kinh tế, chúng ta cần phải nâng cao hiệu lực quản lý của nhà nước. Muốn vậy, những việc trước mắt cần phải làm hiện nay là:

- Kiện toàn hệ thống quản lý từ trung ương đến địa phương về thông tin khoa học, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức trong từng đơn vị làm công tác thông tin. Thực hiện việc đẩy mạnh cải cách hành chính, phân cấp và đơn giản hóa các thủ tục liên quan đến dịch vụ thông tin khoa học.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu chính sách đối với việc phát triển thông tin khoa học. Để làm được điều đó cần phải đảm bảo được các yêu cầu sau đây:

+ Tạo tính năng động, tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở hoạt động thông tin khoa học.

+ Phải xây dựng các ngân hàng tin, xây dựng hệ thống đảm bảo tin quốc gia, đổi mới cơ chế chính sách giao nhiệm vụ, đánh giá, nghiệm thu và có cơ chế tài chính thỏa đáng cho hoạt động thông tin khoa học, đánh giá hiệu quả các đề tài nghiên cứu thông tin khoa học, có cơ chế khen thưởng và đãi ngộ với những tác giả đề tài có tính khả thi cao.

+ Xây dựng chính sách đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ thông tin khoa học một cách lâu dài, trong chiến lược phát triển của toàn ngành.

+ Tăng cường hướng dẫn, chỉ đạo, thanh tra, kiểm tra, nắm chắc tình hình hoạt động, theo dõi việc thực hiện chính sách, chế độ, quy chế hoạt động, hỗ trợ ngân sách nhà nước nhằm nâng cao chất lượng hoạt động thông tin khoa học trong cả nước.

### **3.3.4. Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thông tin khoa học**

Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thông tin khoa học là một trong những việc làm cần thiết và không thể thiếu đối với các cơ quan làm công tác thông tin khoa học. Đặc biệt, trong bối cảnh hiện nay, Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên WTO sẽ mở ra nhiều vận hội mới cho quá trình tăng trưởng và phát triển. Do đó, việc tăng cường sự hợp tác quốc tế trong mọi lĩnh vực, đặc biệt là trong lĩnh vực thông tin khoa học là việc làm cần thiết nhằm học tập kinh nghiệm nghiên cứu, thu thập và xử lý thông tin ở các nước tiên tiến trên thế giới, đồng thời làm cho thế giới hiểu về đất nước và con người Việt Nam nhiều hơn qua hoạt động thông tin khoa học.

Thực tế ở nước ta hiện nay, vấn đề hợp tác trong lĩnh vực thông tin khoa học còn chưa mạnh mẽ, chưa được coi là có vai trò đi đầu. Vì vậy, trong những năm tới, để làm tốt công tác này cần phải quan tâm đến các vấn đề như: nâng cao năng lực, trình độ về tin học, ngoại ngữ, khoa học - công nghệ cho đội ngũ cán bộ làm công tác thông tin khoa học để đáp ứng được yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế; đầu tư và nâng cấp cơ sở vật chất hạ tầng và kỹ thuật theo hướng hiện đại. Đặc biệt, nhà nước sớm tạo hành lang pháp lý thông thoáng để các nhà đầu tư, các doanh nghiệp nước ngoài có sự yên tâm hợp tác, đầu tư vào thị trường thông tin khoa học ở Việt Nam.

### **3.3.5. Xây dựng và phát triển hệ thống quốc gia về thông tin kinh tế**

Hệ thống thông tin nước ta bao gồm ba bộ phận:

- Hệ thống thông tin của Chính phủ
- Hệ thống thông tin của các đơn vị kinh tế cơ sở
- Hệ thống thị trường thông tin

Trong đó, hai hệ thống đầu hoạt động theo chế độ thông tin nội bộ còn hệ thống thứ ba hoạt động theo cơ chế thị trường. Trong vận hành, cần có sự phối hợp chặt chẽ và hỗ trợ lẫn nhau của các hệ thống này, tuy nhiên, cũng cần xác định giới hạn và đặc trưng của mỗi hệ thống. Cần có những quy định cụ thể bộ phận nào thuộc về hệ thống thông tin doanh nghiệp và hệ thống thông tin của Chính phủ tham gia vào thị trường thông tin. Các lực lượng tham gia vào hệ thống thông tin đó là:

- Chính phủ, các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế và các hộ gia đình.

Với tư cách là cơ quan hành pháp, Chính phủ có một hệ thống thông tin riêng rất mạnh, vì vậy phải đóng vai trò chủ yếu trong việc phát triển hệ thống thông tin quốc gia, đồng thời hỗ trợ cho hệ thống thông tin của các doanh nghiệp và các tổ chức và cá nhân kinh tế khác.

- Hiện đại hóa các hệ thống thông tin

Hệ thống thông tin kinh tế cần được trang bị các phương tiện hiện đại.

Ngày nay, với sự phát triển nhanh chóng và sự lan tỏa của mạng thông tin toàn cầu, các cơ quan của Chính phủ, các tập đoàn kinh tế lớn, các doanh nghiệp cần phải tiếp cận với các tiến bộ của khoa học công nghệ hiện đại, đồng thời đầu tư đối với hệ thống thông tin nhằm theo kịp các quốc gia tiên tiến về công nghệ thông tin và hòa nhập với mạng thông tin quốc tế, rút ngắn khoảng cách về công nghệ giữa các hệ thống thông tin kinh tế.

- Nâng cao trình độ, các kỹ năng về tin học của đội ngũ cán bộ làm công tác thông tin kinh tế thông qua các hình thức đào tạo, bồi dưỡng và tu nghiệp.

### **3.3.6. Hoàn thiện cơ chế hoạt động thông tin kinh tế**

Nhà nước cần phải hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp quy (luật, quy chế, chế độ, chính sách...) đồng bộ và thống nhất, phù hợp với đặc thù của hệ thống thông tin kinh tế với các nội dung sau đây:

- Hoạt động của hệ thống thông tin phải đảm bảo theo một cơ chế thống nhất. Hệ thống thông tin thuộc các cơ quan Chính phủ phải chịu sự quản lý nhà nước về kinh tế đối với hệ thống thông tin Chính phủ.

- Quy định về quyền và trách nhiệm, lợi ích của các bên tham gia vào hệ thống thông tin.

- Cần có chế độ bảo vệ an ninh thông tin, quyền sở hữu thông tin và những yêu cầu đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia vào thị trường thông tin.

- Có cơ chế thưởng phạt thích đáng đối với thông tin sai lệch và những thông tin có giá trị cao làm tăng hiệu quả kinh tế.

Đa dạng hóa các hoạt động thông tin kinh tế chú ý phát triển các hình thức thông tin kinh tế phù hợp với điều kiện, khả năng của các tổ chức kinh tế (các hợp tác xã, các vùng nông thôn, miền núi...) nhằm tạo cho họ có cơ hội nhanh chóng tiếp cận với các thông tin mới, tiến tới phát triển một hệ thống thông tin đồng bộ trong cả nước.

- Phát triển các dịch vụ thông tin Internet

Các dịch vụ thông tin này không chỉ đem lại khả năng khai thác tốt hơn các năng lực thông tin sẵn có mà còn là đầu mối giúp cho các chủ thể quản lý tiếp cận với mạng lưới thông tin quốc tế, trao đổi các thông tin một cách nhanh chóng và tiện lợi với chi phí ngày càng thấp.

### **3.3.7. Đào tạo đội ngũ cán bộ làm thông tin kinh tế đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế thị trường**

Thời đại ngày nay, với sự biến đổi không ngừng của thế giới và việc phát triển của xã hội thông tin đang diễn ra trên quy mô toàn cầu, lao động thông tin đang thực sự trở thành một "nghề".

Đội ngũ cán bộ thông tin được đào tạo cả về phương diện kiến thức và kỹ năng là nguồn nhân lực có khả năng đảm đương các quy trình và hoạt động thông tin trong các lĩnh vực, nhất là trong lĩnh vực kinh tế.

*Về kiến thức:* Theo quan điểm hiện đại, lao động thông tin được gọi chung là nghề nghiệp có liên quan đến quá trình sản xuất, xử lý, biến đổi quản trị và sử dụng các dạng thông tin phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế. Theo chuyên môn nghề nghiệp này, người cán bộ thông tin cần phải thực hiện được các công đoạn sau:

- Tạo ra, hay sản xuất ra các sản phẩm thông tin. Các kết quả được tạo ra là các dạng sản phẩm thông tin như cơ sở dữ liệu, các ấn phẩm thông tin, các bảng tra, các danh mục...

- Phân loại thông tin: từ các cơ sở dữ liệu thông qua phân tích, đánh giá và quá trình biến đổi, biến thành các cấp bậc thông tin. Nhờ vào công đoạn này, người dùng tin có được các sản phẩm và dịch vụ thông tin có giá trị tăng cao.

- Lưu trữ thông tin: Đây là một khâu quan trọng trong quá trình làm thông tin. Thông tin phải được cất giữ dưới các dạng kho (giấy). Ngày nay khi mà khoa học công nghệ đã phát triển rất cao thì phương tiện lưu trữ có thể bằng đĩa CD, đĩa mềm Disk, hay Microfilm...). Người cán bộ thông tin phải có khả năng nắm bắt và biết sử dụng các nghiệp vụ lưu trữ thông tin thông thường.

- Quảng bá thông tin: Thông tin chỉ có giá trị khi bản thân thông tin đến được với người sử dụng, chứ không phải chỉ để chôn cất ở trong kho bảo quản. Chủ động đưa thông tin cho người dùng tin, tăng cường các mối quan hệ giữa người làm ra thông tin và người dùng tin. Đây là vấn đề sống còn của hoạt động thông tin, đặc biệt là trong thời kỳ nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Để thực hiện được các chức năng nêu trên, cán bộ thông tin cần phải được trang bị các kiến thức:

- Phương pháp luận hoạt động thông tin
- Kiến thức về chuyên ngành về kinh tế
- Kiến thức về quản lý

#### *Về kỹ năng thông tin*

Hiện đại hóa công nghệ thông tin là một bộ phận quan trọng của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta hiện nay. Trang bị các kỹ năng thông tin, và cải thiện được quá trình ra các quyết định quản lý.

Sử dụng thành thạo máy vi tính là một trong những yêu cầu của cán bộ thông tin. Tuy nhiên, máy móc, thiết bị CNTT hiện đại chỉ có thể phát huy được hiệu quả nếu những người sử dụng có đủ trình độ để khai thác chúng. Các đơn vị thông tin muốn hoạt động có hiệu quả cần phải tổ chức, huấn luyện các nhân viên nắm được những kiến thức cơ bản, sử dụng thành thạo các chương trình máy tính. Phải trang bị cho họ khả năng sử dụng máy tính để xử lý các thông tin trong quá trình thực hiện các chức năng, nhiệm vụ chuyên môn được giao.

Sự tác động của thông tin đối với phát triển kinh tế là một trong những

yếu tố quan trọng trong thời đại ngày nay, thông tin kinh tế không chỉ là yếu tố quan trọng của quản lý kinh tế mà còn là một nguồn lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Nó góp phần đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đưa nước ta tiến kịp với khu vực và với nền kinh tế thế giới. Vì vậy, cần phải chú ý quan tâm tới phát triển đồng bộ hệ thống thông tin khoa học phục vụ có hiệu quả cho phát triển kinh tế nước nhà.

### KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Đề TTKH tác động có hiệu quả vào sự phát triển kinh tế của nước ta hiện nay, bao gồm 3 nhóm vấn đề.

- *Nhóm thứ nhất*: Nhận thức lý luận, nhận rõ vai trò ý nghĩa của thông tin trong thời đại kinh tế toàn cầu hóa, xu thế chung là tri thức và thông tin là nền tảng của tất cả mọi sự phát triển; nhận thức rõ các chức năng cụ thể của TTKH đối với các quá trình phát triển kinh tế ở nước ta hiện nay, phải tương thích và thể hiện được tính tiên phong của lực lượng sản xuất trực tiếp trong các quá trình kinh tế.

- *Nhóm thứ hai*: Nhóm giải pháp nâng cao chất lượng, nội dung của TTKH. Đó là trọng tâm của vấn đề để cho TTKH tác động tích cực đối với sự phát triển kinh tế nước ta trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập kinh tế quốc tế.

- *Nhóm thứ ba*: Các giải pháp hỗ trợ, bao gồm những vấn đề từ phát triển mạng lưới tổ chức, nguồn nhân lực, kinh phí, phương tiện vật chất - công nghệ, lãnh đạo quản lý...

Đây là tổng hòa các giải pháp để TTKH đáp ứng được yêu cầu phát triển của đất nước với nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế, để cho nền kinh tế nước ta phát triển đuổi kịp trình độ các nước trong khu vực và thế giới.

## KẾT LUẬN CHUNG

Thông tin là một chủ đề lớn, có tính nổi bật và là đặc trưng của thời đại. Về mặt thực tiễn, công nghệ thông tin đang đóng vai trò lớn nhất đối với nền kinh tế và tác động sâu rộng về mặt xã hội ở các nước trên thế giới, đặc biệt là các nước đi đầu về lĩnh vực này như Mỹ, Nhật Bản và các nước EU.

Về mặt lý luận, tuy chưa thống nhất, có người gọi nền kinh tế tiếp theo trình độ hậu công nghiệp và kinh tế thông tin, có người gọi là xã hội thông tin, thậm chí còn gọi là hậu kinh tế hay phi kinh tế do tác động của sự phát triển cao của thông tin, tri thức và nhân văn. Nhưng chúng ta có thể khẳng định rằng sản xuất tri thức và thông tin có ưu thế hơn so với sản xuất vật phẩm - hàng hóa.

Thông tin khoa học đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế và xã hội thông tin, đặc biệt là đóng vai trò tiết kiệm nguồn, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn.

Thông tin khoa học nước ta đã có những đóng góp tích cực phục vụ cho công cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà và xây dựng CNXH. Nó đã làm cho hệ tư tưởng kinh tế của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm, đường lối của Đảng chiếm vị trí chủ đạo, đồng thời truyền bá những tư tưởng khoa học hiện đại, truyền bá khoa học - công nghệ mới phục vụ cho sự phát triển kinh tế nước ta. Tuy nhiên, thông tin khoa học cũng còn rất hạn chế về hiệu quả, về quy mô hoạt động, về tác động đối với sản xuất và kinh doanh, chưa gây được ấn tượng mạnh mẽ v.v...

Để đáp ứng yêu cầu sự phát triển kinh tế nước ta trong thời kỳ mới: Thời kỳ phát triển toàn diện, phát triển theo chiều sâu và đổi mới căn bản, thông tin khoa học phải có những giải pháp toàn diện từ nhận thức chức năng, vai trò, vị trí đến nội dung nâng cao chất lượng hoạt động thông tin khoa học cũng như phải có các giải pháp đồng bộ khác.

Thông tin khoa học có một tiền đề và trọng trách lớn trước khoa học, trước xã hội.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. A. Anisimsev, *Đảm bảo thông tin trong quản lý hành chính nhà nước của Nhật Bản hiện nay*, T/c: Những vấn đề Viễn đông (Nga), 4/2004.
2. Bộ khoa học và công nghệ. *Khoa học và công nghệ Việt Nam năm 2003*, H, 2004.
3. Bộ khoa học và công nghệ - Trung tâm thông tin KH và CN Quốc gia. *Báo cáo kết quả điều tra hoạt động khoa học và công nghệ năm 2004 tại 7232 doanh nghiệp*, H, 2004.
4. E. V. Balaski, *Khoa học kinh tế trước những thách thức mới của thời đại*, T/c: Kinh tế thế giới và các quan hệ quốc tế (Nga), số 1/2006.
5. V. B. Boezusev, *Nghiên cứu ảnh hưởng của các cơ cấu ngầm trong nền kinh tế*, T/c: Người đưa tin Trường Đại học Tổng hợp Lômônôxốp (Nga), số 5/2004.
6. A. Buzgalin và A. Colganov, *Chúng ta có cần hay không chủ nghĩa Mác tự do*, T/c: Những vấn đề kinh tế (Nga), 7/2004.
7. CIEM và UNDP. *Báo cáo khảo sát về đổi mới công nghệ tại các doanh nghiệp Việt Nam, Hà Nội, 2004*, Dự án VIE/01/025
8. G. Gleiner, *Kinh tế nano*, T/c: Những vấn đề kinh tế (Nga), số 12/2004.
9. Hội tin học thành phố Hồ Chí Minh, *Báo cáo toàn cảnh công nghệ thông tin Việt Nam năm 2006*.
10. B. L. Inozemcov, *Kinh tế hậu công nghiệp và xã hội hậu công nghiệp*, T/c "ONS", số 3/2001.
11. V. Kladuenco, *Sự điều tiết của Nhà nước trong nền kinh tế*, T/c: Những vấn đề lý luận và thực tiễn quản lý (Nga), số 6/2005.
12. Lê Văn Châu. *Những vấn đề cần quan tâm về thị trường chứng khoán nước ta*, Báo Nhân Dân, 15/01/2007.
13. Maarten Vanhenverswyr, *Bill Gates - vị cứu tinh của thế giới?* <http://www.manxist.com>, ngày 17/3/2005.
14. V. Meitus, *Doanh nghiệp ảo trong xã hội thông tin*, T/c: Các vấn đề lý



luận và thực tiễn của quản lý (Nga), số 4/2006.

15. B. Meljansev, *Cuộc cách mạng thông tin của nền kinh tế mới*, T/c: Kinh tế thế giới và các quan hệ quốc tế (Nga), số 2/2001.

16. A. Movsesian, *Những xu thế hình thành xã hội thông tin*, T/c: Xã hội và kinh tế, số 6/2001 (tiếng Nga).

17. S. N. Nadel, *Khả năng và triển vọng của cuộc cách mạng công nghiệp tương lai*, T/c: Kinh tế Thế giới và các quan hệ quốc tế (Nga), số 9/2002.

18. Nguyễn Hữu Hùng, *Thông tin từ lý luận tới thực tiễn*, Nxb Văn hóa Thông tin, H, 2005.

19. A. Chernov, *Xã hội toàn cầu*, T/c: Đời sống quốc tế (Nga), số 9/2004.

20. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX và X*.

21. Đoàn Phan Tân, *Thông tin học: Giáo trình ngành cho sinh viên ngành thông tin - Thư viện và quản trị thông tin*, Nxb Đại học Quốc Hà Nội, H, 2001.

22. Đỗ Nguyên Phương. *Phát triển thị trường khoa học và công nghệ Việt Nam*, T/c: Hoạt động khoa học, số 2/2004.

23. A. Zuev và L. Miasnicova, *Sự khủng hoảng của cách mạng thông tin*, T/c: Kinh tế thế giới và các quan hệ quốc tế (Nga), số 8/2006.

24. A. Eliacov, *Cuộc cách mạng thông tin đang tiếp tục*, T/c: kinh tế thế giới và các quyền quốc tế (Nga), số 8/2006.

25. A. Eliacov, *Thế giới thông tin của Mỹ và nước Nga*, T/c: Đối thoại (Nga), số 11/2001.

26. I. Freigenbry, R. Rovinxki, *Mô hình thông tin của tương lai với tính cách một chương trình phát triển*, T/c: Những vấn đề kinh tế (Nga), số 5/2000.

27. *Từ điển Tiếng việt*, Nxb Hà Nội - Đà Nẵng, 1997.

28. SaKaiya Taichi, *Xây dựng lại nền kinh tế Nhật Bản*, Tài liệu dịch của Viện Thông tin Xã hội, số TN - 2002 - 19.

29. G. Sapia, *Nền kinh tế thông tin*, T/c: Nhà kinh tế (Nga), số 10/2005.

30. I. Shicov, Chủ nghĩa tự do: *Quá khứ, hiện tại và tương lai*, T/c: Kinh tế thế giới và các quan hệ quốc tế (Nga), số 11/2004.

31. P. Sorokin, *Lịch sử không chờ đợi, nó đưa ra tối hậu thư*, T/c: Khoa học và Đời sống (Nga), 10/1989.
32. Shu Yongqing, *Xã hội loài người đi về đâu*, Viện Thông tin Khoa học Xã hội, 2002, tài liệu ký hiệu: TN 2002 - 76 và 77
33. R. Srulev, *Sự biến đổi của nền kinh tế công nghiệp: Vấn đề đo lường kinh tế*, T/c: Kinh tế thế giới và các quan hệ quốc tế (Nga), 2/2001.
34. L. D. Rezman. *Xã hội thông tin và vai trò của Viễn thông trong sự hình thành xã hội thông tin*, T/c: Những vấn đề triết học (Nga), số 3/2001.
35. Pirre Musso, *Xa lộ thông tin và xã hội thông tin*, Pense, 12/1996, số 306. Theo bản dịch của Viện Thông tin Khoa học Xã hội, số TN 98 - 35
36. Vũ Đình Hòa, Tạ Ngọc Tấn, Vũ Hiến... *Truyền thông đại chúng trong công tác lãnh đạo quản lý*, H, Nxb Chính trị quốc gia, 2000.
37. Vũ Minh Khương, *Đột phá từ triết lý phát triển*, <http://Vietnamnet.vn/Chính trị/2007/04689752>.
38. Tạp chí cộng sản, *Tổng quan kinh tế Việt Nam, số hiệu 2006*, theo [www.org.vn](http://www.org.vn).
39. *Di sản của Mác và Khoa học Kinh tế hiện nay*, T/c: Những vấn đề kinh tế" (Nga), số 1+2/2005.
40. A. A. Terentev, *Chính sách đối ngoại bảo thủ của T. Blair*, T/c: Kinh tế thế giới và các quan hệ quốc tế (Nga), 9/2005.
41. E. A. Tikhônôvich, *Thời đại thông tin và những vấn đề cấp bách của nền kinh tế*, T/c: Kinh tế thế giới và các quan hệ quốc tế (Nga), số 4/2005.
42. A. Toffler, *Cú sốc tương lai*, H, Thanh niên, 2002.
43. A. Toffler, *Làn sóng thứ ba*, H, Thanh Niên, 2002.
44. A. Toffler, *Thăng trầm quyền lực*, H, Thanh Niên, 2002.
45. G. TuRonok, *Cách mạng thông tin truyền thông và phổ các xung đột chính trị - quân sự mới*.

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

**BÁO CÁO TÓM TẮT**

ĐỀ TÀI KHOA HỌC CẤP BỘ 2006

**THÔNG TIN KHOA HỌC  
VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ  
Ở NƯỚC TA HIỆN NAY**

*Cơ quan chủ trì* : Viện Thông tin khoa học

*Chủ nhiệm đề tài* : TS. Đặng Lễ Nghi

*Thư ký đề tài* : ThS. Bùi Duy Thi

HÀ NỘI - 2007

6738 - TT

10/3/08

## CÁC CỘNG TÁC VIÊN

1. TS. Trần Xuân Châu
2. CN. Dương Xuân Dực
3. CN. Nguyễn Tuyết Hạnh
4. CN. Hoàng Văn Hoan
5. CN. Trần Ngọc Hội
6. PGS.TS Nguyễn Hữu Hùng
7. TS. Hoàng Ngọc Kim
8. CN. Nguyễn Thu Lan
9. Ths. Nguyễn Thị Hồng Lâm
10. CN. Vũ Ngọc Lân
11. CN. Tô Thị Loan
12. CN. Nguyễn Thị Phương Loan
13. TS. Trần Văn Nhung
14. TS. Trần Thanh Phương
15. TS. Nguyễn Văn Tài
16. Ths. Nguyễn Thị Tâm
17. Ths. Bùi Duy Thi
18. Ths. Đoàn Thị Thanh Thủy
19. CN. Nguyễn Thị Thoa
20. CN. Nguyễn Thị Lệ Thủy
21. CN. Nguyễn Thanh Thủy
22. CN. Nguyễn Anh Tuấn
23. GS.TS. Hồ Văn Vĩnh

## NHỮNG CHỮ VIẾT TẮT

TTKH	=	Thông tin khoa học
CNXH	=	Chủ nghĩa xã hội
XHCN	=	Xã hội chủ nghĩa
CSDL	=	Cơ sở dữ liệu
KHCN	=	Khoa học công nghệ
NCPT	=	Nghiên cứu phát triển
CNH, HĐH	=	Công nghiệp hoá, hiện đại hoá
WTO	=	Tổ chức thương mại thế giới

## MỤC LỤC

TT	Nội dung	Tr
1	<b>Lời mở đầu</b>	
	Tính cấp thiết của đề tài	1
	Tình hình nghiên cứu	3
	Mục tiêu nghiên cứu	4
	Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	4
	Phương pháp nghiên cứu	4
	Ý nghĩa của đề tài	5
2	<b>Chương 1: Lý luận khái quát về TTKH</b>	
	1.1. Khái niệm chung	6
	1.2. Ảnh hưởng tác động của TTKH đối với sự phát triển kinh tế	9
3	<b>Chương 2: Thực trạng hoạt động TTKH phục vụ sự phát triển kinh tế ở nước ta</b>	
	2.1. Về tổ chức hệ thống TTKH	12
	2.2. TTKH đã tích cực phục vụ cho quá trình đổi mới tư duy kinh tế	13
	2.3. TTKH đã bám sát nhu cầu thực tiễn	13
	2.4. TTKH góp phần tạo ra cơ sở cho sự ổn định chính trị - xã hội, đề đổi mới có trật tự	13
	2.5. TTKH phục vụ tích cực, có hiệu quả cho đường lối đổi mới có tính tự chủ và sáng tạo trong quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng ta	14
	2.6. TTKH phục vụ cho cuộc đấu tranh với tệ nạn xã hội và làm lành mạnh hóa xã hội để phát triển kinh tế	14
	2.7. Những hạn chế của TTKH	15
4	<b>Chương 3: Những giải pháp để TTKH tác động có hiệu quả đối với sự phát triển kinh tế</b>	
	3.1. Nhận thức rõ vai trò chức năng TTKH	15
	3.2. Bảo đảm các yếu tố chủ yếu quyết định chính trị nội dung của thông tin	16
	3.3. Một số giải pháp hỗ trợ	18
	<b>Kết luận chung</b>	18
	Danh mục tài liệu tham khảo	20

# LỜI MỞ ĐẦU

## 1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong những năm gần đây đã xuất hiện thuật ngữ "ưu thế thông tin", tức là khả năng thu thập, xử lý, lưu giữ và truyền tải thông tin để phục vụ cho nhu cầu xã hội, ưu thế thông tin được đề cập không chỉ về mặt số lượng thông tin mà cả mặt chất lượng thông tin. Ở Tây Âu ngành công nghệ thông tin đang phát triển nhanh gấp 2 - 3 lần các ngành khác. Ngay từ cách đây khá lâu, từ năm 1993 khối lượng của khu vực thông tin trong nền kinh tế của EU đã chiếm 50% khối lượng sản xuất công nghiệp. Hiện nay, ở Mỹ phần khu vực thông tin chiếm từ 60 - 70% GDP. Nhìn tổng quát trên thế giới năm 2005 thì tốc độ tăng trưởng của thị trường công nghệ thông tin đạt 7,1%, cao gấp hơn 2 lần tăng trưởng bình quân GDP của thế giới (Hội tin học Thành phố Hồ Chí Minh: Báo cáo toàn cảnh công nghệ thông tin Việt Nam năm 2006, tr. 2) .

Thông tin trở thành chủ đề nổi bật, thậm chí là chủ đề trung tâm lôi cuốn, thu hút sự nghiên cứu của nhiều nhà nghiên cứu nổi tiếng trên thế giới. Nó tập trung, thu hút trí tuệ nghiên cứu của rất nhiều trường phái khác nhau như: Al Toffler, D. Bell, Fukuyama (Mỹ), Helmut Shelski (Đức), Jean Logkime và Francois du Castel và Piere Musso (Pháp), Y. Nayashi (Nhật). Các nhà triết học, kinh tế và xã hội học Nga ví như: L. D. Rezman, E. Belikhov, A. Eliacov, B. L. Inozemxev, I Iuzvisin và nhiều người khác, ở Trung Quốc cũng được các nhà nghiên cứu hàng đầu quan tâm, ví dụ như: Shu Yongqing, Jin Wulun và rất nhiều người khác.

Ngày nay, TTKH là một hoạt động quan trọng và thiết yếu không chỉ đối với nghiên cứu khoa học, vai trò, chức năng và tác dụng của nó ngày càng được thể hiện rõ trong tất cả các mặt của đời sống xã hội, trong đó có lĩnh vực phát triển kinh tế, thông tin được coi là cơ sở nền tảng của xã hội.

Cùng với sự phát triển chung của nền kinh tế, của đời sống xã hội và đặc biệt là sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin, TTKH được chuyên môn hóa nhiều hơn, sâu hơn về các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội. Trong đó TTKH về lĩnh vực kinh tế đã đóng vai trò đáng kể. Mối quan hệ giữa TTKH với sự phát triển kinh tế ngày càng được nâng lên.

Ở nước ta, TTKH từng bước thể hiện được ảnh hưởng, tác động đến sự phát triển kinh tế và trở thành tiền đề của phát triển đó.

Mới đây Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2/9/2005/QĐ-TTg ngày 09 tháng 9 năm 2005, phê duyệt Chiến lược phát triển hệ thống đến năm 2010. Ngay lời mở đầu đã nêu rõ "Ngày nay, thông tin được coi là một nhu cầu thiết yếu trong đời sống xã hội", "Thiếu thông tin sẽ gây khó khăn trong việc đưa ra các quyết định hoặc các quyết định sẽ bị sai lệch, thiếu cơ sở khoa học, không thực tiễn và trở nên kém hiệu quả", "Chiến lược phát triển hệ thống là một bộ phận quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia". (Thủ tướng Chính phủ: Chiến lược phát triển hệ thống thông tin đến năm 2010, tr. 4).

Trong văn bản nêu trên đề cập đến đánh giá hiện trạng hoạt động thông tin, thông tin kinh tế luôn được nêu lên hàng đầu. Đồng thời văn bản này cũng khẳng định: Thông tin về kinh tế, khoa học, công nghệ v.v... còn hạn chế.

Trong tình hình như vậy, TTKH đóng vai trò, tác dụng, ảnh hưởng như thế nào đối với sự phát triển kinh tế là một trong những vấn đề cần được nghiên cứu từ phía TTKH cũng như từ nhu cầu cần đáp ứng thông tin của sự phát triển kinh tế.

Việc nghiên cứu vấn đề này nếu có kết quả tốt sẽ góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế, góp phần giải quyết tối ưu hóa mối quan hệ giữ TTKH với sự phát triển kinh tế, làm tăng lên vai trò, tác dụng của thông tin khoa học nói riêng và hoạt động thông tin nói chung đối với đời sống xã hội.



Có nhiều cách tiếp cận về tìm giải pháp để thúc đẩy sự phát triển kinh tế, ở đây tiếp cận từ góc độ TTKH, xác định rõ hơn một yếu tố góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

## **2. Tình hình nghiên cứu**

Ở nước ngoài đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về thông tin và xã hội, ví dụ một vài công bố như sau:

- Rezman L. Đ: xã hội thông tin và vai trò của viễn thông trong sự hình thành xã hội thông tin (Tạp chí Những vấn đề triết học, Nga, 3/2001, tr. 3 - 9.

- Pierre Musso: Xã hội thông tin và xã hội thông tin (Pensee, 12/1996, No 306, tr. 5 - 16).

- Inozemcev B. L: Kinh tế hậu công nghiệp và xã hội hậu công nghiệp, Tạp chí Khoa học và xã hội, Nga, 3/2001, tr. 140 - 152).

- Paul A. David, Dominique Foray: Dấu hiệu về nền kinh tế và xã hội tri thức (Tạp chí Khoa học xã hội, số 171, 3/2002, tr. 13 - 27, tiếng Pháp, Bản dịch của Viện TTKHXH, số TN 2003-20).

- Chen lihui: Internet và việc xây dựng lại mô hình tổ chức xã hội - một cuộc biến thiên xã hội sâu sắc đang diễn biến (Viện TTKHXH, TN 99-73)

- A. Eliacov: Ưu thế thông tin của Mỹ và Nga, (Tạp chí Đối thoại Nga, 11/2001).

- E. A. Tikhovovich: Thời đại thông tin và những vấn đề cấp thiết của nền kinh tế (Tạp chí Kinh tế thế giới và các quan hệ quốc tế (Nga), số 4/2005.

- V. Meitus: Doanh nghiệp ảo trong xã hội thông tin (Tạp chí các vấn đề lý luận và thực tiễn của quản lý (Nga), số 4/2006).

Ở trong nước cũng đã có các công trình đáng lưu ý:

- Đường Vinh Sương: Thông kinh tế với việc khắc phục những khuyết tật của kinh tế thị trường - Đề tài cấp bộ năm 1998 - 1999, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

- Hoàng Ngọc Kim: Thông tin khoa học với công nghiệp hóa, hiện đại hóa - Đề tài cấp cơ sở năm 2001 - 2002.

- Vũ Đình Hòa, Tạ Ngọc Tấn, Vũ Hiền... Truyền thông đại chúng trong công tác lãnh đạo quản lý, Nxb Chính trị Quốc gia, 2000.

Ngoài ra còn có các giáo trình thông tin học, một số luận văn tiến sĩ, với các mức độ nhất định cũng đã đề cập đến TTKH với sự phát triển kinh tế. Tuy nhiên, chưa có một công trình nào đi thẳng và bàn trực diện về vai trò tác động của TTKH với sự phát triển kinh tế và bàn các giải pháp để TTKH phát huy được vai trò của nó. Đề tài này được nghiên cứu là để giải quyết vấn đề đó.

### **3. Mục tiêu nghiên cứu**

*Mục tiêu:*

- Làm rõ vai trò, tác động của TTKH đối với sự phát triển kinh tế, những giới hạn tác động của TTKH.

- Đánh giá thực trạng tác động của TTKH đối với sự phát triển kinh tế ở nước ta trong những năm gần đây.

- Có những đề xuất để làm cho hoạt động TTKH tác động có hiệu quả đối với sự phát triển kinh tế trong giai đoạn tới.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

- Đối tượng nghiên cứu là thông tin và thông tin khoa học trong quan hệ với sự phát triển kinh tế.

*- Phạm vi nghiên cứu:*

+ Phạm vi nghiên cứu: áp dụng vào nền kinh tế nước ta trong thời kỳ đổi mới và hiện nay.

+ Khi đề cập đến thông tin khoa học phục vụ cho sự phát triển kinh tế thì đề tài cũng chỉ đề cập ở khía cạnh khái quát chung, vai trò tác động chung của thông tin nói chung và thông tin khoa học nói riêng đối với kinh tế.

+ Đề tài nghiên cứu cũng chỉ dưới dạng lý luận, chưa có tham vọng giải quyết nhiều khía cạnh cụ thể trong TTKH đối với sự phát triển kinh tế (Thí dụ: không thể đi sâu vào TTKH xã hội, TTKH công nghệ, TTKH an ninh và quốc phòng, TTKH giáo dục v.v..).

### **5. Phương pháp nghiên cứu**

- Phương pháp cơ bản: áp dụng chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, lý thuyết về thông tin học và vận dụng phương pháp luận kinh tế mácxít, tức là vận dụng hệ thống các phạm trù khái niệm của kinh tế học mácxít có liên quan đến đề tài để giải quyết các vấn đề lý luận, khái niệm.

- Phương pháp tổng hợp và phân tích: tức là qua tổng hợp các kết quả nghiên cứu, phân tích và rút ra những vấn đề có liên quan đến thông tin và kinh tế tri thức và thông tin, vận dụng kinh tế tri thức, vai trò hệ thống khoa học về kinh tế tri thức và thông tin.

- Các phương pháp nghiên cứu và phân tích kinh tế khác: thống kê, so sánh, phương pháp điều tra v.v..

## **6. Ý nghĩa của đề tài**

- Tác giả xử lý một cách độc lập khái niệm TTKH, triển khai mở rộng nội dung của khái niệm này với nội dung kinh tế, coi các quá trình kinh tế cũng là quá trình thông tin;

- Đưa vào khái niệm TTKH một số nét mới, chẳng hạn như khẳng định rằng TTKH là một yếu tố tiên phong của lực lượng sản xuất trực tiếp;

- Đưa ra những khái quát về tác dụng của TTKH đối với sự phát triển kinh tế, nêu lên nhiều điểm quan trọng, trong đó có những nhấn mạnh như nó là một loại vốn đặc biệt, cần phải biết cách tiết kiệm nguồn vốn thông tin.

- Nêu lên được một số giải pháp có tính khả thi, đặc biệt là nhấn mạnh các nhóm vấn đề về đẩy mạnh TTKH, trong đó đặc biệt chú ý đến nhóm nâng cao chất lượng TTKH.

- Có thể là một tài liệu giúp ích nào đó cho lĩnh vực thông tin khoa học và nghiên cứu kinh tế.

## **Chương 1**

# **LÝ LUẬN KHÁI QUÁT VỀ THÔNG TIN KHOA HỌC**

### **1.1. Khái niệm chung**

#### **1.1.1. Khái niệm thông tin**

Khái niệm thông tin dưới các góc độ sinh học, triết học, điều khiển học quản lý, thông tin học, kinh tế học, xã hội học được đề cập khác nhau

Tuy vậy, khái niệm thông tin trước hết liên quan đến khái niệm tri thức. Tri thức là "những hiểu biết có hệ thống về sự vật, hiện tượng tự nhiên hay xã hội" (Từ điển Tiếng Việt, Nxb Hà Nội - Đà Nẵng, 1997, tr. 998).

Thuật ngữ "thông tin" theo Tiếng Anh: information (có nguồn gốc từ tiếng Latinh, nghĩa là sự giải thích, sự trình bày). Theo quan niệm phổ thông là sự truyền tin. Thông tin chính là sự truyền tải tri thức trong xã hội.

Bản chất của thông tin có thể khái quát như sau:

- Thông tin là một phạm trù thuộc về nhận thức, nội dung và đối tượng của thông tin là tri thức, là sử dụng tri thức. Như vậy, "cốt vật chất" của thông tin là tri thức, kiến thức sự nhận thức.

- Thông tin là hình thức tri thức trong vận động, trong lưu động, trong lưu thông. Thông tin là tri thức được lưu chuyển trong không gian và thời gian giữa con người với con người, giữa kiến thức được vật hóa với con người sinh động.

- Thông tin được thực hiện bằng những công cụ và những hình thức với những quá trình nhất định. Có thể khái quát các công đoạn cơ bản của thông tin là: thu thập thông tin, xử lý, lưu giữ và truyền tin.

- Thông tin có các đặc điểm ưu thế quan trọng như sau:

+ Nó là một sản phẩm của hoạt động nhận thức và là sản phẩm trí tuệ, khác với các sản phẩm vật chất khác, nó không bị tiêu dùng hết khi sử dụng, không bị hao mòn, mặc dù nó bị sao chụp và truyền tải, được nhiều người

sử dụng.

+ Bản thân thông tin là một loại vốn đặc biệt, là một nguồn lực, nói chung sử dụng thông tin hợp lý càng lớn thì càng tiết kiệm được nguồn lực.

+ Sản phẩm thông tin trong quá trình lưu thông vẫn không tách khỏi quyền sở hữu của người chủ sở hữu thông tin.

+ Sản phẩm thông tin dù lang thang ở đâu thì nội dung của nó vẫn không thay đổi nếu như người ta không thêm bớt vào nội dung thông tin đó.

+ Nói chung không cần chi phí lớn để bảo lưu, lưu trữ sản phẩm thông tin, không cần phải tiêu hao nhiều năng lượng để bảo quản nó.

+ Là sản phẩm sạch, thân thiện với môi trường.

+ Nó là sản phẩm liên kết, nhờ đó mà thu hẹp lại khoảng cách không gian và thời gian, làm cho toàn cầu được kết lại với nhau.

- Thông tin có một vai trò đặc biệt quan trọng trong xã hội ngày nay. Nó là cơ sở để nhiều nhà khoa học sử dụng các khái niệm như: quyền lực thông tin (A. Toffler), nền kinh tế thông tin (G. Sapir), cuộc cách mạng thông tin (A. Eliacov), xã hội thông tin L. D. Rezman, A. Movsesian (Nga), Piere Musso (Pháp), Y. Nishigaki (Nhật Bản) v.v... Có những diễn giải khác nhau nhưng đều giống nhau là ở các nước kinh tế phát triển khu vực kinh tế thông tin đã hình thành, tức là GDP được tạo ra trong khu vực thông tin chiếm tỷ trọng lớn của nền kinh tế; thông tin đã có tác dụng lan tỏa ra nhiều mặt của đời sống xã hội.

### ***1.1.2. Khái niệm thông tin khoa học***

Từ khái niệm thông tin lại nảy sinh ra các khái niệm khác như: thông tin học, thông tin khoa học, thông tin khoa học kỹ thuật - công nghệ, thông tin khoa học - xã hội, thông tin khoa học - kinh tế v.v...

- Khái niệm thông tin khoa học là hình thức thể hiện của thông tin hay là xét khía cạnh thông tin theo nghĩa hẹp, là lĩnh vực thông tin về tri thức khoa học. Thông tin khoa học chính là sự truyền bá khoa học.

Như vậy, khái niệm thông tin khoa học là sự cụ thể hơn nữa khái niệm thông tin, khái niệm thông tin khoa học được khu biệt lại trong ý nghĩa truyền bá tri thức, giá trị khoa học.

- Khái niệm thông tin rộng hơn khái niệm thông tin khoa học ở chỗ: lĩnh vực thông tin theo nghĩa rộng là toàn bộ việc lưu trữ thông tin, dịch vụ thông tin và công nghệ thông tin bao gồm cả công nghệ phần cứng và phần mềm. Riêng việc truyền tin lại bao hàm toàn bộ các hình thức truyền thông đại chúng, các hoạt động thông tin khoa học và cả truyền tin dân gian.

Thông tin và thông tin khoa học về bản chất đều có sự giống nhau: dựa vào nhân tố vật chất cốt lõi làm cơ sở của chúng là tri thức, là giá trị khoa học, là chất xám.

- Thông tin khoa học bao gồm hai bộ phận:

+ Bộ phận nội dung: khai thác tin, tìm tin, xử lý các vấn đề có tính nội dung khoa học. Chẳng hạn: tổng thuật về toàn cầu hóa, tìm kiếm các tài liệu về toàn cầu hóa rồi phân loại các ý kiến về toàn cầu hóa như khái niệm, lịch sử ra đời, trường phái khoa học, tác động của nó. Bộ phận này là sự tiếp tục nghiên cứu khoa học trong giai đoạn truyền tin (lưu thông).

+ Bộ phận thứ hai: thông tin học, tức là khoa học và nghiệp vụ thông tin, nó mang ý nghĩa công cụ và phương pháp tìm tin.

Hai bộ phận này cũng chỉ tách biệt tương đối, bộ phận nội dung và bộ phận công cụ thực hiện luôn gắn với nhau nhưng mỗi bộ phận có trọng tâm riêng.

Thông tin khoa học gắn liền với nghiên cứu khoa học và là điều kiện của nghiên cứu khoa học, thông tin khoa học vừa là tạo nguồn về cơ sở dữ liệu, các thông số nhu cầu cho nghiên cứu, đồng thời thông tin khoa học lại có chức năng truyền tải kết quả nghiên cứu khoa học vào đời sống, đặc biệt là vào lĩnh vực kinh tế.

- Thông tin khoa học với hoạt động thông tin khoa học. Thông thường khái niệm thông tin khoa học là hoạt động khoa học nhưng là hoạt động trực

tiếp gắn với nội dung khoa học, với xử lý khoa học và phục vụ cho nghiên cứu và áp dụng vào thực tiễn; còn hoạt động thông tin khoa học thì còn bao gồm các lĩnh vực gián tiếp về thông tin khoa học, còn có những hoạt động mang tính tổ chức, hỗ trợ như công tác vật chất, công tác tài chính, công tác nhân sự, chính sách khoa học, quản lý khoa học.

- Thông tin khoa học là cốt lõi của hoạt động truyền thông, xét theo mối quan hệ với tri thức. Thực ra thì các hoạt động thông tin là hoạt động tri thức theo nghĩa rộng nhất, nhưng khi nói đến thông tin khoa học là chỉ tính chất khoa học, hàm lượng khoa học chứa đựng trong thông tin của các hoạt động truyền thông. Ví dụ các hoạt động báo chí có nội dung khoa học nhất định nhưng nó còn là mang nội dung giải trí và quảng cáo, chỉ có nội dung khoa học mới nằm trong phạm trù thông tin khoa học. Ngoài ra, trong thực tế, thông tin khoa học là chỉ hoạt động thông tin mang tính chuyên nghiệp chỉ có liên quan trực tiếp tới hoạt động khoa học.

## **1.2. Ảnh hưởng, tác động của thông tin khoa học đối với sự phát triển kinh tế**

### ***1.2.1. Thu thập và xử lý tin giúp cho hoạt động kinh tế***

Xử lý thông tin là điều kiện tiên quyết của các kế hoạch phát triển. Thông tin khoa học có khả năng cung cấp được dữ liệu để làm các dự báo, các yếu tố về xu hướng nhu cầu, tính quy luật về sự vận động của giá cả, khả năng cung ứng, điều kiện sản xuất - kinh doanh. Chất lượng của xử lý dữ liệu kinh tế là tiền đề đảm bảo thắng lợi cho các hoạt động kinh tế.

### ***1.2.2. Thông tin khoa học đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành tư duy kinh tế***

Tư duy kinh tế là hình thức phát triển cao của hoạt động sáng tạo, hoạt động kinh tế của con người. Tư duy kinh tế được hình thành từ thấp đến cao, từ những khái niệm giản đơn đến các hệ thống phạm trù, quy luật phức tạp của kinh tế. Tư duy kinh tế được hình thành bằng 2 con đường: kinh nghiệm

và khoa học. Thông tin khoa học có vai trò quan trọng trong việc hình thành tư duy kinh tế cho chúng ta bằng con đường nhận thức tự giác thông qua các hệ thống đào tạo, huấn luyện, cập nhật kiến thức dưới các hình thức khác nhau.

### ***1.2.3. Thông tin khoa học có tác động khơi nguồn cho tư duy sáng tạo mới***

Nói đến sáng tạo tức là nói đến việc xuất hiện cái mới. Thông tin khoa học thường là thông báo những vấn đề mâu thuẫn, những nhu cầu, những vấn đề mà cuộc sống kinh tế đòi hỏi khoa học phải trả lời. Do đó, bằng hình thức thông tin, nó gợi ý cho những tư tưởng mới, tư duy sáng tạo mới. Chẳng hạn, thời kỳ trước đổi mới, với những hình thức thông tin từ thực tiễn có phân tích tình huống, giới nghiên cứu đường lối chính sách đã tự đột phá được tư duy kinh tế bao cấp trì trệ, chuyển dần sang tư duy kinh tế mới.

Nhờ phát hiện các mâu thuẫn, các vấn đề nảy sinh, các nhu cầu thực tiễn và lý luận, do đó TTKH chính là nơi khơi nguồn tư duy sáng tạo.

### ***1.2.4. Thông tin khoa học là công cụ để sử dụng một loại vốn đặc biệt - vốn thông tin***

Vốn thông tin tức là tri thức do thông tin mà có, nó có giá trị ở chỗ không cần mua hoặc mua với giá không tương xứng với chi phí tạo ra tri thức đó, nhưng sẽ đem lại hiệu quả lớn. Loại vốn này được tự do sử dụng để phát triển kinh tế, nếu năng lực sử dụng thông tin lớn thì sẽ đem lại hiệu quả cao. Nó tùy thuộc rất lớn vào năng lực thông tin khoa học.

Hơn nữa, ngay bản thân thông tin khoa học cũng là một loại vốn, với ý nghĩa là một thứ giá trị làm tăng hiệu quả kinh tế.

### ***1.2.5. Thông tin khoa học là phương tiện tiết kiệm nguồn lực***

Nó thể hiện ở chỗ

- Sử dụng được các giá trị vật chất một cách hợp lý, nhờ có thông tin khoa học mà bố trí hợp lý tài nguyên, phân bổ nguồn lực, đặc biệt là lực



lượng lao động theo các nhu cầu một cách khoa học.

- Nhờ có thông tin khoa học nên tránh được sự trùng lặp trong nghiên cứu khoa học, tránh được lãng phí về tài chính và trí tuệ.

#### ***1.2.6. Thông tin khoa học là cầu nối giữa khoa học và thực tiễn kinh tế***

Có thể nói mối quan hệ giữa các khoa học với thực tiễn kinh tế là do thông qua các hoạt động thông tin khoa học. Bản thân thông tin khoa học là cầu nối trung gian giữa hai lĩnh vực đó, nên nó có tác động hai chiều, một mặt là cầu dẫn của những giá trị khoa học, những phát minh mới để đưa vào cuộc sống kinh tế, mặt khác cũng từ cuộc sống kinh tế mà những vấn đề cần phải đúc rút lý luận lại được thông tin khoa học phát hiện, để các lĩnh vực nghiên cứu giải quyết.

#### ***1.2.7. Thông tin góp phần tạo ra động lực tinh thần cho sự phát triển kinh tế***

Động lực tinh thần ở đây là bao gồm ở phương diện quốc gia và phương diện cá nhân. Khi có những thông tin lành mạnh, khoa học sẽ tạo ra ý thức tinh thần mạnh mẽ đối với tập thể và cộng đồng, cá nhân, thúc đẩy phát triển hoặc kìm hãm sự phát triển.

#### ***1.2.8. Thông tin góp phần trực tiếp tác động đến thay đổi phương thức sinh hoạt kinh tế***

Phương thức sinh hoạt kinh tế ở đây là nói về phương diện cách thức tổ chức kinh tế cụ thể, cách thức sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng và lối sống kinh tế. Thông tin khoa học sẽ tạo ra những lối nghĩ, cách làm có hiệu quả, tạo ra phương thức kinh tế có tính tích cực.

#### ***1.2.9. Thông tin có vai trò tác dụng hướng dẫn nhu cầu, góp phần kích thích nhu cầu mới, cũng như tạo ra phương pháp để thỏa mãn nhu cầu***

Thông tin khoa học định hướng nhu cầu ở chỗ: nhờ có các thông tin mà các nhà sản xuất biết trước, dự đoán trước được nhu cầu cho sản xuất, thị trường cần mặt hàng gì và do đó, có các thông số, dữ liệu để xây dựng

chương trình kế hoạch, tạo ra mặt hàng mới. Đặc biệt do tác động và kết quả của thông tin khoa học mà các nhà doanh nghiệp cũng sẽ dự đoán được nhu cầu hàng hóa, loại nào nhu cầu tăng lên và loại nào nhu cầu sẽ giảm xuống v.v... Do thông tin khoa học mà ảnh hưởng đến tiêu dùng hợp lý, kích thích tiêu dùng lành mạnh.

## ***Chương 2***

### **THỰC TRẠNG THÔNG TIN KHOA HỌC PHỤC VỤ SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ Ở NƯỚC TA**

#### **2.1. Về tổ chức hệ thống thông tin khoa học ở nước ta**

*- Về chủ trương:*

Hệ thống tổ chức thông tin khoa học ở nước ta đã được quan tâm nhất định, nó cũng được phát triển tương xứng. Trong các văn bản của Đảng và Nhà nước, ngay trong Nghị quyết 89/CP ngày 4 tháng 5 năm 1972 về phát triển khoa học - kỹ thuật đã đặt nền móng cho việc ra đời hệ thống các cơ quan thông tin khoa học. Đặc biệt, Hội nghị của BCHTW Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ 2 khóa VIII, năm 1996, đã có nghị quyết riêng về "Định hướng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000", đã khẳng định phải đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền, phổ cập kiến thức khoa học và công nghệ.

Gần đây, ngày 22/6/2000 Chủ tịch nước đã ký Sắc lệnh ban hành *Luật Khoa học và công nghệ*, có hiệu lực từ 1/1/2000.

- Hệ thống các cơ quan chuyên môn hoạt động trong lĩnh vực thông tin khoa học và công nghệ đã được định hình tổ chức và mạng lưới, đã đảm đương được về cơ bản nhiệm vụ thông tin khoa học, đáp ứng được các nhu cầu của nền kinh tế cũng như các nhu cầu chính trị và khoa học - công nghệ,

lý luận, đã có vai trò tích cực thúc đẩy phát triển.

## **2.2. Thông tin khoa học đã tích cực phục vụ cho quá trình đổi mới tư duy kinh tế ở nước ta**

Thông tin khoa học trong thời kỳ xây dựng CNXH trước đổi mới đã có những đóng góp quan trọng cho công cuộc xây dựng nền kinh tế mới XHCN và chế độ XHCN nói chung, phục vụ có hiệu quả cho công cuộc đấu tranh giải phóng Miền Nam và thống nhất tổ quốc. Từ khi Đảng ta phát động đường lối đổi mới, thông tin khoa học đã đi tiên phong trong việc phân tích những cơ sở khoa học cho công cuộc đổi mới, phê phán những cản trở của tư duy bảo thủ, bao cấp quan liêu, trì trệ. Thông tin khoa học đồng thời thông tin những tư tưởng, sáng kiến, chủ trương của Đảng về đổi mới nền kinh tế, phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần định hướng XHCN (phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN). Thông tin khoa học cũng biết chắt lọc những tư tưởng khoa học đúng đắn của kinh tế học hiện đại để áp dụng vào các chính sách quản lý kinh tế Việt Nam.

## **2.3. Thông tin đã bám sát nhu cầu thực tiễn**

Thông tin khoa học đã chú trọng bám sát tình hình phát triển của đất nước, đặc biệt là những vấn đề thực tiễn kinh tế. Thí dụ, thông tin khoa học đã phản ánh nhu cầu áp dụng khoa học, công nghệ, nhu cầu đổi mới của doanh nghiệp. Qua điều tra năm 2005 cho thấy chỉ có 30% doanh nghiệp quan tâm thực sự đến đổi mới công nghệ, còn 70% doanh nghiệp vẫn sử dụng công nghệ lạc hậu (Báo "Khoa học và phát triển", số 21, 26/5 - 1/6/2005, tr. 5).

Song thông tin khoa học xử lý tin cho doanh nghiệp còn rất hạn chế.

## **2.4. Thông tin khoa học góp phần tạo ra cơ sở cho sự ổn định chính trị - xã hội, để đổi mới có trật tự, phát huy mọi nguồn lực trong phát triển kinh tế**

Đổi mới theo đúng tiến trình mở rộng và phát huy dân chủ do Đảng ta đề ra, nhưng lại nằm trong sự vận động có trật tự. Đó là một đặc điểm lớn của quá trình đổi mới của Đảng ta. Ngay cả trong đổi mới kinh tế cũng vậy. Nó không gây ra những cú sốc và dẫn đến chao đảo hoặc thất bại như ở Liên Xô cũ và Đông Âu XHCN trước đây. Thông tin khoa học cũng đã đáp ứng được yêu cầu làm rõ yêu cầu đó.

Nhờ vậy mà kinh tế nước ta phát triển với tốc độ khá và chính trị xã hội ổn định, đời sống nhân dân được cải thiện nhiều, vị trí quốc tế nước ta được cộng đồng các tổ chức quốc tế lớn nhất và quan trọng nhất khẳng định, ủng hộ, dư luận rộng rãi khích lệ v.v...

### **2.5. Thông tin khoa học phục vụ tích cực, có hiệu quả cho đường lối đổi mới tự chủ, sáng tạo trong quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng ta**

Trong quá trình phục vụ đường lối của Đảng về xây dựng CNXH và bảo vệ tổ quốc, thông tin khoa học đã chú trọng đến tư tưởng tự chủ và sáng tạo của Đảng. Trong truyền thông đại chúng cũng như trong thông tin khoa học chuyên nghiệp, đã truyền tin, giải thích được tư tưởng tự chủ và sáng tạo về đổi mới của Đảng như phát triển nền kinh tế thị trường nhiều thành phần theo định hướng XHCN, thực hiện chế độ dân chủ một Đảng, truyền bá tư tưởng XHCN, về Nhà nước dân chủ của dân, do dân và vì dân v.v...

### **2.6. Thông tin khoa học phục vụ cho cuộc đấu tranh với tệ nạn xã hội và làm lành mạnh hóa xã hội để phát triển kinh tế**

- Thông tin khoa học về phòng chống đã góp phần tố cáo, lên án các hành vi tham nhũng, giúp cho các cơ quan chức năng kịp thời phát hiện và xử lý nhiều vụ tham nhũng, giảm thiểu cho nhà nước những thiệt hại đáng kể về kinh tế (Theo điều tra của EC cho thấy 2/3 vụ tham nhũng là do báo chí phát hiện, ở nước ta theo Nguyên Thủ tướng Phan Văn Khải thì 90% các vụ tiêu cực, tham nhũng được đưa ra ánh sáng là do báo chí và nhân dân phát hiện ra, thông qua báo chí mới được làm rõ - Báo Quân đội Nhân dân, ra ngày

21/6/2006, tr. 3).

- Thông tin về phòng chống tham nhũng đã có tác dụng giáo dục, động viên cổ vũ nhân dân tham gia đấu tranh chống cái xấu, mặt tiêu cực trên lĩnh vực kinh tế.

- Thông tin khoa học phòng chống tham nhũng đã góp phần củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước ta và chế độ ta.

- Đã góp phần vào công cuộc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, quản lý xã hội, vào quá trình dân chủ hóa mọi mặt của đời sống xã hội.

### **2.7. Những hạn chế chủ yếu của thông tin khoa học**

- Thông tin khoa học còn những bất cập lớn trong việc thông tin về các tư tưởng kinh tế Phương Tây, ít có thông tin xử lý hướng dẫn, bình luận.

- Thông tin còn chưa đáp ứng được yêu cầu về quy mô thông tin, đặc biệt chưa đáp ứng được nhiều cho nhu cầu từ cơ sở.

- Thông tin khoa học chưa đáp ứng được nhu cầu của các vùng sâu, vùng xa, không thực sự đáp ứng thực tế kinh tế xã hội nơi kém phát triển.

- Thông tin khoa học còn rất hạn chế trong phục vụ các doanh nghiệp và nông dân.

- Thông tin khoa học phục vụ cho lãnh đạo và nghiên cứu cũng còn nhiều bất cập, hiệu quả còn hạn chế.

## ***Chương 3***

### **NHỮNG GIẢI PHÁP ĐỂ THÔNG TIN KHOA HỌC TÁC ĐỘNG CÓ HIỆU QUẢ ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ**

#### **3.1. Nhận thức rõ chức năng thông tin khoa học nói chung và thông tin khoa học phục vụ sự phát triển kinh tế**

Nhận thức rõ các chức năng:

- Chức năng thu thập và lưu trữ thông tin;

- Chức năng thẩm định giá trị tin;

- Chức năng phổ cập thông tin, tri thức;
- Chức năng thông tin, phát hiện sự kiện mới, tri thức mới;
- Chức năng dự báo.

### **3.2. Đảm bảo các yếu tố chủ yếu quyết định chất lượng nội dung thông tin**

Khái niệm về chất lượng nội dung thông tin bao gồm nhiều tiêu chí, trước hết là liên quan đến hiệu quả thông tin khoa học.

Hiệu quả thông tin khoa học là kết quả tác động về kinh tế - xã hội (chính trị), tác động thúc đẩy sự phát triển khoa học - công nghệ, chi phí để đạt được kết quả đó.

Hiệu quả kinh tế của thông tin khoa học được tính theo công thức:

$$\text{Hiệu quả} = \frac{\text{Chi phí TTKH}}{\text{Lợi nhuận thu được do tác động TTKH (được quy đổi = giá trị)}}$$

Như vậy xét về phương diện kinh tế, thực hiện được các mục tiêu trên với chi phí càng ít thì hiệu quả TTKH càng cao.

#### ***3.2.1. Thông tin khoa học phải đáp ứng tốt hơn việc tạo lập hệ thống thông tin chiến lược phục vụ cho hoạch định đường lối chính sách***

Thông tin khoa học tiếp tục làm rõ tư duy phát triển của Việt Nam, tiếp tục làm rõ hơn nữa con đường quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ chính trị - xã hội TBCN, đảm bảo ý thức hệ XHCN dẫn dắt sự phát triển của xã hội.

#### ***3.2.2. Thông tin khoa học về tư tưởng kinh tế***

Đảm bảo hệ tư tưởng khoa học kinh tế Mác - Lênin được sống động, được phát triển, bỏ qua những giáo điều và phát triển những giá trị khoa học của nó. Đồng thời thông tin có chọn lọc những giá trị khoa học của kinh tế học hiện đại, phục vụ thiết thực cho nhu cầu kinh tế thị trường định hướng XHCN.

#### ***3.2.3. Thông tin đổi mới về chiều sâu***

Quá trình đổi mới ở nước ta đã bước vào đổi mới theo chiều sâu, nghĩa

là nâng cấp trình độ của chế độ chính trị, kinh tế, xã hội. Đó là sự hoàn thiện mọi mặt từ luật pháp cho đến vận hành trong thực tế.

Đổi mới theo chiều sâu thì cũng đòi hỏi thông tin khoa học phải đáp ứng, phải hiểu được yêu cầu của đổi mới theo chiều sâu. Thí dụ nâng cao chất lượng tăng trưởng, giải quyết hài hòa lợi ích trong xã hội, giải quyết vấn đề môi trường, vấn đề phát triển con người v.v...

### ***3.2.4. Thông tin khoa học góp phần phát triển tư duy xã hội theo hướng tư duy khoa học, tư duy lành mạnh***

- Tư duy kinh tế lành mạnh là tư duy kinh tế vừa đảm bảo tính khoa học, kết hợp dựa vào khoa học để phát triển và áp dụng có hiệu quả, đồng thời kết hợp tư duy hiệu quả kinh tế với tư duy đạo đức xã hội.

- Tư duy kinh tế lành mạnh là tư duy lao động trong luật chơi của thị trường.

### ***3.2.5. Thông tin khoa học thích ứng nhanh, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế trong thời kỳ mới khi nước ta là thành viên Tổ chức Thương mại Thế giới WTO, nước ta phải chịu áp lực cạnh tranh lớn hơn***

- Thông tin phù hợp cho các đối tượng, cán bộ lãnh đạo thì cần thông tin tóm tắt, lựa chọn, bao quát, đồng thời cũng cần cung cấp những tư liệu toàn văn. Đối với từng cán bộ lãnh đạo cụ thể thì ưu tiên tư liệu phù hợp với từng chức trách lãnh đạo, quản lý. Đối với doanh nghiệp thì phải thông tin để họ nắm bắt thị trường. Đối với người tiêu dùng cũng phải thông tin để ủng hộ doanh nghiệp trong nước và tiêu dùng tích cực v.v...

### ***3.2.6. Tăng cường công tác thông kê, phân tích, xử lý, phổ biến tin và kiểm tra chất lượng thông tin***

- Đảm bảo thông tin khoa học phải mang tính khách quan

- Tính thời sự, dự báo tốt và định hướng chính xác

- Phải rõ nguồn tin để đối chiếu.

### ***3.2.7. Thông tin những cái mới, sáng tạo mới***

Tức là phải nắm bắt những tư tưởng mới, những phát minh, những sáng kiến (dù còn tranh luận) để giúp cho các cơ quan nghiên cứu kịp thời xử lý và có đối ứng phù hợp, hiệu quả. Nó là những cái mới trong tất cả các lĩnh vực

có liên quan đến kinh tế.

### ***3.2.8. Thị trường hóa TTKH***

Ở đây muốn đề cập coi sản phẩm TTKH là hàng hóa và đưa các hoạt động TTKH vào hoạt động dịch vụ, có như vậy mới tăng tính năng động tích cực của các đơn vị làm TTKH.

### ***3.3. Một số giải pháp hỗ trợ***

#### ***3.3.1. Đẩy mạnh việc phát triển nguồn lực cho thông tin khoa học***

- Sử dụng đúng mục tiêu, nội dung.
- Phải làm tốt công tác đào tạo.
- Có khuyến khích đãi ngộ hợp lý cho cán bộ TTKH.
- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về việc phát triển nguồn nhân lực cho thông tin khoa học.

#### ***3.3.2. Tăng cường kinh phí và đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật***

#### ***3.3.3. Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về thông tin khoa học***

- Kiện toàn hệ thống quản lý từ trung ương đến cơ sở.
- Tiếp tục bổ sung hoàn thiện chính sách về phát triển thông tin

#### ***3.3.4. Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thông tin khoa học***

#### ***3.3.5. Xây dựng và phát triển hệ thống thông tin quốc gia về kinh tế***

#### ***3.3.6. Hoàn thiện cơ chế hoạt động thông tin kinh tế***

#### ***3.3.7. Đào tạo đội ngũ cán bộ làm thông tin kinh tế thị trường***

***3.3.8. Thông tin khoa học phải đáp ứng có hiệu quả đối với sự phát triển kinh tế***

## **KẾT LUẬN CHUNG**

Thông tin là một chủ đề lớn, có tính nổi bật và là đặc trưng của thời đại. Về mặt thực tiễn công nghệ thông tin đang đóng vai trò lớn nhất đối với nền kinh tế và tác động sâu rộng về mặt xã hội ở các nước trên thế giới, đặc biệt là các nước đi đầu về lĩnh vực này như Mỹ, Nhật Bản và các nước EU.



Về mặt lý luận, tuy chưa thống nhất, có người gọi nền kinh tế tiếp theo là trình độ công nghệ thông tin và kinh tế thông tin, có người gọi là xã hội thông tin, có người gọi là hậu công nghiệp, thậm chí còn gọi là hậu kinh tế hay xã hội phi kinh tế do tác động của sự phát triển cao của thông tin, tri thức và nhân văn. Nhưng chúng ta có thể khẳng định rằng sản xuất tri thức và thông tin có ưu thế hơn so với sản xuất vật phẩm - hàng hóa.

Thông tin khoa học đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế và xã hội thông tin, đặc biệt là đóng vai trò tiết kiệm nguồn lực, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn.

Thông tin khoa học nước ta đã có những đóng góp tích cực phục vụ cho công cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà và xây dựng CNXH. Nó đã làm cho hệ tư tưởng kinh tế của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm, đường lối của Đảng chiếm vị trí chủ đạo, đồng thời truyền bá những tư tưởng khoa học hiện đại, truyền bá khoa học - công nghệ mới phục vụ cho sự phát triển kinh tế nước ta. Tuy nhiên, thông tin khoa học cũng còn rất hạn chế về hiệu quả, về quy mô hoạt động, về tác động đối với sản xuất và kinh doanh, chưa gây được ấn tượng mạnh mẽ v.v...

Để đáp ứng yêu cầu sự phát triển kinh tế nước ta trong thời kỳ mới: thời kỳ phát triển toàn diện, phát triển theo chiều sâu và đổi mới căn bản, thông tin khoa học phải có những giải pháp toàn diện từ nhận thức chức năng, vai trò, vị trí đến nội dung nâng cao chất lượng hoạt động thông tin khoa học cũng như phải có các giải pháp đồng bộ khác.

Thông tin khoa học có một tiền đề và trọng trách lớn trước khoa học và trước xã hội.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. A. Anisimsev, *Đảm bảo thông tin trong quản lý hành chính nhà nước của Nhật Bản hiện nay*, T/c: Những vấn đề Viễn đông (Nga), 4/2004.
2. Bộ khoa học và công nghệ. *Khoa học và công nghệ Việt Nam năm 2003*, H, 2004.
3. Bộ khoa học và công nghệ - Trung tâm thông tin KH và CN Quốc gia. *Báo cáo kết quả điều tra hoạt động khoa học và công nghệ năm 2004 tại 7232 doanh nghiệp*, H, 2004.
4. E. V. Balaski, *Khoa học kinh tế trước những thách thức mới của thời đại*, T/c: Kinh tế thế giới và các quan hệ quốc tế (Nga), số 1/2006.
5. V. B. Boezusev, *Nghiên cứu ảnh hưởng của các cơ cấu ngầm trong nền kinh tế*, T/c: Người đưa tin Trường Đại học Tổng hợp Lômônôxốp (Nga), số 5/2004.
6. A. Buzgalin và A. Colganov, *Chúng ta có cần hay không chủ nghĩa Mác tự do*, T/c: Những vấn đề kinh tế (Nga), 7/2004.
7. CIEM và UNDP. *Báo cáo khảo sát về đổi mới công nghệ tại các doanh nghiệp Việt Nam, Hà Nội, 2004*, Dự án VIE/01/025
8. G. Gleiner, *Kinh tế nanô*, T/c: Những vấn đề kinh tế (Nga), số 12/2004.
9. Hội tin học thành phố Hồ Chí Minh, *Báo cáo toàn cảnh công nghệ thông tin Việt Nam năm 2006*.
10. B. L. Inozemcov, *Kinh tế hậu công nghiệp và xã hội hậu công nghiệp*, T/c "ONS", số 3/2001.
11. V. Kladuenco, *Sự điều tiết của Nhà nước trong nền kinh tế*, T/c: Những vấn đề lý luận và thực tiễn quản lý (Nga), số 6/2005.
12. Lê Văn Châu. *Những vấn đề cần quan tâm về thị trường chứng khoán nước ta*, Báo Nhân Dân, 15/01/2007.
13. Maarten Vanhenverswyr, *Bill Gates - vị cứu tinh của thế giới?*  
<http://www.manxist.com>, ngày 17/3/2005.

14. V. Meitus, *Doanh nghiệp ảo trong xã hội thông tin*, T/c: Các vấn đề lý luận và thực tiễn của quản lý (Nga), số 4/2006.
15. B. Meljansev, *Cuộc cách mạng thông tin của nền kinh tế mới*, T/c: Kinh tế thế giới và các quan hệ quốc tế (Nga), số 2/2001.
16. A. Movsesian, *Những xu thế hình thành xã hội thông tin*, T/c: Xã hội và kinh tế, số 6/2001 (tiếng Nga).
17. S. N. Nadel, *Khả năng và triển vọng của cuộc cách mạng công nghiệp tương lai*, T/c: Kinh tế Thế giới và các quan hệ quốc tế (Nga), số 9/2002.
18. Nguyễn Hữu Hùng, *Thông tin từ lý luận tới thực tiễn*, Nxb Văn hóa Thông tin, H, 2005.
19. A. Chernov, *Xã hội toàn cầu*, T/c: Đời sống quốc tế (Nga), số 9/2004.
20. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX và X*.
21. Đoàn Phan Tân, *Thông tin học: Giáo trình ngành cho sinh viên ngành thông tin - Thư viện và quản trị thông tin*, Nxb Đại học Quốc Hà Nội, H, 2001.
22. Đỗ Nguyên Phương. *Phát triển thị trường khoa học và công nghệ Việt Nam*, T/c: Hoạt động khoa học, số 2/2004.
23. A. Zuev và L. Miasnicova, *Sự khủng hoảng của cách mạng thông tin*, T/c: Kinh tế thế giới và các quan hệ quốc tế (Nga), số 8/2006.
24. A. Eliacov, *Cuộc cách mạng thông tin đang tiếp tục*, T/c: kinh tế thế giới và các quyền quốc tế (Nga), số 8/2006.
25. A. Eliacov, *Thế giới thông tin của Mỹ và nước Nga*, T/c: Đối thoại (Nga), số 11/2001.
26. I. Freigenbry, R. Rovinxki, *Mô hình thông tin của tương lai với tính cách một chương trình phát triển*, T/c: Những vấn đề kinh tế (Nga), số 5/2000.
27. *Từ điển Tiếng việt*, Nxb Hà Nội - Đà Nẵng, 1997.
28. SaKaiya Taichi, *Xây dựng lại nền kinh tế Nhật Bản*, Tài liệu dịch của Viện Thông tin Xã hội, số TN - 2002 - 19.
29. G. Sapia, *Nền kinh tế thông tin*, T/c: Nhà kinh tế (Nga), số 10/2005.

30. I. Shicov, Chủ nghĩa tự do: *Quá khứ, hiện tại và tương lai*, T/c: Kinh tế thế giới và các quan hệ quốc tế (Nga), số 11/2004.
31. P. Sorokin, *Lịch sử không chờ đợi, nó đưa ra tới hậu thư*, T/c: Khoa học và Đời sống (Nga), 10/1989.
32. Shu Yongqing, *Xã hội loài người đi về đâu*, Viện Thông tin Khoa học Xã hội, 2002, tài liệu ký hiệu: TN 2002 - 76 và 77
33. R. Srulev, *Sự biến đổi của nền kinh tế công nghiệp: Vấn đề đo lường kinh tế*, T/c: Kinh tế thế giới và các quan hệ quốc tế (Nga), 2/2001.
34. L. D. Rezman. *Xã hội thông tin và vai trò của Viễn thông trong sự hình thành xã hội thông tin*, T/c: Những vấn đề triết học (Nga), số 3/2001.
35. Pirre Musso, *Xa lộ thông tin và xã hội thông tin*, Pense, 12/1996, số 306. Theo bản dịch của Viện Thông tin Khoa học Xã hội, số TN 98 - 35
36. Vũ Đình Hòa, Tạ Ngọc Tấn, Vũ Hiền... *Truyền thông đại chúng trong công tác lãnh đạo quản lý*, H, Nxb Chính trị quốc gia, 2000.
37. Vũ Minh Khương, *Đột phá từ triết lý phát triển*, <http://Vietnamnet.vn/Chính trị/2007/04689752>.
38. Tạp chí cộng sản, *Tổng quan kinh tế Việt Nam, số hiệu 2006*, theo [www.org.vn](http://www.org.vn).
39. *Di sản của Mác và Khoa học Kinh tế hiện nay*, T/c: Những vấn đề kinh tế" (Nga), số 1+2/2005.
40. A. A. Terentev, *Chính sách đối ngoại bảo thủ của T. Blair*, T/c: Kinh tế thế giới và các quan hệ quốc tế (Nga), 9/2005.
41. E. A. Tikhônôvich, *Thời đại thông tin và những vấn đề cấp bách của nền kinh tế*, T/c: Kinh tế thế giới và các quan hệ quốc tế (Nga), số 4/2005.
42. A. Toffler, *Cú sốc tương lai*, H, Thanh niên, 2002.
43. A. Toffler, *Làn sóng thứ ba*, H, Thanh Niên, 2002.
44. A. Toffler, *Thăng trầm quyền lực*, H, Thanh Niên, 2002.
45. G. TuRonok, *Cách mạng thông tin truyền thông và phổ các xung đột chính trị - quân sự mới*.